

LUẬT THƯƠNG - MẠI

TÓÁT YẾU

QUYỀN I



Nhà xuất-bản BẠCH-ĐĂNG

494, Phan-Thanh-Giản

SAIGON



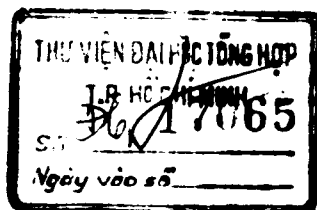
S621.1
L504T

LỆ - TÀI LÊ - TÀI - TRIỂN

347.7
LÊ - L
ĐK: 4596

LUẬT THƯƠNG-MẠI TOÁT YẾU

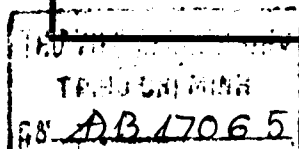
QUYỀN THỨ NHẤT



NHÀ XUẤT-BẢN BẠCH-ĐĂNG

494, Phan-Thanh-Giản

SAIGON



Lời nói đầu

Thời-kỳ hậu chiến có một đặc điểm là đã làm tăng số nhà buôn lên rất nhiều. Chiến-tranh đã làm cho nhiều nông-dân phải lìa bỏ thôn-quê, một phần xung vào các xưởng kỹ-nghệ. Một số đông khác phải rời bỏ lũy tre và ở đấy không còn sự an-ninh của cuộc đời bình-thản; họ kéo nhau ra thành-thị; với sự kiểm-soát trực-tiếp của Chính Quyền Trung-Uơng, đời sống của họ được bảo-đảm hơn và họ gây cơ-sở mới, buôn bán làm ăn.

Những phần tử ấy, sau khi chiến-tranh kết-liệu, không nghĩ đến việc trở về làng nữa. Họ đã quen với sự sinh-hoạt mới do họ đào-tạo ra; thành-thị cũng đã cảm-dở họ một phần nào với những sự vui chơi mà họ đã bắt đầu quen biết.

Bình-linh giải-ngũ lấy việc buôn bán làm kế sinh nhai; thợ thuyền có chút vốn cũng tìm một nghề tự-chủ.

Đó là những lý-do đã làm cho số nhà buôn tăng lên rất nhiều ở các thành-thị. Những nhà buôn mới mẻ này hoạt-động như thế nào? Lớn nhỏ chỉ mong kiếm lời để sinh-sống, hoặc làm giàu, mà không chú-trọng đến luật pháp chi-phối cái nghề - nghiệp của mình; do đấy, xảy ra những sự phạm pháp đưa đến vòng

tù tội, hoặc những sự tranh - chấp làm cho hao tài tổn của, có khi Tòa tuyên-bổ khánh-¹ận, kiệt-sản. Gặp trường-hợp ấy, nhà buôn dầu ngay tình cũng không thể viện lẽ mình không am hiểu luật pháp để bào-chữa. Lý lẽ ấy không được chấp nhận trước các Tòc-²Án vì đối với Tòa-án mọi người dân đều coi là phải biết luật. Sự thực, chúng ta sống ở một thời đại mà luật pháp đã nhiều, lại quanh co như rừng rậm, đến nỗi có nhiều đạo luật mà cơ quan chính quyền, cả đến Tòa-án cũng không biết tới. (1)

Luật thương-mại vì thế có một tính cách thời sự đặc biệt và cần được giảng giải. Người buôn bán cần biết đâu là quyền lợi, đâu là nhiệm vụ của mình. Đó là phương diện thực hành.

Về phương diện trau dồi tri-thức luật thương-mại là một môn quan-trọng trong chương trình cử-nhân. Sinh viên luật khoa tuy đã có giáo-sư dùi dặt, nhưng về mỗi môn học, cũng cần phải có một cuốn sách bằng tiếng Việt, để việc học hành được dễ dàng. Về luật thương-mại, cuốn sách ấy hiện nay chưa có, nên chúng tôi gắng gượng đứng lên làm cái việc cần kíp ấy.

Chúng tôi không có cái cao vọng làm một công-trình khảo-cứu tường tận, hoặc tranh luận sâu sắc, Cũng không phải chúng tôi, độc lực, đã làm nổi cuốn sách này. Cổ nhiên, chúng tôi đã tham khảo và dùng làm tài liệu những tác phẩm của các giáo sư người Pháp. Đây chỉ là những nét đại cương, gộp nhặt trong các tác phẩm ấy, mà chúng tôi cố gắng làm cho đầy đủ, để những điều cần thiết về mỗi vấn đề được đem ra trình bày, tuy tóm tắt, nhưng rõ ràng, và không thiếu sót.

Trong cuốn sách này, mỗi khi cần chỉ dẫn án lệ chúng tôi đã có chỉ dẫn án lệ của các Tòa Pháp,

một là vì các Tòa án Việt-nam chưa hoạt động được bao lâu, chưa có một án lệ đầy đủ, hai là vì cả trong ba phần Việt-Nam chỉ có Trung Phần có một bộ luật Thương-Mại. Bộ luật này gồm 270 khoản đại cương chép ở bộ luật Thương Mại Pháp ra. Ở Nam Phần bộ luật Thương-Mại Pháp vẫn được duy trì áp dụng. Bộ luật này có đã 150 năm nay, án-lệ Pháp đã dày công xây đắp, nhiều khi đã mang lại một sinh khí mới mẻ để cho bộ luật được thích hợp với thời đại.

Vả chăng, khoa học không có biên cương; nỗi lo âu hằng ngày của các nhà khoa học là tìm hiểu những thực hiện, cố gắng ở ngoại quốc, để bổ túc những khuyết điểm của mình. Đó là điều kiện thiết yếu của sự tiến hóa vậy.

LÊ TÀI L. T. T.

(1) Chúng tôi nói Tòa-án Pháp. Giáo-sư Ripert, trong cuốn « Sự suy đồi của luật-pháp » (Le Déclin du Droit — Librairie Générale de Droit et de Jurisprudence, 1949 — trang 162), có nêu ra những thí-dụ cụ-thể.

CHƯƠNG I

ĐỊNH NGHĨA DANH TỪ NHÀ BUÔN

Muốn đòi hỏi những quyền-lợi dành cho thương gia, trước hết phải có tư-cách là người buôn bán ; ngược lại, chỉ những người buôn bán mới phải chịu những nghĩa-vụ dành cho thương-gia.

Như vậy, trước hết phải định nghĩa danh-từ nhà buôn; Về môn kinh-tế học, người ta phân biệt nhà kỹ-nghệ với nhà buôn. Làm kỹ-nghệ là người sản-xuất ; nhà buôn là người chuyên về việc lưu-thông và phân-phối những tài-vật đã sản-xuất được. Buôn ở chỗ này, bán ở chỗ khác. đó là đem phân-phối tài-vật.

Kinh-tế học phân biệt như vậy, nhưng luật-học thì không . Đối với luật thương-mại, nhà kỹ-nghệ được đồng hóa với nhà buôn : cả hai cùng ở dưới sự chi-phối của luật thương-mại trong hoạt-động chuyên-nghiệp của họ.

Vậy là đã có một điểm ta cần nhớ kỹ : dù là thương-gia hay kỹ-nghệ, ta phải tuân theo luật thương-mại.

Trái lại, có một số nghề-nghiệp không phải là nghề buôn, không dính líu gì với luật thương-mại : nghề nông, nghề công-chức, nghề làm thợ, nghề tự-do, công-nghệ.

Không có sự khó khăn gì để phân biệt người buôn bán với người làm nghề nông, người công chức, người thợ , nhưng nghề tự-do và công-nghệ là những nghề khó nhận chân và giải thích được. Ta cần phải xét kỹ để phân biệt những nghề ấy với nghề buôn.

TIẾT THỨ I

Những nghề tự-do và công-nghệ

A. — Những nghề tự-do

Không có sự định-nghĩa nào đích-xác và rõ-rệt cho những nghề tự-do. Cổ truyền những người làm nghề ấy không kiếm lãi về công việc của mình, nhưng nhận tiền thù-lao của khách-hàng; khách-hàng vì tin cậy mà nhờ giúp việc.

Nghề luật-sư, nghề bác-sĩ, thú-y, kiến-trúc-sư, nghề giầy tư, viết văn, soạn nhạc là những nghề tự-do; nhưng cũng có trường-hợp làm nghề ấy có tính-cách thương-mại; ông bác-sĩ, mở một bệnh-viện tư, không những lấy tiền công về việc chăm nom săn-sóc bệnh-nhân mà còn kiếm lời được về tiền phòng cho bệnh-nhân thuê, tiền thuốc men máy móc bán lại cho bệnh-nhân; ông bác-sĩ ấy có tính cách nhà buôn trước luật thương-mại (Paris 29. 7. 35, DH 1935. 576; Alger 9.11.1901, DP1905. 2. 100. Paris 24. 10. 1908; S 1909. 2. 55).

Cũng vậy, một kiến-trúc-sư nếu chỉ nhận việc vẽ kiểu nhà và trông nom việc xây dựng thì là làm nghề tự-do, nhưng nếu nhận thầu làm công việc xây dựng thì thành nhà buôn (Civ. 15. 1. 1900. DP 1900. 1. 37).

Cũng vậy, một nhà soạn nhạc nếu tự xuất bản tác-phẩm của mình, tự mình tổ-chức việc quảng-cáo, phát-mại thì bị án-lệ coi là một nhà buôn (T.A. Bruxelles 21. 10. 33. S1934.4.1). Còn nghề bào chế tuy phải có văn-bằng, nhưng là một nghề thương-mại, vì hoạt động chính là mua về để bán đi, dầu có pha-chế cũng vẫn là nghề thương-mại.

Xét những trường-hợp trên này, ta nhận thấy rằng tính-cách tự-do của nghề-nghiệp có thể biến-cải theo quy-mô hoạt-động của nghề-nghiệp ấy. Hoạt-động trong phạm vi nghề-nghiệp thì còn là nghề tự-do. Hoạt-động ra ngoài phạm vi nghề-nghiệp, quy-mô trở nên rộng-rãi, phải dùng đến những phương-pháp thương mại, thì thành ra nghề thương mại.

Sự quan trọng của quy-mô hoạt-động không những có

ảnh-hưởng đối với nghề tự-do mà còn có ảnh-hưởng cả đối với công-nghệ.

B. — Những công-nghệ.

Công-nghệ cũng không được đạo luật nào định-nghĩa một cách tổng-quát và rõ-rệt. Chỉ có điều 2 bộ luật thương mại Trung-việt nói rằng những người công-nghệ bán những đồ vật của mình tự chế tạo ra, hoặc chế tạo với sự giúp đỡ của vợ con, người tập nghề, không phải là người buôn bán. Đó không phải là một sự định-nghĩa chắc chắn vì không có tính-cách trực-tiếp.

Rải-rác trong một hai đạo luật giải-quyết những vấn đề đặc biệt, ta thấy nhà làm luật đôi khi cho biết thế nào là một người làm công-nghệ : nhà công-nghệ hay tiểu công-nghệ là những người « lao-công tự làm lấy và làm cho mình một thủ công-nghệ đặt tại nhà mình hay ở ngoài, có dùng hay không dùng sức máy, có hay không có bằng hiệu, đứng bán thứ nhất là những sản-phẩm do tay mình làm ra, tự làm nghề một mình, hay có vợ hoặc chồng, hoặc có người thân thuộc trong gia đình, thợ hay người tập nghề giúp đỡ. Số người giúp việc cho một thủ-công không khi nào được quá số 10 người, không kể người thân-quyến trực-hệ của người ấy, và chính một mình người ấy phải đứng ra điều-khiển công việc mà thôi ».

Đó là sự định-nghĩa chép theo nguyên-văn trong điều 2 đạo Dụ ngày 2-4-53 ấn-định quy-chế việc thuê nhà ở và điều 10 Sắc-lệnh ngày 30-12-36 ấn-định chế-độ lao-công.

Sự định-nghĩa này có tính-cách riêng biệt, chỉ bó buộc Tòa-án trong việc áp-dụng những bản-văn nói trên, vì đó là những đạo luật đặc biệt, giải quyết những vấn đề đặc biệt, không có một hiệu-lực tổng-quát. Tuy nhiên, gặp trường-hợp cần phải biết được : sự có phải là một nhà công-nghệ hay không, Tòa-án vẫn có thể dựa vào điều luật nói trên mà quyết định.

Với sự dè-dặt ấy, ta thử tìm xem thế nào là một nhà công-nghệ theo điều 2 Dụ ngày 2-4-53 kể trên.

Văn chương của nhà làm luật không lấy gì làm sáng-sủa dè

hiều ta cần phải giải thích cho được thêm rõ-ràng. Có ba điều kiện phải đầy đủ mới được liệt vào hạng công-nghệ :

1/ Phải làm một nghề chân tay, chế-tạo hay sửa-chữa.

2/ Phải tự mình làm lấy, hoặc, nếu có người giúp đỡ, phải tự mình chỉ-huy ; nếu trong sự chế-tạo, sửa-chữa, ta làm việc dưới sự kiểm-soát chế-ngự của người khác, nghĩa là nếu ta không được tự-chủ thì ta chỉ là một người thợ. Trái lại, nếu ta không tự mình làm lấy, không dùng tay vào việc thì ta là một nhà kỹ-nghệ ; trong hai trường-hợp, ta đều không phải là công-nghệ.

3/ Phải làm cho bản thân mình ; nếu ta không làm cho ta, nếu ta không phải là chủ-cái cửa hàng sửa-chữa, chế-tạo thì ta cũng không phải là một nhà công-nghệ.

Người nào đủ những điều kiện trên này, có thể coi là một người làm công-nghệ. Nhưng cũng có khi vì quy-mô hoạt động của người ấy quá rộng-rãi, quan trọng làm cho người ấy vượt ra ngoài phạm vi công-nghệ, thành một nhà buôn.

Điều 2 Dự ngày 2-4-53 đã cho ta một ý-niệm về vấn đề ấy : khi người công-nghệ dùng đến quá 10 người thợ, không kể thân-quyển trực-hệ, thì không còn là người công-nghệ. Vì sao ? Vì rằng với số nhân-công quan trọng như vậy, sự hoạt-động chắc phải là to-tát, dùng đến những phương-pháp thương-mại, trực-lợi (1) về nguyên-liệu cũng như về nhân công, không còn là một việc khai thác có tính cách gia đình nữa.

Ấn lệ thường lấy cái quy-mô hoạt động làm tiêu chuẩn để phân biệt người làm công-nghệ với nhà buôn.

Như người thợ may, thợ giầy, nếu chỉ chuyên việc may áo quần, sửa chữa giầy dép cho khách hàng thì là người làm công-nghệ. Nhưng nếu ngoài việc xuất công lấy tiền, còn ăn lãi về vải vóc bán cho khách hàng, về nguyên-liệu dùng làm giầy, về nhân công thuê mướn thì sự hoạt động của họ lại thành ra có tính cách thương mại.

(1) Chúng tôi dùng chữ « trực-lợi » ở đây theo nghĩa thường dùng trong kinh-tế học, không có bao hàm ý-nghĩa gì miệt-thị.

Ta có thể kết luận rằng sự phân biệt người làm công nghệ với nhà buôn là một vấn đề hoàn toàn thực tế, phải xét định tùy theo trường hợp. Tòa án có toàn quyền xét định theo thực tế, không có nguyên tắc nào tổng quát và tuyệt đối chi phối vấn đề này cả.

Trên đây, chúng ta đã cố nhận định người làm nghề tự do và người làm công nghệ. Những điều hiểu biết của chúng ta chỉ mới giúp chúng ta nhận được rằng những người ở trong hai giới ấy không phải là nhà buôn, trừ những trường hợp đặc biệt mà chúng ta đã biết. Nay chúng ta cần phải tìm những sự chỉ dẫn tiêu biểu chắc chắn một nhà buôn.

Đó sẽ là mục tiêu tiết thứ hai của chúng ta.

TIẾT THỨ HAI

NHÀ BUÔN

Có hai phương pháp để định nghĩa danh từ nhà buôn. Phương pháp thứ nhất lấy thân thể nhà buôn làm yếu tố. Ta sẽ nói rằng nhà buôn là những người làm một nghề buôn bán. Nói như vậy không phải ta đi trong một cái vòng luẩn quẩn, vì dĩ nhiên, với phương pháp ấy nhà làm luật sẽ phải quy định những nghề nghiệp nào sẽ coi là nghề nghiệp buôn bán.

Phương pháp thứ hai lấy những hành vi của nhà buôn làm yếu tố. Nhà làm luật sẽ quy định những hành vi nào được coi là hành vi thương mại, và nhà buôn sẽ là những người, thường xuyên, lấy những hành vi ấy làm nghề nghiệp.

Ở Bắc Phần và Nam Phần không có luật Thương mại; cho cho đến ngày nay, các Tòa-án Nam phần vẫn áp-dụng bộ luật Thương-mại của Pháp. Ở Trung-Phần, có bộ luật Thương-mại điều 1 định rằng những nhà buôn là những người làm những hành-vi thương-mại và lấy những hành-vi ấy làm nghề-nghiệp của mình. Điều 1 này giống y như điều 1 bộ luật Thương-mại của Pháp.

Vậy ta phải biết những hành-vi nào sẽ coi là hành-vi thương-mại. Câu trả lời ở điều 7 bộ luật Trung-Phần và điều 632 bộ luật Pháp. Theo điều 7 bộ luật Trung-Phần thì được coi là hành-vi thương-mại:

10— Những việc mua bán thực-phẩm, hàng-hóa để bán lại (hoặc cứ để nguyên như thế mà bán, hoặc có sửa sang thay đổi), hay là chỉ để cho thuê dùng;

20— Những xí-nghiệp máy móc, chuyên-chở; những nhà làm việc lấy hoa-hồng;

30— Những việc hối-đoái, ngân hàng; việc làm trung-gian giữa người mua và người bán;

40— Những việc khai-thác mỏ để bán lại nguyên-liệu;

50— Đối với tất cả mọi người, những thương-phieu.

Trong điều 632 luật Thương-mại Pháp, không nói đến việc khai-thác mỏ, nhưng lại có thêm mấy khoản khác là những rạp tuồng, rạp hát công cộng; những nhiệm-vụ giữa những nhà buôn, nhà ngân-hàng với nhau.

Đọc qua hai điều 7 bộ luật Trung-Việt và 632 bộ luật Pháp ta nhận thấy ngay rằng có một cái gì lung-cũng, không trôi chảy. Cái lung-cũng ấy là vì nhà làm luật đã xáo-trộn những hành-vi với những nghề-nghiệp, đã xáo-trộn những quan-niệm pháp-lý với những sự-kiện thực-tế.

Ví-dụ: mua bán là những hành-vi có tính-cách pháp-lý vì việc ấy đào-tạo ra những nghĩa-vụ, quyền-lợi cho người bán cũng như người mua. Trái lại, nhà hát, rạp tuồng, xưởng máy thuộc về quan-niệm thực-tế ám-chỉ cái nghề-nghiệp của người chủ những nhà, xưởng ấy.

Sự xáo-trộn trên này do một nguyên-nhân lịch-sử gây ra trong bộ luật Pháp; bộ luật Trung-Việt đã chép lại bộ luật ấy, không nghĩ đến việc tìm một phương-pháp khoa-học và hữu-lý hơn để định-nghĩa những hành-vi thương-mại.

Chúng ta sẽ không đi sâu vào vấn-đề này, vì vấn-đề lịch-sử ấy không quan hệ với chúng ta lắm.

Nếu ta tìm những đặc tính chung cho những hành-vi và nghề-nghiệp đã nói trong điều 7 bộ luật Trung-Việt và 632 bộ luật Pháp thì ta nhận thấy rằng có hai đặc tính. Mỗi hành-vi và nghề-nghiệp ấy đều lấy sự lưu-thông tái-vật làm mục-tiêu và do sự kiếm lợi thúc đẩy.

Vậy thì người nào chuyên việc mua tái-vật ở nơi này đem bán ở nơi khác; mua về để bán đi với mục đích kiếm lợi trong việc mua đi bán lại ấy, người ấy là một nhà buôn.

Đó là sự định nghĩa mà chúng ta chấp nhận. Trong sự định nghĩa ấy, chúng ta lấy cá nhân của nhà buôn làm gốc; phải là người chuyên việc mua về bán đi trước đã; sau đấy, những việc mua về bán đi ấy phải có mục đích kiếm lợi nghĩa là phải tạo thành một nghề nghiệp, một sinh kế; như vậy mới là nhà buôn.....

Định-nghĩa như vậy rồi, chúng ta cần phải giải-thích để làm sáng tỏ những yếu-tố trong sự định-nghĩa ấy. Cần nhất là phải có sự mua về bán đi. Nhưng nếu hành-vi ấy là một thành vi lẻ-lo thì không đủ: chỉ những người có những hành-vi thường-xuyên như vậy, tức là những người chuyên việc mua về bán đi, lấy việc ấy làm cái nghề-nghiệp của mình thì mới là nhà buôn. Đã là nhà nghề tất là làm việc mua bán ấy phải nhằm mục-đích kiếm-lợi. Ví dụ: tôi mua một cái bút máy, tôi đem bán lại cho một người bạn. Tôi không làm một hành-vi thương-mại, tôi không phải là một nhà buôn, nếu sự mua bán ấy là một sự tình-cờ, không thuộc vào sự hoạt-động hằng ngày của tôi, không phải là một hành-động kiếm-lãi. Trong sự giao-dịch với người bạn mua bút, tôi chỉ có tư-cách nhà buôn nếu nghề-nghiệp của tôi chính là nghề buôn bút, chừng ấy nếu có sự tranh-chấp, tôi mới chịu thẩm quyền của Tòa-án Thương-mại và chịu luật Thương-mại chi-phối.

Ta nên nhận xét rằng cái mục-đích kiếm-lợi tuy nhiều khi không đạt, nhưng nhà buôn vẫn là nhà buôn ;đó là trường-hợp nhà buôn bị lỗ vốn.

Ta cũng phải nhận xét thêm rằng trong hai người cộng-ước làm một việc, việc ấy có thể có tính-cách thương-mại đối với bên này mà lại có tính-cách dân-sự đối với bên kia. Chẳng hạn, một chủ tiệm ăn mua rượu của một nhà bán rượu để bán cho khách-hàng; việc mua bán ấy có tính-cách thương-mại đối với cả hai bên; nhưng nếu người mua rượu chỉ là một người thường, mua về để mình dùng thì việc mua rượu, đối với người ấy, có tính-cách dân-sự. Luật thương-mại gọi ngừng việc mua bán ấy và những hành-vi hỗn-hợp. Nhân sự xét trên này, ta thấy rằng tất cả những việc mua bán của một nhà buôn không phải đều là những hành vi thương mại.

Cho nên sau khi đã định nghĩa được danh từ «nhà buôn» nay ta cần phải xét xem thế nào là một hành vi thương mại.

CHƯƠNG II

Những hành vi thương mại

Trên kia ta đã được biết rằng nhà buôn là những người mua về các hàng hóa, thực phẩm, đem bán lại lấy việc mua bán ấy làm nghề nghiệp sinh sống, kiếm lãi. Ta sẽ dựa vào sự định nghĩa này mà tìm yếu tố những hành vi thương mại.

TIẾT THỨ MỘT

Phân tách hành vi thương mại

I — Muốn có một hành vi thương mại trước hết phải có một việc mua.

a) Không phải cứ mua một đồ vật gì cũng có thể là một hành vi thương mại. Theo điều 632 luật Thương Mại Pháp và điều 7 luật Thương Mại Trung phần, phải là mua hàng hóa thực phẩm. Vậy mua một bất động sản không thể là một hành vi thương mại dù là mua để bán lại. Lý do là vì những việc tranh chấp về bất động sản, cổ truyền, thuộc thẩm quyền Tòa án Hộ; Tòa Thương-mại là một Tòa-án ngoại lệ, một Tòa-án bất-thường. Nếu coi những việc mua bán bất-động-sản là những hành vi thương mại, sẽ có hậu quả là phải đem những việc tranh chấp bất động sản lệ thuộc thẩm quyền Tòa-án Thương Mại.

Nhưng đó không phải là một nguyên tắc tuyệt đối, và, án lệ, về vấn đề này vẫn còn chia rẽ. Sự buôn bán đã trở nên rất rộng rãi, bao gồm cả bất động sản cũng như động sản. Cho nên có một số Tòa án đã phải coi những việc mua đất làm nhà để bán là những việc thương mại, nếu có sự trục lợi rõ rệt về những kiến trúc xây dựng. Một mặt khác, đối với những công ty buôn bán bất động sản, nếu thành lập dưới hình thức thương mại thì những việc buôn bán của các công ty ấy có tính cách thương mại.

b) Vì cần phải có một việc mua trong hành-vi thương-mại nên những người chỉ bán những đồ-vật do chính mình sản xuất ra không phải là làm thương-mại. Tỷ-dụ như nông-gia bán

thóc lúa của mình, nhà chăn-nuôi bán gà vịt của mình. Nhưng nếu những người này còn mua thêm hàng-hóa cũng loại ấy của người khác để bán lại thì hoạt-dộng của họ trở nên có tính cách thương-mại miễn là việc mua thêm ấy có tính-cách quan trọng và xảy ra luôn.

c) Có thể là nhà nông có một xưởng công-nghệ, kỹ-nghệ để biến-chế những thổ-sản của mình: trường-hợp ấy không làm cho nhà nông thành một nhà buôn hay một nhà kỹ-nghệ, miễn là chỉ biến-chế riêng số thổ-sản chính mình đã sản-xuất ra được. Giải-pháp này cũng áp-dụng cho nhà chăn nuôi chế sữa thành bơ và pho-mát.

d) Cùng một lý-do ấy, những văn-sĩ, nhạc-sĩ bán những tác-phẩm của mình không làm một hành-vi thương-mại, ngoại trừ trường-hợp đã nói ở trang 11 là khi văn-sĩ, họa-sĩ tự mình tổ chức việc quảng-cáo và phát hành. Nhưng, những nhà xuất-bản là những nhà buôn; công-việc của họ, in sách của người khác để bán, là một hành-vi thương-mại.

Đối với sự khai-thác một tờ báo, chúng ta không có một giải-pháp duy nhất, vì chúng ta đứng trước một tình-trạng phức tạp hơn. Trong sự khai-thác ấy, việc lấy quảng-cáo, đăng quảng-cáo là một hành-vi thương-mại. Còn chính về việc làm báo thì học-thuyết và án-lệ không có một thái-độ nhất quyết: Nếu làm báo để bình-vực một lý-tưởng thì không phải là một hành-vi thương-mại. Nhưng nếu người chủ báo có dùng biên-tập-viên viết bài có trả tiền công thì việc làm báo thành có tính cách thương-mại.

Thiết tưởng, yếu-tố này không có liên can gì đến tính-cách thương-mại của việc làm báo: điều cần thiết là phải xem xét cách tổ-chức của tờ báo có đáp theo cơ-sở thương-mại hay không: chẳng hạn phải xét tờ báo chú trọng đến việc diễn-đạt tư-tưởng một cách đúng-đắn, hay chỉ chuyên việc đăng quảng cáo lấy tiền thuê, chuyên thông-tin để lấy nhiều độc-giả. Trong trường-hợp những đề-tài của tờ báo chỉ là những đề-tài chuyên-môn, chỉ có một số ít công-chúng chú ý đến, thì rất có thể tờ báo chỉ có mục-đích khảo cứu, khoa học, không có tính cách

thương-mại. Nếu tờ báo trong cách tổ-chức, trong phẩm-giá nội-dung chỉ cốt được phổ-biến rộng-rãi trong đại-chúng thì mục-dịch kiếm-lợi ở trên hết và việc khai thác tờ báo có thể coi là một hành-vi thương-mại.

e) Những người làm nghề tự-do, không mua đồ vật gì để bán lại, cho nên nghề-nghiệp của họ không có hành-vi thương-mại, trừ những trường hợp đã giải thích ở trang 11.

2) Việc mua hàng-hóa, thực phẩm trên này, muốn có tính-cách một hành-vi thương mại, phải là mua với ý định bán lại. Đó là một yếu-tố cần thiết để phân biệt việc mua thương-sự với việc mua dân-sự mà trên kia chúng tôi đã dẫn một thí-dụ. Việc bán lại có thể xảy ra trước khi mua, nghĩa là có thể nhận bán lại trước rồi mới đi tìm mua sau. Đó là một trường-hợp rất thông-thường trong thương trường: như những nhà thầu nhận bán rất nhiều hàng hóa cho Chánh-Phủ, nhưng lúc ký giấy tờ thì trong kho chưa có chút hàng-hóa nào hết.

Thường tình, nhà buôn mua hàng về bán lại là để kiếm lãi. Nhưng ý định kiếm lãi không phải là lúc nào cũng có trong hành vi thương mại. Có khi nhà buôn mua hàng biết rằng bán lại sẽ lỗ vốn, nhưng vẫn là làm một hành vi thương mại: Trong thời kỳ hàng hóa khan hiếm, chẳng hạn như thời kỳ chiến tranh, muốn buôn thứ hàng này phải buôn thêm một thứ hàng khác không mấy người ưa dùng, muốn bán chạy phải bán lỗ vốn. Mặc dầu như vậy, việc mua những thứ hàng biết chắc là sẽ phải bán lỗ vốn ấy vẫn là một hành vi thương mại.

Trên đây là trường hợp thứ hàng phải chịu lỗ vốn được buôn chung với thứ hàng có lãi, nhưng còn trường hợp những người buôn nhiều thứ hàng mà không có ý định kiếm lãi về thứ nào cả thì sao? Trường hợp này là trường hợp các tổ chức hợp tác xã. Hợp tác xã là những tổ chức mua hàng hóa về bán lại cho hội viên, chỉ lấy đủ tiền vốn, tiền phí tổn, nhưng không lấy lãi. Ấn lệ cũng như học thuyết, hiện còn chia rẽ chưa nhất định về điểm những hợp tác xã có làm thương mại hay không. Một phần cho rằng nếu hợp tác xã chỉ có bán cho hội viên thôi thì không làm thương mại; trái lại, nếu bán cho người ngoài thì hoạt động của hợp tác xã có tính cách thương mại, vì như thế là chen vào việc phân phối-tài-sản, làm trung gian

giữa người sản xuất và người tiêu thụ. Một phần khác cho rằng sự trung gian ấy là một yếu tố kinh tế, không phải một yếu tố pháp lý, vậy không thể dùng làm tài liệu nhận định trong một vấn đề thuộc về pháp lý. Theo thuyết thứ hai này, sự hoạt động của hợp tác xã phải coi là có tính cách thương mại vì những cơ quan ấy được tổ chức theo phương pháp thương mại và trong hoạt động cũng phải dùng đến cách thức của nhà buôn.

Chúng tôi chỉ trình bày như vậy mà không đi sâu vào vấn đề, xin đề tùy độc giả lựa chọn trong hai thuyết trên kia.

Việc mua về với ý định bán đi là một hành vi thương mại như ta đã thấy. Ngoài ra, mua về để cho khách hàng thuê mượn cũng là một hành vi thương mại. Đó là trường hợp các người cho thuê ngựa, xe hơi, xe máy. Các bạn làm nghề cho thuê và sửa chữa xe máy mỗi khi bị kiện đuổi nhà và bị thua kiện thường lấy làm ưc, vì các bạn cho rằng việc làm sửa chữa xe máy của các bạn là một thủ công nghệ, và như thế các bạn được hưởng quyền miễn hạn theo Dự ngày 2.4.53 quy định việc thuê nhà để ở. Sự thật các bạn đã lầm và Tòa đã xử đúng lý, vì việc sửa chữa trong nhiều trường hợp chỉ là một việc phụ. Nghề chính của các bạn là nghề cho thuê xe, nghề ấy, theo luật, là nghề thương mại. Các bạn không ở trong trường hợp được Dự ngày 2.4.53 che chở, chỉ được hưởng quyền lợi nhà buôn theo Dự ngày 3.6.53.

Nhưng đó là một vấn đề khác không thuộc phạm vi tham khảo của chúng ta

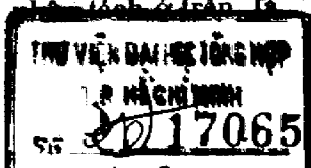
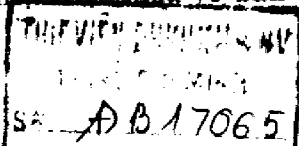
Sau khi đã phân tách hành vi thương mại như trên, chúng ta đã biết hành vi ấy được quan niệm như thế nào, giờ đây ta hãy kiểm điểm những hành vi thương mại đã được nói đến trong điều 7 luật Thương Mại Trung Phần và điều 632 luật Thương Mại Pháp.

TIẾT THỨ HAI

Những hành vi thương mại ở trong luật Thương Mại.

A/ — Những xí nghiệp.

Mỗi một việc mua về bán đi, như đã nói ở trên là



một hành vi thương mại, dù rằng chỉ là một việc lẻ loi, chỉ xảy ra một lần mà thôi. Nhưng, đối với một xí nghiệp, những hành vi ấy phải là những hành vi luôn luôn tiếp diễn, tiếp diễn từng đoàn nhờ ở một sự tổ chức thiết lập vì mục đích ấy và trong phạm vi chuyên môn của xí nghiệp. Tỷ dụ một việc chuyên chở lẻ loi không phải là một hành vi thương-mại; phải do một hãng chuyên chở làm thì mới là một hành vi thương-mại. Vậy thì một hành vi thương mại lẻ-loi không tạo thành một xí-nghiệp, cũng như không tạo thành một nhà buôn như chúng ta đã biết. Đó là đặc tính chung của tất cả các xí-nghiệp mà ta phải nhớ.

— Điều 632 luật Thương-Mại Pháp kể ra bảy loại xí-nghiệp

I/ Xí nghiệp máy móc. — Đó là những hãng dùng những nguyên-liệu nguyên-chất hay đã được sửa-soạn một phần nào rồi để chế tạo thành một sản-phẩm. Chúng ta đã biết rằng nhà kỹ nghệ được luật Thương-Mại đồng hoá với nhà buôn: chúng ta cũng đã biết rằng mua về bán đi là một việc buôn bán mặc dầu có biến-chế những hàng-hóa ta đã mua. Như vậy ta hiểu tại sao công việc của xí-nghiệp máy móc được coi là những hành-vi thương-mại. Nhưng chúng ta cũng đừng quên rằng đối với những nông-gia chỉ bán những thổ-sản của mình trồng trọt được, những nhà chăn-nuôi chỉ bán những súc-vật của mình nuôi công việc ấy không phải là những hành - vi thương-mại.

Nhưng có một loại hoạt-dộng khó xếp hạng, ấy là nghề thầu các kiến-trúc xây dựng, ta thường gọi là nhà thầu-khoán. Học thuyết phân biệt hai trường-hợp: Nếu người thầu chỉ tự mình trù-liệu nhân-công, và, lý nhiên, điều- khiển công việc xây dựng còn các vật-liệu do khách hàng cung-cấp thì việc làm không phải là một hành-vi thương-mại. Trái lại, nếu ngoài nhân-công, nhà thầu còn cung-cấp cả vật-liệu thì việc làm sẽ là một hành vi thương-mại vì y đã mua vật-liệu về để bán lại, còn việc xây dựng là việc biến-chế những vật-liệu ấy.

— Ân-lệ đã theo một quan-điểm khác từ lâu và giữ vững quan-điểm ấy. Ân-lệ coi công việc của nhà thầu-khoán là một hành-vi thương-mại nếu có sự trục-lợi thường xuyên về nhân công, dầu rằng những vật liệu đều do khách hàng cung cấp (Civ. 20. 10. 1908. DPI 909. 1.216).

2/ Việc buôn lấy hoa-hồng hay là việc mại biện.— Người buôn hàng ăn hoa-hồng là một người làm trung-gian trong việc thương-mại. Người ấy chịu ủy-thác để bán hàng của người khác. Tuy nhiên, người mại biện, mặc dầu chỉ là người thụ-ủy, hoạt động cho người chủ-ủy, lại dùng tên riêng mình mà hoạt-động, đó là một sự đặc biệt của việc thụ-ủy này. Đặc biệt vì theo phổ-thông luật-pháp, mỗi khi hoạt-động để thi hành sự ủy-quyền; người thụ-ủy phải nói rõ trong giấy tờ rằng mình chỉ là người thay mặt cho chủ-ủy. Phải nói rõ như vậy vì chính người chủ-ủy mới là người được hưởng những quyền lợi và phải gánh vác những nhiệm-vụ phát sinh ở khế-ước do người thụ-ủy ký-kết. Ở đây không thể, người mại biện (le commissionnaire) cứ việc đứng tên mình lập ước, không cần chỉ rõ mình thụ-ủy người nào.

3/ Những hãng chuyên chở.— Điều 7 bộ luật Thương-Mại Trung-Phần và điều 632 luật Thương-Mại Pháp nói rõ chuyên chở do đường thủy hay đường bộ, đều là một việc thương-mại. Thêm vào đấy, ta phải nhớ rằng chuyên chở bằng máy bay cũng là một việc thương-mại (điều 45 đạo luật ngày 31. 5.24 đã ban hành ở Việt-Nam ngày 3-12-1928).

4/ Những hãng thầu cung-cấp vật-liệu.— Những hãng này, chuyên về việc mua về bán đi, dĩ nhiên là làm công việc thương-mại. Thường thường, những hãng này nhận bán trước rồi mới đi mua hàng để giao sau. Loại xí-nghiệp này không được nói đến trong điều 7 bộ luật Trung-Phần.

5/ Những hãng bán đấu giá công-khai.— Những hãng này nhận bán đấu giá những hàng-hóa của các thương-gia hoặc kỹ nghệ-gia. Hàng-hóa có thể là hàng-hóa cũ hoặc hàng-hóa mới. Nếu là hàng mới thì chỉ được bán buôn (bán-sỉ); nếu là hàng hóa cũ thì có thể hoặc bán buôn, hoặc bán lẻ. Những hãng này không có ở Việt-Nam và bộ luật Thương-Mại Trung-phần trong điều 7 cũng không nói đến.

6/ Những nhà vui chơi công-cộng.— Danh-từ này gồm những nhà hát, nhà chiếu bóng, hòa nhạc, rạp xiếc; điều 7 luật Thương-Mại Trung-Phần không nói đến loại xí-nghiệp này.

7/ Những hãng chạy việc (Agence d'affaires).— Đây

là những người nhận giúp đỡ công việc cho người khác để lấy tiền công. Công việc mà họ nhận làm đủ mọi hạng: quảng-cáo, thuê mướn đồ vật, chụp hình, phóng sự. Tuy những hãng chạy việc này nhiều khi không phải là những chỗ làm ăn đứng-dẫn, nhưng ta đừng hiểu danh-từ « chạy việc » theo nghĩa thông thường của nó. Thường-thường ta dùng chữ « chạy việc » để chỉ một sự lo liệu bất hợp pháp, một sự hối-mại-quyền-thế. Ở đây, chạy việc chỉ có nghĩa là làm cho công việc được chạy được nhanh-chóng.

Ta cũng đừng lầm những hãng chạy việc với những phụ-viên tư-pháp có quy-chế hẳn-hoi như luật-sư, thừa phát lại v.v

Một nhận-xét cuối cùng : điều 7 luật Thương-Mại Trung Phần không kể đến những hãng chạy việc.

B — Sự khai-mở.—

Việc khai mở để lấy nguyên-liệu đem bán là một hành-vi thương-mại, theo điều 7 luật Thương-Mại Trung - Phần. Điều 632 luật Thương-Mại Pháp không nói đến việc này; nhưng đạo luật ngày 9.9.1919 đã sửa đổi đạo luật ngày 21.4.1810 và liệt việc khai mở vào những hành-vi thương-mại. Trong trường-hợp việc khai mở do một hội dân sự đứng làm, việc khai mở vẫn là một việc thương - mại, vì chính cái việc ấy, cái nghề ấy được luật-pháp coi là có tính cách thương-mại.

C/ — Ngân-hàng, hối-đoái trung-gian thương-mại.—

Mọi việc hoạt-động của các ngân-hàng, mọi việc hối-đoái đổi tiền ngoại-quốc, mọi việc trung-gian thương-mại đều là những hành-vi thương-mại. Dù là ngân-hàng công hay ngân-hàng tư, tất cả các công-việc và mọi phạm-vi hoạt-động có tính-cách ngân-hàng, hối-đoái, nghĩa là phải dùng đến tiền-tệ, có liên-can đến tiền-tệ, đều là những hành-vi thương-mại : tỷ-dụ như cho vay, đổi tiền ngoại-tệ, chiết khấu những thương-phiếu. Những công-sở chuyên việc kiểm-soát hối-đoái dĩ nhiên là không làm những việc thương-mại.

Trên kia chúng ta đã nói về người mại biện. Đó là một người trung-gian trong thương-trường, giữa người bán và người mua. Nay ta gặp một hạng thứ hai nữa. Hạng này ta sẽ gọi là trung-gian thương-mại, để phân biệt với hạng trên. Người trung gian thương-mại (le courtier) khác với người mại biện ở chỗ người trung-gian hành động nhân-danh hai người chủ-ủy. Hai bên cộng-trúc, người bán và người mua đều là chủ-ủy của y cả. Người trung-gian thương-mại, nhờ ở sự biết rõ những nhu cầu trong thương-giới, tìm mối cho nhà buôn có hàng muốn bán và tìm hàng cho người tiêu-thụ cần mua. Nhờ thế mà sự lưu-chuyển hàng-hóa thêm hoạt-dộng, người bán người mua không cần gặp nhau mà mua bán với nhau được.

Điều ta cần nhớ kỹ là về việc trung-gian thương-mại, chỉ một hành vi lẻ-loi cũng là một hành-vi thương-mại; trái lại, việc mại-biện phải được làm nhiều lần khă-dĩ tạo thành một nghề-nghiệp mới có tính-cách một hành-vi thương-mại. Đó là một sự khác biệt của luật-pháp đặt ra, sự thực không có lý-do gì xác đáng.

DI — Hối-phiếu

Hối-phiếu là một thứ thương-phiếu. Chúng ta biết rằng có ba thứ thương-phiếu: chi phiếu (chèque), lệnh phiếu (billet à ordre) và hối phiếu (lettre de change). Trong ba thứ thương-phiếu, hối phiếu bao giờ cũng có tính cách thương mại. Bất cứ là người nào, bất cứ để trả một món nợ gì, hễ đã dùng hối phiếu là làm một hành vi thương mại thuộc thẩm quyền Tòa Thương mại. Lý do là vì hối phiếu là một cách trả tiền giữa các nhà buôn thông-dụng, đã từ lâu. Còn những chi-phiếu, lệnh-phiếu thì tùy trường-hợp, có khi có tính-cách dân-sự, có khi có tính cách thương-mại. Nếu một người thường, dùng những thương-phiếu ấy thì đó là một hành vi dân sự; nếu là nhà buôn dùng thương - phiếu ấy thì để trả một món nợ buôn bán thì đó là một hành-vi thương-mại.

Nhưng làm một hối-phiếu phải theo những thể-lệ chặt-chẽ Trước hết phải:

- 1) ghi rõ là hối-phiếu;

2) ghi sự hối thúc trả một món tiền nhất định, sự trả tiền này phải vô điều kiện, không được bó buộc khoản gì; nhưng người nhận tiền có thể bị bắt buộc phải giao giấy tờ tài liệu rồi mới được nhận tiền: đó là hoàn thư hối-phiếu hoặc đề đơn hối phiếu (traite documentaire);

3) ghi tên người phải trả tiền;

4) ghi kỳ hạn trả tiền;

5) ghi nơi trả tiền;

6) ghi tên người nhận tiền;

7) ghi nơi và ngày tháng làm hối-phiếu;

8) chữ ký của người làm ra hối-phiếu.

Đây là mẫu một tờ hối phiếu:

HUẾ, ngày 30-3-1957

Số tiền 10.000đ

Yêu cầu ông đến ngày 30-7-1957 trả cho ông C, theo lệnh của ông ấy, và nhận hối-phiếu này, số tiền 10.000đ.

Ô. B (người phải trả tiền) A (người làm hối phiếu)

Ký tên

Ta nhận thấy rằng người phải trả tiền (B) là một người dè dặt. Sở dĩ người này phải trả như vậy là vì hoặc có nợ A (người làm ra hối-phiếu), hoặc bằng lòng cho A vay tiền. Tới kỳ hạn, nếu B không chịu trả, hoặc không trả tiền, thì A vẫn phải chịu trách nhiệm, trừ phi, trước ngày ấy, B đã ký nhận vào hối-phiếu.

Hối-phiếu là một thương-phiếu rất thông - dụng, nên đã nhiều lần được đem bàn bạc tại các hội-nghị quốc-tế. Một Hiệp ước Genève ngày 7-6-1930 đã quy định thể lệ hối-phiếu; phần lớn những nước tham dự hội-nghị ấy đã ban hành những nội-luật phù-hợp với Hiệp-ước. Về phần nước Việt-nam có sắc lệnh ngày 30-10-1935, được áp-dụng theo Sắc lệnh ngày 18-12-1936, ban hành do Nghị-định ngày 20-2-1937.

Đối với những độc giả không có kinh-nghiệm thực-hành về hối-phiếu chắc có nhiều điều bỡ ngỡ, nhưng chúng ta sẽ trở lại vấn đề này một cách cặn kẽ hơn.

E) — Đến đây chúng ta đã kiểm điểm hết những hành - vi thương-mại nói trong điều 7 Thương-Luật Trung Phần và 632

Thương-luật-Pháp. Nhưng còn hai loại nữa, loại thứ nhất do điều 633 Thương luật Pháp và loại thứ nhì do án lệ đặt ra.

Theo điều 633 những xí nghiệp đóng tàu, những việc mua bán tàu bè để dùng trong sự giao thông quốc nội hay quốc ngoại, những việc chở hàng bằng đường thủy, những việc mua bán lương-thực dụng-cụ điều khiển tàu biển, những sự bảo-hiêm về việc thương-mại bằng tàu biển, những khế-ước và tiền công thủy thủ, những việc tuyển-mộ nhân-công cho tàu buôn, những việc thuê tàu để chở hàng đều là những hành-vi thương-mại, và cả những việc cho vay hay đi vay để buôn một chuyến hàng bằng tàu bè, tàu đi trôi chảy bình yên thì được tiền lãi, rủi tàu bị đắm thì thôi chịu mất cả vốn. Ngày xưa, sự giao-thông trên bể không có gì chắc chắn, bão táp đắm tàu là thường, việc xuất vốn để buôn như vậy là một sự liều lĩnh, phiêu-lưu, cho nên gọi là prêt à la grosse.

F) — Còn hai ngành hoạt-động nữa được án-lệ đồng hóa với những hành-vi trên kia : đó là việc buôn bán chứng khoán (opérations de bourse) và việc bảo hiểm trên lục địa (assurances terrestres).

— Việc buôn bán chứng khoán: Chứng khoán đây là chứng khoán những quyền lợi của một hội viên hay một người cho vay dài hạn, chẳng hạn mỗi hội viên một Công ty vô danh có một số cổ phần; mỗi cổ phần là một trái khoán; chẳng hạn một hội buôn cần thêm vốn đem bán ra những trái khoán, những người mua trái khoán ấy hàng năm được một số tiền lời cũng như cho vay lãi.

Không phải người nào cũng có thể phát hành chứng khoán.

Chỉ có quốc-gia, những pháp nhân công pháp, những Công ty vô danh mới có quyền ấy.

Những người có chứng khoán, cố nhiên, có thể bán trực-tiếp cho người muốn mua và giao chứng khoán cho người này. Nhưng phần nhiều, người mua không lấy chứng khoán về, chỉ cốt mua để đầu cơ (động từ này dùng theo nghĩa kinh tế, không hàm ý nghĩa gì miệt thị), mua để bán lại ngay, nếu chứng khoán lên giá. Những việc mua bán như vậy phải làm ở một chỗ riêng, gọi là thị trường chứng khoán và phải qua tay những người nhân viên được độc quyền mua bán.

Những việc giao-dịch chứng-khoản như thế được án-lệ đồng hóa với việc ngân-hàng (opérations de banque) và coi như là hành-vi thương-mại.

— Việc bảo-hiêm trên lục địa: Những việc bảo-hiêm này cũng là những hành-vi thương-mại vì được đồng-hóa với những việc bảo-hiêm trên mặt biển đã nói trong điều 633 Thương-luật Pháp.

Đại-cương người ta phân chia bảo-hiêm lục-địa ra hai hạng: hồ-tương bảo-hiêm (assurance mutuelle) và nhất-giá bảo-hiêm hoặc định-nghiệp bảo-hiêm (assurance à prime fixe). Hồ-tương bảo-hiêm là trường-hợp nhiều người họp lại, đóng góp với nhau để khi nào một người trong bọn bị tai-nạn thì trích số tiền ấy ra cứu giúp: phương-pháp bảo-hiêm này được án-lệ coi là không có tính-cách thương-mại. Nhất-giá bảo-hiêm là trường-hợp một hội bảo-hiêm nhận bảo-hiêm cho nhiều người, về một sự rủi ro, và nhận của mỗi người một số tiền góp nhất định. Án-lệ coi phương-pháp bảo-hiêm này là một hành-vi thương-mại.

Sự thực, cả hai cách bảo-hiêm có thể coi là những hành-vi thương-mại; như ai nấy đều biết, những hãng bảo-hiêm nào cũng đều có một sự hoạt-động rất quan-trọng và, trong sự hoạt-động ấy, đều áp-dụng những phương-pháp hoàn-toàn thương-mại.

...

Trên đây, chúng ta đã xét qua tất cả những hành-vi tự-thể có tính-cách thương-mại. Chúng tôi nói «tự thể» vì rằng tính-cách thương-mại phát sinh ở ngay những hành-vi ấy. Có khi hành-vi ấy lẻ-lỏi, có khi phải là những hành-vi liên-tiếp như chúng ta đã biết, mới có tính-cách thương-mại, nhưng trong mọi trường-hợp, ta không cần xét đến cá-nhân của người đã làm ra hành-vi ấy không cần xét xem những người này có phải là thương-gia không. Nói khác đi, những hành-vi ấy, vì bản-tính là thương-mại, nên tạo ra người thương-gia; người nào làm những hành-vi ấy tức là thương-gia.

Nay chúng ta sắp gặp một loại hành-vi thương-mại khác. Những hành-vi này, chính ra, không có tính-cách thương-mại,

nhưng vì do thương-gia làm ra, nên có tính-cách thương-mại. Ở đây chính người thương-gia lại tạo ra hành-vi thương-mại: đây là trường-hợp trái ngược với trường-hợp trên kia, và những hành-vi thương-mại này thường gọi là những hành-vi thương-mại phụ-thuộc.

Đáng lẽ ra, ngay khi bắt đầu nói về hành-vi thương-mại, chúng tôi phải trình-bày với độc-giả sự phân chia những hành-vi thương-mại ra hai hạng như trên, như vậy thì, về phần lý-thuyết, sự trình bày sẽ đẹp-đẽ hơn. Chúng tôi đã không làm như vậy vì e rằng độc-giả chưa có một ý-thức rõ-ràng thế nào là một hành-vi thương-mại thì chưa lĩnh hội được tính-cách khoa học của sự phân chia như trên.

Bây giờ, xin mời độc-giả cùng chúng tôi khảo sát những hành-vi thương-mại phụ-thuộc.

...

TIẾT THỨ BA

Những hành-vi thương-mại phụ-thuộc.

§I — **Giải-thích.** — Trong khi án-lệ và học-thuyết Pháp đã phải mất nhiều công-phu để xây dựng thuyết thuộc-lý, ngõ hầu tìm ra những hành-vi thương-mại phụ-thuộc, thì bộ Thương-luật Trung-Phần đã không mất khó-nhọc gì hưởng sự kinh-nghiệm ấy và ghi kết-quả trong điều 8.

Điều 8 bộ Thương-luật Trung-Phần nói rằng: Những hành-vi dân-sự của một thương-gia làm ra, nhân việc buôn bán của mình đều là những hành-vi thương-mại.

Tất cả thuyết thuộc-lý tóm tắt trong câu này.

Ta phải nhận xét ngay rằng thuyết thuộc-lý chỉ áp-dụng cho những hành-vi của một nhà buôn, không áp-dụng được cho hành-vi của một người thường. Việc này rất dễ hiểu, vì một người thường không có hành-vi thương-mại nào, thì tất nhiên tất cả hành-vi của người ấy, chính cũng như phụ, đều không có tính-cách thương-mại. Sở dĩ những hành-vi phụ thuộc được coi như hành-vi thương-mại là vì hai lẽ:

a) Một là vì do một nhà buôn làm ra ;

b) Hai là vì làm ra nhân công-việc thương-mại.

Giữa cái hành-vi phụ-thuộc và cái nghề-nghiệp của đương-sự có một sự liên-lạc chặt-chẽ, làm cho cái nợ phải theo cái kia, làm cho hành-vi chịu phản-ảnh của nghề-nghiệp, thành ra một hành-vi thương-mại.

§ 2— **Bằng chứng.**— Làm thế nào để chứng tỏ được sự liên-lạc ấy ? Điều ấy rất cần thiết, vì chứng tỏ được sự liên-lạc tức là chứng-tỏ sự phụ-thuộc, và nhân đấy chứng-tỏ tính cách thương-mại.

Điều 638 s 2 Thương-Luật Pháp, nói về thẩm-quyền Tòa án Thương-Mại, đã định rằng những giấy tờ do một nhà buôn ký-kết được ước-đoán là đã làm cho việc buôn-bán của mình. Án-lệ đã đem sự ước-đoán ấy áp-dụng cho tất cả mọi hành-vi của nhà buôn, áp-dụng một cách tổng-quát, chứ không phải chỉ riêng về văn-dề thẩm-quyền. Vậy thì mỗi khi người nào lập ước với một nhà buôn, việc lập-ước ấy được ước-đoán là có tính-cách thương-mại ; nếu có sự tranh chấp, người ấy cứ việc thưa kiện trước Tòa - án Thương - Mại, không cần phải chứng-tỏ rằng việc ấy có liên-lạc với việc buôn bán của đối-phương. Nhưng không phải là nhà buôn không có quyền phản-kháng. Sự ước-đoán trên kia chỉ có hậu-quả đảo-lộn cái nhiệm-vụ dẫn chứng mà thôi, Nếu nhà buôn muốn phủ-nhận thẩm-quyền Tòa Thương-Mại, nếu không muốn chịu sự chi-phối của luật Thương-Mại, thì phải chứng tỏ rằng sự giao-dịch của y với đối-phương không có liên-lạc với công việc buôn bán của y, tức là không có tính-cách thương-mại. Điều ấy được chứng thì Tòa Thương-Mại phải tuyên bố vô thẩm-quyền. Ngoài trừ quyền kháng-cáo, nguyên-đơn sẽ phải nộp một đơn khác khởi tố trước Tòa Dân-sự, và ở đây, việc kiện sẽ giải quyết theo luật hộ.

§ 3 **Áp dụng.**— Thuyết thuộ có một phạm-vi áp-dụng rất rộng-rãi, không những áp-dụng cho những khế-ước do nhà buôn ký-kết, còn áp-dụng cả cho những điều lỗi của nhà buôn đã làm thiệt hại cho người khác, dù là vô tình phạm lỗi hay cố ý phạm lỗi.

a) **Những khế ước.**— Những khế-ước đủ các loại, một

khi đã do một nhà buôn ký-kết nhân việc buôn bán của mình, đều có tính-cách thương-mại. Có vai thứ khế-ước cần phải được xét kỹ :

Khế-ước bảo lãnh.— Việc bảo-lãnh có mục-dịch làm cho sự thi-hành khế-ước được chắc-chắn. Ví-dụ, A cho B vay tiền nhưng vì không tin B, bắt B phải có người bảo-lãnh. B tìm được C nhận bảo-lãnh và ký vào giấy nợ, hoặc ký nhận bảo-lãnh vào một tờ giấy riêng. Với sự cam-kết ấy nếu tới hạn B không trả được nợ thì C phải chịu trách-nhiệm trả thay. Về nguyên-tắc, sự bảo-lãnh là một khế-ước dân-sự, nhưng nếu người bảo-lãnh hành-động vì mục-dịch tư-lợi, không phải vì muốn giúp ích cho con nợ, thì việc bảo-lãnh trở nên có tính-cách thương-mại.

Mướn nhân-công.— Nhà buôn thuê mướn nhân-công giúp việc cho mình cũng là một hành-vi thương-mại ; tuy nhiên, tính-cách thương-mại, ở đây, bị đàn áp. Sự giao-dịch của nhà buôn với người làm công, theo một quy-chế đặc-biệt, là những khế-ước lao-công và thuộc thẩm-quyền riêng biệt của Tòa-án Lao-động.

Mua bán cửa hàng thương-mại.— Một nhà buôn đem bán cửa hàng của mình hoặc mua thêm một cửa hàng nữa để khuyến-trương việc buôn bán dĩ-nhiên là làm một việc thương-mại theo sự định-nghĩa của hành-vi thương-mại mà chúng ta đã biết. Ở trường-hợp ấy ta không cần phải dùng đến thuyết thuộc-lý. Nay ta thí-dụ một người chưa làm nghề buôn bán, nhưng mua một cửa hàng để buôn bán thì sao ? Ta có thể áp-dụng thuyết thuộc-lý để giải-quyết câu hỏi này: việc mua cửa hàng là việc thương-mại đầu tiên, việc mở đầu cho nghề thương-mại ; việc ấy cần-thiết cho nghề-nghiệp ; vậy thì có liên-can đến nghề-nghiệp. Vậy thì là một hành-vi thương-mại, theo thuyết thuộc -lý.

Những khế-ước liên-can đến bất-động sản.— Chúng ta đã biết rằng những việc tranh tụng về bất động-sản, cổ truyền, không thuộc thẩm-quyền Tòa Thương-mại và vì thế những khế-ước có liên-can đến bất-động-sản đều là những khế-ước dân-sự ; như người buôn bán thuê nhà để buôn-bán, việc thuê nhà là một khế ước dân-sự.

Tuy nhiên, chúng ta cũng đã biết rằng việc thương-mại càng ngày càng bành-trướng, bao gồm khắp các tài sản, cho nên chúng ta cũng đã thấy rằng án-lệ coi việc mua đất làm nhà để bán là một hành-vi thương-mại, nếu sự đầu-cơ trực-lợi nhắm vào những căn nhà cất trên những đất ấy (trang 18) cũng vì lẽ ấy án-lệ quyết định rằng một việc thuê nhà để khai thác một cửa hàng thương-mại, được thỏa thuận cùng một lúc với việc bán cửa hàng ấy, là một hành-vi thương-mại (Civ. 19-11-24 — DP1926. 1.138); và một người buôn-bán cho thuê những gian nhà, tuy có công-dụng thương-mại nhưng hiện không dùng đến, mục-dích lấy tiền để khuyếch trương công việc của mình, cũng là làm một hành-vi thương mại (Paris 28-5-45. D 1945. J. 341).

b) Những điều lỗi vô tình và cố ý.— Trong việc buôn bán nếu cố tình gây thiệt hại cho người ta thì đó cũng là một hành-vi thương-mại người bị thiệt hại có thể xin bồi thường trước Tòa Thương-Mại. Một thí dụ rất rõ ràng là trường-hợp nhà buôn dùng những phương-pháp cạnh-tranh bất chính đối với bạn đồng-nghiệp.

Trường-hợp vì vô-ý bất cẩn gây thiệt-hại cho người ta cũng vậy. Chẳng hạn một nhà buôn dùng xe hơi giao hàng cho khách hàng. Nếu xe hơi ấy gây ra tai-nạn, nạn-nhân có thể đệ đơn trước Tòa Thương-mại để xin bồi thường vì tai nạn đã xảy ra do lỗi của một nhà buôn (hay một tùy thuộc của người ấy), trong lúc làm công việc buôn-bán của mình: theo thuyết thuộc-lý, đó là một hành-vi thương-mại.

Tới đây, độc-giả đã cùng chúng tôi đi được hai trắng đường. Trong trắng thứ nhất, chúng ta đã tìm hiểu thế nào là một nhà buôn trong luật thương-mại. Sau khi tìm được sự định-nghĩa ấy, chúng ta đã chú trọng đến hoạt-động của nhà buôn, và trong một trắng thứ hai, chúng ta đã xét đến những hành-vi thương-mại.

Biết được thế nào là nhà buôn, biết được những hành-vi nào của họ có tính-cách thương-mại, câu hỏi thứ ba chúng ta phải đặt ra là: trong nghề-nghiệp, có những điều-kiện gì họ phải tuân theo, những nhiệm-vụ gì phải thi-hành.

Vấn-đề ấy sẽ là đầu-đề cho chương thứ ba của chúng ta.

CHƯƠNG III

Những điều-kiện và nhiệm-vụ của nhà buôn

TIẾT THỨ NHẤT

Những điều-kiện.

Nhà buôn đã được chúng ta định-nghĩa là những người mua về bán đi với mục-đích kiếm lợi và lấy việc ấy làm sinh-kế. Sự định-nghĩa này cho ta biết phải có hai điều-kiện mới được coi là nhà buôn. Nhưng trong lúc sử-hành nghề-nghiệp, còn một điều-kiện nữa, luật-pháp tuy không nói đến trong lúc định-nghĩa nhưng suy-luận sự định-nghĩa ấy ra thì cần phải có.

A.— Theo sự định-nghĩa trên, những việc buôn và bán phải là cái nghề của mình thì mới là nhà buôn. Chính vì sự buôn-bán phải là sinh-kế của mình cho nên nhà buôn phải là người đứng tên mình, buôn-bán cho mình, làm việc cho mình.

Những người thụ-ủy một người khác để làm những hành-vi thương-mại không phải là nhà buôn. Người mai-bien là một nhà buôn, vì rằng tuy là người thụ-ủy nhưng người ấy đứng tên riêng mà hoạt-dộng. Người trung-gian thương-mại là một nhà buôn tuy có tư-cách thụ-ủy là vì việc trung-gian, tự-thể có tính-cách thương-mại, như chúng ta đã biết.

Những người làm công cho một nhà buôn cũng không phải là nhà buôn, vì họ không làm việc buôn-bán cho bản thân họ, lời ăn lỗ chịu; họ không có quyền tự-chủ mà ở dưới sự chế-ngự của người chủ.

Quyền tự-chủ này, vị-thành-niên và người dân-bà có chồng không có, cho nên, đối với hai hạng này, phải có thêm những điều-kiện khác.

B.— Vị-thành-niên.— Vị-thành-niên là những thanh-niên, trai hay gái, dưới 21 tuổi. Vị-thành-niên muốn được làm thương-mại phải có 4 điều-kiện :

1) Phải đủ 18 tuổi.

2) Phải được thoát-quyền, tự-lập. Đối với những vị-thành-niên là con chính-thức, sự thoát-quyền do người cha, nếu không còn cha, thì do người mẹ, quyết-định. Người cha hay người mẹ phải làm tờ khai trước mặt Ông Thẩm-phán Sơ-cấp, hoặc Ông Thẩm-phán Hòa-giải; nếu cha mẹ đều chết thì Hội-đồng Gia-tộc có thể cho thoát-quyền. Đối với những vị-thành-niên là con ngoại-hôn, thì sự thoát-quyền do Tòa-án cho phép, sự thoát-quyền có thể bãi-bỏ cũng theo những thể thức ấy.

Ngoài ra vị-thành-niên đã lập gia-đình mà không ở chung với bố mẹ thì đương-nhiên được thoát-quyền. (Xem dân-luật Bắc-Phần từ điều 261 đến 270; Dân-luật Trung-Phần từ điều 261 đến 271 và Sắc-lệnh ngày 30-5-32, áp-dụng ở Nam-Phần).

3) Phải được phép buôn-bán, do những người có quyền giải-phóng cho phép. Sự cho phép có thể thu-hồi, nhưng không làm hại quyền-lợi của người đệ-tam, và vị-thành-niên có quyền khiếu-nại trước Tòa-án về sự thu-hồi ấy.

4) Giấy phép phải công-bố trong sổ sách thương-mại ở nơi vị-thành-niên buôn-bán; nếu thu-hồi cũng phải công-bố.

Một khi đủ những điều-kiện trên này, vị-thành-niên có toàn-quyền làm tất cả những công-việc thuộc về nghề-nghiệp buôn-bán của mình. Ngược lại y có thể bị Tòa tuyền-bố khánh-tận (phá-sản), hay bị tài phán thanh-toán.

Ta nên nhận xét rằng vị-thành-niên thoát-quyền trên này, không có quyền bán bất-động-sản (điều 6 Thương-luật Pháp và 4 Thương-luật Trung-Phần); những bất-động-sản ấy nếu chưa có bằng-khoản thì vị-thành-niên muốn bán phải có người quản-tài (curateur) hộ-trợ, theo điều 267 Dân-luật Bắc-Phần; điều 266 Dân-luật Trung-Phần và điều 4 kể trên của Thương-luật Trung-Phần; nếu là bất-động-sản có bằng khoán rồi thì phải có Hội-đồng Gia-tộc cho phép và bán theo lối đấu giá công-khai (Điều 315 Sắc-lệnh ngày 21-7-25).

Ngoài ra, vị-thành-niên thoát-quyền chỉ được đồng-hóa với người trưởng-thành riêng về việc buôn-bán của mình (Điều 270 Dân-luật Bắc-Phần, điều 270 Dân-luật Trung-Phần); về những việc khác có tính-cách dân-sự phải tuân theo những điều quy-định quyền-năng của mình trong luật Hộ.

Tình-trạng ấy có thể gây ra nhiều sự khó khăn, vì sự phân biệt hành-vi thương-mại với hành-vi dân-sự không phải là dễ. Cho nên án-lệ Pháp ước-đoán (xem trang 30, s 2) rằng những hành-vi của vị-thành-niên sẽ coi là hành-vi thương-mại, trừ phi vị-thành-niên xuất trình được bằng chứng trái lại. Về phần bộ Thương-mại Trung-Phần có điều 5 nói rõ ràng như vậy.

Gặp trường-hợp vị-thành-niên không đủ điều-kiện, không được cho phép hợp-lệ mà cứ buôn-bán thì phải giải-quyết như thế nào? Trước hết, vị-thành-niên ấy không có tư-cách thương-gia, do đấy, không thể bị tuyên-bố khánh-tận hoặc bị tãi phán thanh-loán. Còn những việc thương-mại mà vị-thành-niên đã làm thì đều vô-hiệu. Song, sự vô hiệu này chỉ có tính-cách tương-đối. Nghĩa là chỉ có vị-thành-niên có quyền nại sự vô-hiệu ấy để xin hủy-bỏ, nếu không, khế-ước vẫn phải thi-hành. Đối phương không nại được sự vô-hiệu ấy để hủy-bỏ sự cam-kết.

Nhưng, đối với những việc lỗi vô-tình hay cố-ý (xem trang 32-b) gây thiệt-hại cho người khác, vị-thành-niên vẫn phải chịu trách-nhiệm; và trong trường-hợp hành-vi của vị-thành-niên được hủy-bỏ coi là vô-hiệu, thì vị-thành-niên được lợi bao nhiêu phải hoàn lại chừng ấy. Chẳng hạn vị-thành-niên vay tiền để buôn-bán; sự vay mượn ấy vô-hiệu, chủ nợ không đòi được nợ; nhưng nếu chủ nợ chứng-tỏ được rằng vị-thành-niên đã dùng tiền vay được để trả một món nợ khác, để mua hàng-hóa, v.v... thì vị-thành-niên phải hoàn lại những số tiền đã dùng vào những việc ấy.

C) Người đàn-bà có chồng. — Người đàn bà -Việt-Nam có chồng không có quyền ký kết làm việc gì nếu không có chồng cho phép (Điều 98 Dân-luật Trung-Phần và điều 101§2 Dân-luật Trung-Phần).

Theo điều 101, 103 Dân-luật Bắc-Phần và điều 99, Dân-luật Trung-Phần, người vợ, dù là vợ cả hay vợ thứ, muốn làm một nghề nghiệp gì, một kỹ-nghệ gì, muốn buôn-bán, phải có sự ưng-thuận, công nhiên hay mặc-nhiên, của người chồng. Nếu người chồng khước từ, người vợ có thể xin Ông Chánh-án Tòa đệ-nhị cấp, (hay là Tòa Sơ-thẩm) cho phép, nhưng phải chứng

tỏ rằng việc làm ấy là do sự ích-lợi cho gia-đình mà phải làm.

Gặp trường-hợp người chồng không cho phép được, vì đã đi biệt tích, hoặc vì mắc bệnh loạn-tri, điều luật trên kia cũng có thể đem áp-dụng được.

Được phép rồi, người vợ có quyền làm tất cả mọi việc cần thiết cho sự buôn-bán của mình và tất cả những sự cam kết về việc buôn-bán ấy đều có hiệu-lực ràng-buộc người người chồng. Điều 6 luật Thương-mại Trung-Phần có đặt ra một thủ-tục để người chồng tránh cái trách-nhiệm ấy. Trong trường-hợp người vợ được ông Chánh-án cho phép buôn-bán, điều 6 trên này cho phép người chồng xin thanh-toán của chung. Đây là một sự đặc biệt vì tài-sản được thanh-toán trong khi hôn-phối còn tồn-tại. Ấn-vấn thanh-toán sẽ phải niêm yết trong phòng xử án, ở « nhà việc » nơi của hàng tọa lạc, và nếu có chi-nhánh, phải niêm-yết cả ở những chi-nhánh ấy.

Sau sự thanh-toán ấy, những tài-sản nào được công-nhận là của người vợ thì người vợ có toàn quyền xử-dụng; cả những tài-sản nào người vợ mới có cũng vậy. Những tài-sản ấy sẽ bảo-đảm riêng cho công việc buôn-bán của người vợ, nếu còn thừa, mới chi vào những món nợ chung của hai vợ chồng.

D) Những người bị cấm quyền và những người điên.— Những người này là những người bị luật-pháp cấm-đoán, không cho hoạt-động vì đã phạm trọng-tội, hoặc vì không đủ ý-trí xét-đoán những hành-động của mình.

Theo Dân-luật Trung-Phần, điều 284; Dân-luật Bắc-Phần, điều 283; những người bị án khổ sai chung-thân và khổ-sai có kỳ, thời trong khi đương chịu tội phải mất quyền quản-trị tài-sản của mình. Đã mất quyền quản-trị tài-sản tức là không có pháp-năng (tu-cách năng-lực trước pháp-luật) để làm thương-mại. Ở Nam-Phần Học-luật Canh-cải, điều 29, cũng cấm quyền những người bị phạt giam vì trọng tội chính trị, khổ-sai có kỳ, cấm-cổ.

Đối với những người này, không cần phải có ấn-vấn cấm quyền vì những án hình một khi đã thành chung-thâm thì có hiệu-lực như án cấm-quyền.

Án cấm-quyền là những án-vấn trước quyền một người đã thành niên hay đã được tự-lập nhưng mắc bệnh điên cuồng, hoặc tri-não thường thường xuẩn-ngốc. Sự cấm-quyền ở đây không phải là một sự trừng-phạt như trường hợp trên mà có mục-đích bảo-vệ quyền lợi cho đương-sự. Người bị trước quyền như vậy bị coi như một vị-thành-niên, cho nên không có pháp năng làm nghề buôn-bán.

Cũng có khi người điên hay xuẩn-ngốc không bị cấm-quyền, chỉ được thân-nhân hoặc nhà chức-trách cho vào điều trị tại một nhà thương điên, theo thẻ-thức sắc-lệnh ngày 18-7-1930. Những người này cũng phải coi là không đủ ý-trí tự-chủ, do đấy, cũng không có quyền buôn-bán.

Nếu trước khi bị đưa vào giữ gìn điều-trị ở nhà thương điên người điên đang làm nghề thương-mại, hoặc có tham dự một hội buôn thì người vợ, hoặc người chồng, người đồng-hội, có thể được cử quản-trị những việc buôn-bán ấy, (theo điều 287 Dân-luật Trung-Phần và điều 7 Dự ngày 13-2-1935, bổ-khuyết chương 3 trong tiết 9 Dân-luật Bắc-Phần), nhưng hàng năm phải trình bản kê-khai tài-sản trong Hội it ra là một lần cho người quản-lý đã được Tòa cử ra quản cố bản-thân và tài-sản của người điên.

Một khi đã bị cấm-quyền không cử vì điên hay vì phạm trọng-tội, thì việc buôn-bán phải chấm-dứt vì lẽ người bị cấm-quyền hoàn toàn vô-tư-cách, còn người giám-hộ thì không có quyền buôn-bán thay mặt cho người vô-tư-cách ấy. Vì thế cho nên, nếu một hội-viên trong một hội đồng-danh bị cấm quyền thì hội tan-rã trừ-phi trong điều-lệ có định trước rằng Hội sẽ tồn-tại giữa những hội-viên còn lại.

Trong trường-hợp người điên (chưa bị cấm-quyền) và người bị cấm-quyền (hoặc vì điên, hoặc vì phạm trọng-tội) làm những việc thương-mại thì những việc ấy có giá-trị hay không?

Đối với những người bị cấm-quyền thì tất cả những việc ấy đều vô-hiệu; riêng với những người bị cấm-quyền vì mắc bệnh-diên hay vì xuẩn-ngốc thì, ngay những việc làm trước khi bị cấm-quyền, nếu cái nguyên-nhân cấm-quyền đã có rồi,

Tòa cũng có thể tiêu-hủy (điều 283 Dân-luật Trung-Phần và 282 Dân-luật Bắc-Phần). Giữa hai hạng bị cấm-quyền này, sự vô-hiệu không cùng một tính-chất. Về phần người bị trọng-tội, sự vô-hiệu được coi là có tính-cách trật-tự công-cộng: người nào cũng có thể nại sự vô-hiệu để xin huỷ-bỏ thư-khế; về phần người bị cấm-quyền vì mắc bệnh-diên, sự vô-hiệu có tính-cách bảo-trợ: chỉ riêng người điên ấy, hay người giám-hộ đại-diện có thể nại sự vô-hiệu mà thôi.

Đối với người điên không bị cấm-quyền, sự vô-hiệu cũng có tính-cách bảo-trợ, nhưng sự bảo-trợ ấy hơi phức-tạp. Điều 291 Dân-luật Trung-Phần và điều 12 Dự ngày 13-2-1935 nói trên phân-biệt hai trường-hợp: Nếu thư-khế do người điên đã làm ở ngoài nơi bị giam-giữ thì Tòa xét xem lúc làm thư-khế ấy, đương-sự có sáng-suốt hay không, nếu có thì thư-khế hữu-hiệu, nếu không thì huỷ-bỏ. Trong trường-hợp thứ hai, thư-khế đã làm trong khi người điên bị giam-giữ, luật định rằng nếu « không có người quản-lý dự vào thời cho là vô-hiệu ». Người quản-lý đây là người quản-lý đã được Tòa cử để coi-sóc gia-nghiệp tài-sản của người điên trong khi bị giam-giữ. Và hai chữ « dự vào » đã dùng trong luật, chính có nghĩa là « hộ-trợ » theo ngôn-ngữ pháp-lý, vì người quản-lý không có dự vào công việc của người điên, nhân-danh mình, chỉ dự vào để giúp đỡ người điên thôi. Như vậy, điều 291 và 12 kể trên có nghĩa là nếu người quản lý có hộ-trợ người điên khi người này hành-dộng thì thư-khế sẽ hữu-hiệu. Thiết-tưởng giải-pháp ấy không thể áp dụng được một cách tuyệt-đối, vì rằng sự hộ-trợ của người quản lý không phải chứng-cớ là người điên đã biểu-dương được cái ý-trí sáng-suốt, vậy Tòa phải tìm cái ý-trí sáng-suốt ấy khi xét định giá-trị của thư-khế. Chúng tôi nghĩ rằng trong cả hai trường-hợp, thư-khế làm ở nơi người điên bị giam-giữ hay ngoài nơi ấy, Tòa-án đều phải lấy cái ý-trí của người điên làm yếu-tố căn-bản cho sự xét-đoán.

E) Những người kém trí và những người hoang-phí quá độ. — Người kém trí là người không đủ trí khôn như người thường, hoặc có chứng loạn óc. Người hoang-phí là người

có tính tiêu tiền một cách quá đáng cho những sự mê-muốn, ham-thích bất-thường của mình. Những người này, tuy đã thành-niên, nhưng dễ che-chở họ, Dân-luật Pháp (điều 499, điều 513 đến 515) cho phép thân-nhân của họ xin Tòa cử một giám-hộ đặc-vụ để coi sóc những hành-vi của họ.

Dân-luật Bắc-Phần và Dân-luật Trung-Phần đều không nói đến những người này. Sắc-lệnh ngày 3-10-83 cũng không nói đến những người hoang-phí quá độ, chỉ nói đến những người kém trí. Theo sắc lệnh năm 1883, đối với những người tuy không phải là điên, nhưng kém trí khôn, hoặc tàng tật như điếc-lác, nghiện rượu, Tòa có thể không cấm-quyền, nhưng cử một người giám-hộ riêng. Người giám-hộ này không thay mặt cho đương-sự, chỉ hộ-trợ y trong mọi hành-động mà thôi. Theo đấy ta có thể suy-luận rằng người kém trí có thể làm thương-mại, nhưng trong mỗi việc phải có người giám-hộ dự-kiến và hộ-trợ.

TIẾT THỨ HAI

Những nhiệm-vụ của nhà buôn.

§ 1 — **Sổ-sách.**— Từ lâu, nhà buôn đã có lệ làm những sổ-sách về công-việc buôn bán của mình. Kỳ thủy, họ làm sổ-sách để cho công-việc của họ được dễ dãi thuận-tiện, lâu dần thành tục-lệ rồi những người giao-dịch với nhà buôn nhiều khi đòi xem và được xem những sổ-sách ấy.

Những tục-lệ ấy đã được đem vào luật Thương-mại thành những điều bó buộc, Tuy nhiên, Thương-luật Pháp và Thương-luật Trung-Phần tuy bắt buộc nhà buôn phải có sổ sách mà không trú-liệu phương-pháp gì để trừng phạt trực tiếp những người không có sổ-sách. Thương-luật Pháp cũng như Thương-luật Trung-Phần chỉ trừng phạt gián-tiếp sự khiếm-khuyết ấy khi nhà buôn đã bị tuyên-bố phá-sản. Điều 586 § 6 Thương-luật Pháp phạt nhà buôn về khinh-tội phá sản nếu không có sổ-sách hoặc có sổ-sách mà không hợp-lệ. Để hiểu rõ điểm này, ta cần nói qua về sự phá-sản.

Nhà buôn nào ngừng trả nợ, nghĩa là có những món nợ đáo hạn mà không trả được thì bị Tòa tuyên bố phá-sản (hay khánh-tận). Theo Thương-luật Pháp, nếu trong sự phá-sản

có những hành-vì gian trá như hủy bỏ sổ-sách, bịa đặt ra những món nợ không có, biến-thủ một phần tài-sản để khỏi trả nợ thì đó là một trọng-tội; nếu xét sự phá-sản là vì nhà buôn đã ăn tiêu quá mức, đã làm những việc đầu-cơ bấp-bênh, nếu nhà buôn không có sổ-sách, vắn, vắn... thì đó là một khinh tội.

Thời Pháp-thuộc, các Tòa Pháp ở Việt-Nam áp-dụng hai bộ Hình-luật Canh-cải (tức là bộ Luật trên, có sửa đổi ít nhiều) áp dụng cho những người Việt bị xử trước Tòa-án Pháp. Như người Pháp phạm trọng-tội phá-sản thì chiếu điều 402 bị phạt khổ-sai có kỳ, phạm khinh-tội phá-sản thì chiếu luật có thể bị phạt 2 năm tù. Đối với người Việt thì trong 5 trường hợp trên, hình-phạt là 1 đến 5 năm tù, trong trường-hợp dưới từ một tháng đến 2 năm. Hiện nay chỉ còn bộ luật Hình-luật Canh cải được áp-dụng và áp dụng riêng ở Nam-Phần.

Trong Thương-luật Trung-Phần, tất cả trường-hợp phá-sản cũng đều là khinh-tội: riêng về việc thiếu sót sổ-sách thì hình-phạt từ 6 tháng đến 3 năm (điều 254 § 1).

Vì thiếu sự hình-phạt trực-tiếp nên có nhiều nhà buôn nhỏ không làm sổ-sách và nhà chức-trách cũng làm ngơ cho. Nhưng có một lý-do thực-tế bó buộc các nhà buôn phải làm sổ-sách là sự kiểm-soát của Sở Thuế-vụ: Có làm sổ-sách thì mới có tài liệu khai thuế, một đẳng khác Sở Thuế-vụ có quyền đòi thông-tri sổ-sách để kiểm-soát.

Thương-luật Pháp từ điều 8 đến điều 11, và Thương-luật Trung-Phần từ điều 9 đến điều 11, kể ra những sổ-sách mà nhà buôn nào cũng phải có. Nhưng Thương-luật Trung-Phần, trong điều 12, khoản 3, nói thêm rằng việc làm sổ-sách là một việc bó buộc cho tất cả những nhà buôn nào đóng thuế môn bài trên 200đ. như vậy có nghĩa là môn-bài dưới số tiền ấy thì không phải làm sổ-sách.

Ta nên nhớ rằng việc đóng thuế môn-bài không đủ tiêu-biểu một nhà buôn, không phải là một chứng-cớ đầy đủ rằng ta là nhà buôn. Nhiều khi, trước Tòa người ta thường lý-luận rằng «tôi là nhà buôn, vì tôi có đóng thuế môn bài». Lý-luận như vậy là sai muốn là nhà buôn phải có những điều

kiện mà chúng ta đã phân-tách ở trên, và không phải chỉ riêng nhà buôn mới đóng thuế môn-bãi, có nhiều nghề khác cũng phải đóng thứ thuế ấy.

Có những sổ-sách gì nhà buôn phải làm?

A) Sổ sách do luật Thương-mại buộc phải có.

1 — Sổ nhật-ký — Trong sổ này nhà buôn ghi chép những công việc hằng ngày của mình, mua vào những gì, bán ra những gì, thu vào bao nhiêu tiền, chi ra bao nhiêu tiền. Trong sổ phải ghi cả tiền ăn tiêu hàng tháng của nhà buôn và gia-dình.

2 — Sổ sao thư-từ. — Thư-từ của nhà buôn nhận được về việc buôn bán của mình phải lưu trữ; thư-từ gửi đi phải có bản sao để trong sổ.

3 — Sổ tổng-kê tài-sản. — Mỗi năm, nhà buôn phải soát lại những tài-sản của mình, làm bảng tổng-kê. Bảng tổng-kê chia làm hai cột, bên một trị-giá những hàng-hóa còn lại, và những món nợ của nhà buôn chưa đòi được, một bên là những món tiền mà nhà buôn nợ chưa trả. Hằng năm bảng tổng-kê ấy phải chép vào trong sổ.

Những sổ-sách trên này, trước khi dùng, phải trình Tòa duyệt và đánh số trang; việc này có mục-dịch cản-trở những việc thay đổi sổ. hoặc thay đổi một vài trang trong sổ. Trong khi dùng, phải theo thứ tự ngày tháng, ngày nào làm ngày ấy, không được bỏ trống chỗ nào, không được biên ra ngoài lề, cũng không được tẩy xóa.

Khi dùng hết, phải lưu-trữ trong 10 năm, không được hủy bỏ.

Giá-trị sổ-sách. — Gặp khi có sự tranh-chấp về công việc buôn-bán, sổ-sách có thể xuất trình là bằng-chứng được không?

Phải phân biệt 3 trường-hợp:

1) Điều 1.330 Dân-luật Pháp, điều 1.658 Dân-luật Trung-Phần và điều 1.405 Dân-luật Bắc Phần định rằng người đệ-tam có thể viện những sổ-sách ấy làm chứng-cớ chống lại với nhà buôn, nhưng một khi đã viện-chứng bằng cách ấy thì phải chịu cả những việc trái với quyền-lợi của mình mà

có ghi trong sổ, không thể bỏ những điều này đề nài riêng những điều có lợi.

Ví-dụ một nhà buôn kiện tôi đòi tiền 100 th, vải đã bán cho tôi. Tôi cãi rằng chỉ mua có 50 th., đã trả đủ tiền, và đòi nhà buôn xuất trình sổ-sách. Trong sổ có ghi tôi đã trả tiền 50 th. thật, nhưng sổ vải tôi mua là 100 th. không phải 50 th. Trong trường-hợp ấy tôi phải trả thêm tiền 50 th.

2) Người đệ-tam không buôn-bán, có thể đòi nhà buôn xuất-trình sổ-sách làm tài-liệu; nhưng tự nhà buôn thì không thể đem những sổ-sách ấy làm bằng-chứng chống với người đệ-tam theo nguyên-tắc không người nào có thể tự mình lại tạo giấy tờ làm bằng-chứng cho mình được.

3) Giữa những nhà buôn với nhau, sổ-sách có thể dùng làm bằng-chứng được không? Vấn-đề này luật của Pháp không giải-quyết, nhưng điều 1.658 Dân-luật Trung-Phần và điều 1.405 Dân-luật Bắc-Phần cho phép miễn là sổ-sách phải hợp lệ. Điều 15 Thương-luật Trung-Phần cũng có nhắc lại.

B) Sổ kế-toán. —

Trên đây là những sổ-sách mà luật Thương-mại bắt buộc phải có. Ngoài ra, về thực-tế, nhà buôn còn làm nhiều sổ sách khác cho việc buôn-bán của mình được tiện-lợi. Trong số những sổ-sách ấy, ta phải chú trọng đến sổ-sách kế-toán:

1— Sổ quỹ dùng để ghi tất cả những số tiền xuất-nhập quỹ.

2— Sổ nợ dùng để ghi tất cả những thương-phiếu (chi-phiếu, hối-phiếu và lệnh-phiếu) phải trả hay được lĩnh.

3— Sổ hóa-đơn trong ấy chép lại tất cả những hóa-đơn hàng-hóa bán ra

4— Quan-trọng hơn hết và thông-dụng hơn hết là quyển sổ cái hoặc sổ Tổng-trương.

Quyển sổ này là then-chốt kế-toán của nhà buôn.

Xưa kia, kế-toán làm theo phương-pháp đơn-thức. Trong sổ, mỗi khách-hàng có một ngân-mục; mỗi ngân-mục có hai trang đối diện (chứ không phải trang trước trang sau); bên tay trái, ghi những số hàng bán cho khách-hàng; bên tay phải ghi những số tiền mà khách-hàng đã trả. Sự bất tiện là

những việc mua bán trả tiền ngay không có ghi trong sổ, do đấy nếu đem sổ này so với sổ Nhật-ký, trong đó tất cả mọi việc đều ghi chép, thì hai sổ không phù hợp nhau. Phép kế-toán dưới hình-thức ấy không cho nhà buôn được biết rõ nội-bộ công-việc của mình, vì không có tài-liệu gì về sự lưu-chuyển hàng-hóa tiền nong.

Bởi thế, sinh ra phép kế-toán song-thức. Phương-pháp này được dùng ở bên Ý-dại-Lợi từ thế-kỷ thứ 15, nhưng nguyên ủy chắc còn cổ hơn thế nữa. Với phương-pháp này, sổ Tổng-trương chia ra ba mục chính: a) mục các khách-hàng; b) mục tài-sản c) mục lỗ lãi.

Ví - dụ, một nhà buôn bỏ ra một triệu đồng để buôn bán. Trong mục tài-sản, người ấy sẽ làm một mục riêng và ghi số vốn là 1.000.000d.— Số vốn này, tất phải mong rằng sẽ còn nguyên, khi thời việc buôn-bán, tức cũng như đi vay số tiền ấy để làm việc, sau này sẽ hoàn lại: phép kế toán song-thức nhân-cách-hóa số vốn ấy, coi như một người chủ nợ, ta tạm gọi người ấy là A. Tiền vốn phải cho vào quỹ. Quỹ nhận tiền, vậy là con nợ, buôn-bán xong rồi, trong quỹ phải còn nguyên 1.000.000d— để trả vào mục vốn. Vậy sẽ mở mục riêng (trong mục tài-sản) cho con nợ này. Quỹ được nhân-cách-hóa như thế, ta tạm gọi là B.

Nay nhà buôn của chúng ta đã bắt đầu buôn-bán. Người ấy mua của Ông Giáp một số hàng trị-giá 800.000d— hạn 3 tháng sẽ trả. Trong mục khách-hàng, Ông Giáp sẽ được ghi là chủ nợ, với số tiền 800.000d—. Hàng-hóa mua của Ông Giáp đem để vào kho. Kho hàng-hóa, nhận hàng-hóa ấy, coi như một con nợ, ta tạm gọi là C.— Nợ của ai? Nợ của B (tức là của quỹ), vì quỹ sẽ bỏ ra 800.000d— trả cho Giáp. Trong mục khách-hàng, chương-mục của Giáp thế là được thanh-toán. Trái lại, B đã trả được vào số vốn 800 000d—, tức là chỉ còn nợ có 200.000d—. Về phần C (mục hàng-hóa) phải coi là nợ 800.000d— cho mãi đến khi nào hàng-hóa bán được. Chẳng ấy, tiền bán cho vào quỹ và quỹ (B) lại nợ thêm món tiền ấy. Việc ghi chép cứ thế mà luân chuyển mãi. Nhờ vậy, cứ coi quyển sổ Tổng-trương là biết được tình-trạng của mỗi khách-hàng (có nợ hay bị nợ), tình-trạng quỹ

còn bao nhiêu tiền, tình-trạng kho hàng còn bao nhiêu hàng chưa bán được.

Sau khi bán được hàng, hoặc lỗ hoặc lãi phải biên vào đâu? Phải ghi vào mục thứ ba, ấy là mục lỗ-lãi. Mục lỗ-lãi này dùng để đánh thẳng-bằng những số tiền xuất-nhập của cửa hàng. Tất cả những món tiền nào không cho vào được chương-mục của khách-hàng hay chương-mục tài-sản đều phải ghi vào mục lỗ-lãi.

§2 — Công-bố hôn-ước.

A) Hôn-ước ở đây phải hiểu theo nghĩa riêng là khế-ước về tài-sản của hai vợ chồng thỏa-thuận trước khi thành-hôn. Để khỏi có sự ngộ nhận, ta sẽ gọi là khế-ước hôn-sản.

Thương-luật Trung-Phần không có khoản nào bó buộc nhà buôn phải công-bố khế-ước hôn-sản. Ở Nam-Phần, theo điều 67 Thương luật Pháp (theo bản-văn năm 1807), phạm khế-ước hôn-sản giữa hai vợ chồng mà một bên là nhà buôn phải có một bản trích-lục niêm-yết ở Tòa-án Hộ và Tòa-án Thương-mại. Những điều 65, điều 70 Thương-luật Pháp đã được thay đổi hai lần do đạo luật ngày 28-3-1931 và sắc-lệnh ngày 9-8-1953, nhưng hai bản-văn này, theo sự tra cứu của chúng tôi, không có ban-hành ở Việt-Nam. Như vậy, điều luật áp dụng về vấn-đề công-bố khế-ước hôn-sản vẫn là điều 67 cũ (bản-văn năm 1807), duy có thể-thức công-bố thì đã được thay đổi: khế-ước hôn sản không còn niêm-yết ở Tòa án nữa, mà phải ghi vào sổ thương-mại theo sắc-lệnh ngày 8-7-1927 lát nữa chúng ta sẽ nói đến.

Ta có thể nghi-ngờ về sự áp-dụng điều 67 trên này cho người Việt-Nam, vì có thể cho rằng điều luật ấy chỉ nhằm những người Pháp. Nhưng theo điều 3 và điều 4 § 7 sắc-lệnh ngày 8-7-1927 thì tất cả những người buôn-bán, không cư là Pháp-tịch, Việt-tịch hay ngoại-tịch nếu thuộc thẩm-quyền Tòa án Pháp xét xử thì phải khai chế-độ hôn-sản của mình. Xưa kia, người Việt thuộc thẩm-quyền Tòa-án Pháp trong hai trường-hợp: vì sinh-quán, hoặc trú-quán ở một nơi thuộc cựu nhượng-địa Pháp. Tuy Sắc-lệnh ngày 8-7-1927 không nói rõ, nhưng sự dĩ-nhiên là những người này chỉ phải khai chế

ước hôn-sản của mình, khi nào buôn-bán cũng ở một nơi thuộc những nhượng-địa ấy. Ngày nay, Tòa-án Pháp không còn, chủ quyền của người Pháp ở Việt-Nam cũng đã hết vấn-đề pháp-lý phát-sinh ở những biến-chuyển ấy là: những người Việt nào phải khai chế-độ hôn-sản? Ta phải lấy cái lĩnh-vực áp-dụng trong không-gian của sắc-lệnh ngày 8-7-1927 làm căn-cứ mà trả lời rằng ấy là những người buôn-bán ở những cựu nhượng-địa Pháp, tức là, hiện nay, tại Việt-Nam tự-do, toàn cõi Nam-Phần, còn ở Trung-Phần, thì chỉ riêng có Đà-Nẵng. Là vì, một đàng, luật của Pháp đặt ra và ban hành ở Việt-Nam không có hiệu-lực ngoài lĩnh-vực ấy, và một đàng khác, những luật ấy, chưa hủy-bỏ, thì vẫn phải áp dụng, theo nguyên-tắc luật-pháp bất gián-đoạn (*principe de la continuité du droit*).

Chúng tôi xin lưu ý độc-giả về điểm trong Sắc-lệnh ngày 8-7-1927, điều 4 (liệt-kê những sự-kiện phải khai-báo) đã được đặt dưới đầu-đề « Những người buôn-bán Pháp và ngoại-quốc », song, danh-từ « người Pháp » ở đây phải hiểu theo nghĩa rộng, gồm cả người Pháp-tịch lẫn những người « thuộc dân Pháp » như đã nói trong điều 3. Danh từ này, trong những luật và sắc lệnh của Pháp hiện còn áp dụng, ta phải đọc và hiểu là người Việt-Nam.

Sự công-bố Khế-ước hôn-sản có mục-dịch đề cho người đệ-tam sẽ giao-dịch với một nhà buôn được biết rõ có thể trông cậy vào những tài-sản nào của nhà buôn ấy làm bảo-đảm. Là vì quyền-hạn của mỗi chúng ta đối với tài sản gia-dình rộng hay hẹp là tùy theo chế-độ hôn-ước của chúng ta. Nếu là chế-độ cộng-ước thì ta có quyền rộng-rãi, và tất cả tài-sản gia-dình đều là bảo-đảm cho công-nợ của người chồng, hoặc người vợ, có buôn-bán với sự ưng-thuận của người chồng. Nếu là chế-độ biệt-sản thì của ai riêng người ấy, không có sự bảo-đảm tổng-quát như trên cho người đệ-tam.

Dân-luật Bắc-Phần điều 104, và Dân-luật Trung-Phần điều 102 nói rằng pháp-luật chỉ quy-định tài-sản của vợ chồng, khi nào hai bên không lập khế-ước về tài-sản; về những khế-ước này, hai bên có toàn quyền hành-động; miễn là trong khế-ước không có điều gì trái với mỹ-tục và trật-tự công-cộng. Đó là

một khuyết điểm, vì vấn-đề khế-ước hôn-sản là một vấn-đề rất phức-tạp, đáng lẽ ra, luật-pháp phải tiên-liệu những chế-độ hôn-sản nào mà vợ chồng có thể lựa chọn rồi quy-định những thể-thức, những hiệu-lực của riêng mỗi chế-độ để đương-sự có thể tri-hành tuân theo.

B) Sự công-bố khế-ước hôn sản có thể xảy ra trong ba trường-hợp :

I— Đang buôn-bán, nhà buôn lập gia-đình.— Trong hạn một tháng nhà buôn ấy phải gửi đến phòng Lục-sự một bản trích-lục khế-ước hôn-sản. Trích-lục ấy sẽ được ghi vào sổ thương-mại. Lẽ tất nhiên là khi nhà buôn lập gia-đình dưới chế độ cộng đồng tài-sản thì không có làm hôn-ước, như vậy không có trích-lục để công-bố. Trong trường-hợp này sự công bố không cần thiết, vì với chế độ cộng-đồng tài-sản, người đệ-tam được một sự bảo-đảm tổng-quát như trên đã nói.

2 — Một người có gia-đình rồi nay nhập nghề buôn-bán.— Trong hạn một tháng, kể từ ngày bắt đầu buôn bán, người ấy phải gửi đến phòng Lục-sự một bản trích-lục khế-ước hôn-sản. Cũng vì lẽ đã nói trên, việc công-bố chỉ áp-dụng cho những chế-độ không phải là chế-độ cộng-đồng tài-sản.

3 — Thay đổi chế-độ hôn-sản trong khi buôn bán.— Sự thay đổi xảy ra trong trường-hợp người vợ hay người chồng xin Tòa cho được biệt-sản, biệt-thân hay ly-dị.

Dân-luật Bắc-Phần và Dân-luật Trung-Phần không tiên-liệu thủ-tục biệt-sản và biệt-thân, chỉ tiên-liệu có thủ-tục ly-dị. Án-lệ có đặt ra tình-trạng biệt-cư, nghĩa là cho hai vợ chồng được ở riêng, nếu hai bên tuy có bất-hòa không ăn ở với nhau được, nhưng không muốn cắt đứt tình-nghĩa vợ chồng. Tình-trạng biệt-cư này không chấm-dứt hôn-phối và cũng không có ảnh-hưởng gì đối với quyền hạn của hai bên về tài-sản gia-đình: hai bên tuy ở riêng mỗi người một nơi, nhưng trước pháp-luật và đối với người đệ-tam vẫn là vợ chồng và giữ nguyên quyền-lợi cũ.

Sắc-lệnh ngày 3-10-83, áp-dụng ở Nam-Phần, ngoài thủ-tục ly-dị, có tiên-liệu thủ-tục biệt-thân, nhưng về hậu quả của sự biệt-thân thì không nói đến. Về thực tế, những việc xin

biệt-thân giữa vợ chồng người Việt, ở Tòa, rất hiếm, hầu như không có. Cho nên thường chỉ có việc ly-dị là nguyên-nhân sự thay đổi chế-độ hôn-sản của nhà buôn.

Và trong trường-hợp ấy án-văn ly-dị phải ghi vào sổ thương-mại.

C/ — Trách-nhiệm về việc không công-bố khế-ước hôn-sản.

Nhà buôn có nhiệm-vụ phải công bố khế ước hôn-sản như trên. Lẽ tự-nhiên ta phải tự hỏi rằng nếu nhà buôn không thi-hành nhiệm-vụ ấy thì có trách-nhiệm gì.

Ngoài những hình-phạt do Sắc-lệnh ngày 8-7-1927 dự-định mà chúng ta sẽ xét đến trong đoạn dưới, điều 66 Thương-luật Pháp (bản-văn năm 1807) chỉ tiên-liệu trường-hợp án-văn ly-dị hay biệt-thân không được đem công-bố: trong trường-hợp ấy, án-văn sẽ không có hiệu-lực đối-kháng với người đệ tam.

Còn những trường-hợp khác (số 1 và số 2 đoạn B ở trên)-điều 67 và 69 Thương-luật Pháp và cả Sắc-lệnh ngày 8-7-1927 đều không tiên-liệu sự bất-đối-kháng ấy: thành-thử một khế-ước hôn-sản của nhà buôn dầu không công-bố cũng vẫn đối-kháng được với người đệ-tam. Nhà buôn chỉ có thể phải bồi-thường về sự khiếm-khuyết ấy. Nhưng sự bồi-thường còn lấy đâu làm bằng chắc một khi nhà buôn ở vào một chế-độ hôn-sản không được xử-dụng tài-sản của người phối-ngẫu.

s — Việc ghi tên vào sổ thương-mại.

Ở bên Pháp, mãi đến năm 1919 mới có đạo luật ngày 18 tháng 3 đặt ra sổ thương-mại. Đạo luật ấy được cải-tác, áp-dụng ở Việt-Nam, và áp-dụng riêng cho «những người thuộc thẩm-quyền Tòa-án Pháp xét xử» (xin xem giải thích ở s 2, A trên này), do Sắc-lệnh ngày 8-2-1927 ban-hành theo Nghị-định ngày 18-9-1929, và được sửa đổi do Sắc-lệnh ngày 20-7-1939 ban-hành theo Nghị-định ngày 16-9-1939; về những chi-tiết áp-dụng, có năm nghị-định ngày 31-8-1929 sửa đổi do Nghị-định ngày 28-11-1937 và hai nghị-định ngày 2-3-1948.

Vì những lý-do chúng tôi đã trình bày ở trên, những bản văn này đều không có hiệu lực ở Trung-Phần. Ở Trung-Phần không có đạo luật quy-định sổ thương-mại, vì thế khắp

Trung-Phần không đâu có sổ thương-mại, trừ Đà-nẵng là nơi trước kia có Tòa-án Pháp.

Sổ thương-mại giữ ở phòng Lục-sự Tòa Sơ-thẩm. Có nơi làm hai sổ, một cho những cá-nhân và một cho những hội buôn; có nơi dùng một sổ chung cho cả hai loại.

A/ — Cách-thức khai báo. — Trong sổ, mỗi nhà buôn được ghi vào một tờ riêng. Mỗi tờ có đánh số. Số ấy là số riêng của mỗi nhà buôn, trong giấy tờ buôn bán phải ghi rõ số ấy. Tám ngày trước khi mở cửa hiệu, nếu là một cá-nhân, và trong hạn một tháng kể từ ngày lập hội, nếu là một hội buôn, mỗi nhà buôn phải khai trình:

1) Lý-lịch: tên, họ, bi-danh, ngày và nơi sinh;

2) Quốc-tịch;

3) Tình-trạng và khả-năng về thân-thế: nếu là vị-thành niên được thoát-quyền phải ghi sự cho phép buôn-bán; nếu là đàn-bà có chồng, cũng vậy; phải khai khế-ước hôn-sân, án-văn biệt-thân, biệt-sân, ly-dị, án-văn phá-sân hay tư-pháp thanh-toán, nếu đã bị kết-án;

4) Nơi tọa-lạc cửa hàng và chi-nhánh; bằng-hiệu, nhãn-hiệu, tên họ, quốc tịch những người giám-đốc ủy-quyền; nếu trước kia đã có khai-thác những cửa hàng khác cũng phải khai; nếu cửa hàng hiện đã đem cầm-cố phải nói rõ;

5) Người buôn-bán, nếu là người Á-Đông, còn phải trình cả mẫu con dấu mình sẽ dùng.

Về sau, nếu giải nghệ hoặc có sự thay đổi trong những tài liệu trên này, phải khai lại.

B) Tình-cách bắt buộc. — Đối với những nhà buôn đóng thuế môn bài dưới 60d (điều 2 sắc-lệnh ngày 8-7-27 và điều 1 nghị-định ngày 31-8-29). Sự khai trình trên này là một việc bắt-buộc, nếu không sẽ bị phạt tiền từ 16 quan đến 1.000 quan và phạt giam từ 6 ngày đến 6 tháng (điều 18). Cứ 15 ngày, nếu chưa khai, lại có thể bị phạt một lần nữa. Đó là một phương-pháp để cưỡng-bách các nhà buôn phải khai tên vào sổ thương-mại. Nếu khai lăm hay khai gian sẽ bị phạt tiền từ 100 quan đến 2.000 quan và phạt giam từ 1 đến 6 tháng; lại có thể bị truất-quyền ứng-cử và bầu-cử vào Tòa

án Thương-mại, Phòng Thương-mại, Phòng Kỹ-nghệ v...v... Nếu dùng con dấu khác với con dấu đã trình thì phải phạt từ 16 quan đến 1 000 quan (điều 19). Những số tiền phạt trên này phải nhân với 40 (Dụ số 5 ngày 19-4-51) rồi tính ra bạc theo giá 10 quan (Dụ số 43 ngày 24-7-56).

C) Cách-thức nhận lời khai.— Nhà buôn làm giấy khai trình thế nào thì Ông Lục-sự cứ thế mà ghi vào sổ; viên chức này không có quyền kiểm-soát. Nhưng nếu khai thất-thực, có thể bị phạt tiền và phạt giam.

D) Tính-cách công-khai của sổ Thương-mại.— Sổ Thương-mại có tính-cách công-khai cũng như các sổ hộ-tịch. Ta không có quyền đòi Ông Lục-sự đưa sổ ra cho ta xem, nhưng mọi người đều có quyền yêu cầu được cấp một bản trích-lục từ khai của bất cứ nhà buôn nào.

E) Hiệu-lực.— I— Chính vì Ông Lục-sự không có quyền kiểm-soát, chỉ có bổn-phận tiếp-nhận những lời khai của nhà buôn, cho nên sự ghi tên vào sổ thương-mại không đủ chứng tỏ rằng người khai là một nhà buôn. Có khi khai bậy, có khi khai lầm, việc khai-trình chỉ có giá-trị một sự phỏng đoán: rất có thể người khai là một nhà buôn, nhưng chưa chắc; tòa-án sẽ căn-cứ vào những công việc, hành-động nghề nghiệp của người khai mà xét định tùy từng trường-hợp. (Paris 23-11-1932 — DP 1933. 2-72; Lyon 22-11-34 — S. 1935. 2-38).

Ngược lại, người ngoài cũng không thể vin vào sự-kiện có ghi tên ở sổ thương-mại để buộc cho người đã ghi tên tư-cách nhà buôn (Civ 14-12-38 — S. 1939 — I^o. 285; Crim. 3-5-1945 — D. 1946-26). Phải chứng-tỏ hẳn-hoại rằng người ấy cử-hành việc thương-mại và sinh sống về nghề ấy.

2— Sự khai tên vào sổ thương-mại có ích-lợi cho nhà buôn về việc đi bầu và ứng-cử vào phòng Thương-mại.— Về nguyên tắc, có thể nói rằng chỉ những nhà buôn có ghi tên ở sổ Thương-mại tại Tòa-án mới có quyền đi bầu và có quyền ứng-cử vào phòng Thương-mại; vì danh-sách cử-tri, theo luật, phải lập theo các sổ thương-mại, lấy các sổ này làm tài-liệu căn-cứ, tuy nhiên, án-lệ không theo quan-điểm này và chấp nhận cho những nhà buôn không có tên trong sổ thương-mại, cũng được ghi vào danh-sách cử-tri (Req. 13-1-1925 — DP 1925. 1.176).

Qua những điểm chúng ta vừa nghiên-cứu, chúng ta đã làm quen được một phần nào với phương-pháp lý-luận của môn luật-học: bao giờ cũng lấy những nguyên-tắc của pháp luật đặt ra làm căn-bản, đem phân-tách, giải-thích những yếu tố của nguyên-tắc ấy, rồi áp-dụng cho những sự-kiện, những tình-trạng cụ-thể. Chúng ta đã dùng phương-pháp ấy mà suy định thể nào là nhà buôn, thể nào là hành-vi thương-mại. Chúng ta đã tìm-tòi những điều-kiện, những nhiệm-vụ của nhà buôn. Kiểm-điểm những điều-kiện và nhiệm-vụ ấy chúng ta đã tìm hiểu cái lý-do và mục-đích: tại sao nhà làm luật đặt ra những điều - kiện, những nhiệm - vụ ấy? Đặt ra để làm gì?

Giờ đây, chúng ta đã hình-dung được, qua nhãn-kính của Luật Thương-mại, người thương-gia ngồi trong cửa hiệu, lo liệu công việc buôn bán của mình. Cửa hiệu ấy là cơ-nghiệp, là trung-tâm-điểm cho sự hoạt-động của nhà buôn.

Chúng ta phải nghiên-cứu tường tận vấn-đề này.

...

CHƯƠNG IV

Cửa hàng thương-mại.

Trong ngôn-ngữ thông-thường, cửa hàng là một nhà có hàng hóa bán cho người tiêu-thụ. Cửa hàng chỉ những đồ vật mà ta trông thấy trước mắt. Người xưa không quan-niệm cửa hàng một cách khác, cho đến ngày nay quan-niệm ấy vẫn còn rất thông-thường.

Không có đạo luật nào định-nghĩa danh-từ cửa hàng thương-mại. Nhưng các luật-gia-vốn đã là những người hay phân-tách quan-niệm cửa hàng một cách phức-tạp hơn. Cửa hàng thương-mại gồm có những yếu-tố hữu hình và những yếu-tố vô-hình, mỗi yếu-tố có một quy-chế riêng, giá-trị riêng, tất cả hợp lại thành ra cửa hàng mà quy-chế và giá-trị lại cũng là một quy-chế và giá-trị riêng biệt.

TIẾT MỘT

Những yếu-tố hữu-hình

Cửa hàng thương-mại bao giờ cũng khai-thác ở trong một bất-dộng-sản. Những bất-dộng-sản này, không bao giờ **kể là** yếu-tố của một cửa hàng thương-mại. Đôi khi, có **Tòa-án** cho rằng bất-dộng-sản ấy có thể mất tính-cách «bất động» để thành một động-sản, do ý muốn của đương-sự, để thành một vật phụ-thuộc vào cửa hàng thương-mại (Montpellier 23-11-1897, DP 1899.1.353); những lý-luận ấy rất mong-manh. Vì rằng sự phân chia tài-sản ra hai hạng bất-dộng-sản và động-sản có tính-cách liên-can đến trật-tự công-cộng, không thể đảo ngược được. Theo luật, chỉ có động-sản có thể thành bất-dộng-sản vì đã được ăn nhập vào bất-dộng-sản (ví-dụ những bức-tranh, những tấm gương to được lắp hẳn vào tường) hay những đồ, vật có công-dụng khai-thác bất-dộng-sản (ví-dụ những dụng-cụ, trâu bò dùng để cấy ruộng trong một đồn-diền).

Ngoài sự giải-thích trên này không có sự khó-khăn gì phải giải-quyết về những yếu-tố hữu hình của một cửa hàng thương-

mai. Ấy là những hàng-hóa trong cửa hàng, những dụng cụ bàn ghế, v.v., v.v.

Tuy nhiên, có một trường-hợp đặc biệt có thể gây ra một vấn-đề khó-khăn, ấy là trường-hợp người thương-gia vừa là chủ cửa hàng lại vừa là chủ ngôi nhà, nơi tọa lạc cửa hàng ấy. Trong trường-hợp đó, có những động-sản đã thành ra bất-động-sản vì đã được lắp hẳn vào ngôi nhà hoặc có công-dụng để khai thác cửa hàng của thương-gia, ví dụ những dụng-cụ trong lò rèn, trong nhà máy rượu... Tình trạng ấy có thể gây ra sự tương-tranh quyền-lợi giữa những chủ nợ của thương-gia. Nếu thương-gia này cầm cửa hàng cho một chủ nợ, rồi lại cầm nhà cho một chủ nợ khác, thì những động-sản trên kia thuộc quyền bảo-đảm của chủ nợ nào? Án-lệ đã giải-quyết vấn-đề này và cho rằng những động-sản ấy đã thành bất-động-sản rồi, không thuộc vào cửa hàng thương-mại, mà thuộc vào ngôi nhà, vậy phải thuộc quyền chủ nợ được cầm nhà (Paris 5-7-1935; 28-11-1935. DP 1936.2.30).

TIẾT THỨ HAI

Những yếu-tố vô-hình.

Những yếu-tố vô-hình gồm có: quyền thuê nhà, toàn thể bàn hàng, quyền sở-hữu công-nghiệp, văn-nghe, những khế-ước lãnh thầu, những sổ-sách.

Ta nên nhận xét rằng, trong những yếu-tố này không kể những trái-quyền (tiền người khác nợ mình) và trái-vụ (tiền mình nợ người khác) của thương-gia, cũng không kể những sổ tiền bằng thương-phiếu, hoặc sổ tiền mặt có trong quỹ. Và khi nhà buôn cầm bán cửa hàng, những trái-quyền, trái-vụ, tiền bạc cũng không gồm trong việc cầm bán, trừ phi khế-ước có kê rõ ràng cả những món ấy. Hơn nữa, về những trái quyền, người mua phải tổng-đặt việc mua bán cho còn nợ thì mới có giá-trị (điều 1690 Dân Luật Pháp; điều 978 Dân-Luật Bắc-Phần và điều 1126 Dân-Luật Trung-Phần.)

§ 1 — Kê khai những yếu-tố vô-hình một cửa hàng thương-mại.

A/ **Bạn hàng.**— Bạn hàng đây là toàn-thể những khách quen của nhà buôn. Những khách quen có khi vì cảm-tình mà mua ở hàng này, không mua ở hàng khác, có khi vì hàng tốt, có khi vì được tiếp-dãi lịch-sự. Thêm vào đấy, còn có những yếu-tố riêng biệt của cửa hàng làm cho cửa hàng đông khách, chẳng hạn vì cửa hàng ở một địa-diểm tốt, ở một phố đông-đúc, có nhiều người qua lại, ở cạnh một nhà ga, một bến ô-tô v.v...

B/ **Những quyền sở-hữu công-nghiệp.**— Quyền này gồm có bảng hiệu, thương danh, nhãn hiệu v.v... Những yếu-tố này không cần thiết để thành-tự một cửa hàng thương-mại: một cửa hàng thương-mại không cần có những yếu-tố này; nhưng trong thực-tế phần nhiều đều có.

a) **Bảng hiệu:** Bảng hiệu là một tên bịa đặt, một hình vẽ treo ở cửa, mục-dịch để cho khách hàng dễ nhận, ví-dụ: «Nước mắt Cá-Bạc.» Bảng hiệu do ai sáng kiến trước thì người ấy có quyền được dùng, nhưng quyền ấy chỉ sử-dụng trong vùng mình buôn bán thôi, chẳng hạn trong một tỉnh, trong một đô-thị: trong phạm-vi ấy, nhà buôn đã có sáng-kiến tìm ra bảng hiệu nào có quyền ngăn cấm những người khác dùng bảng-hiệu ấy để mở một cửa hàng tương-tự. Khi một nhà buôn có nhiều chi-nhánh ở các lĩnh, án-lệ cũng cho phép (nhưng án-lệ này bị chỉ trích) ngăn cản những nhà buôn ở tỉnh ấy dùng bảng hiệu của mình, trừ phi họ đã dùng bảng hiệu ấy từ trước khi chi-nhánh được mở.

b) **Thương-danh.**— Thương-danh là cái tên dùng trong công-việc buôn bán. Có thể chính là tên thật của nhà buôn, có thể là một tên tạo ra, riêng dùng trong việc buôn bán, ví-dụ «Rượu Văn-Điền», hiệu may «Tân Tân».

c) **Nhãn-hiệu.**— Nhãn-hiệu là một hình vẽ, hoặc một tên gắn vào sản-phẩm để cho người tiêu-thụ biết sản-phẩm của nhà nào làm ra. Nhãn-hiệu có mục-dịch để cho khách-hàng phân biệt được hàng này với hàng khác, cho nên phải có một cái gì đặc biệt mới coi được là nhãn-hiệu. Nếu là một hình vẽ thì dễ-dàng vì hình vẽ cố nhiên đề-thị một đồ vật gì: đồ-vật ấy đủ làm nhãn-hiệu. Nhưng nếu chọn một tên làm nhãn-hiệu thì tên ấy phải đặc biệt, nếu dùng những danh-từ

chung thì không phải là một nhãn-hiệu riêng của mình, khả dĩ được luật-pháp che chở. Chẳng hạn một hãng làm áo len lại lấy tên là « Áo len » thì danh-từ ấy không có tính-cách nhãn-hiệu.

Nhãn-hiệu muốn được che chở phải đệ trình lưu-trữ tại phòng Lục-sự Tòa Thương-Mại, nếu không có Tòa Thương-Mại thì trình ở phòng Lục-sự Tòa Hộ. Sự trình Tòa không có một hiệu-lực tuyệt-dối, chỉ ngăn cản được những người sau không được dùng nhãn-hiệu ấy, nhưng không ngăn cản được những người trước đã dùng rồi. Ví-dụ một nhà buôn dùng nhãn-hiệu Con chim bay cho hàng của mình rồi đem trình Tòa. Nếu cũng về thứ hàng ấy, trước kia đã có người dùng nhãn-hiệu ấy rồi, thì người này vẫn cứ được dùng, mặc dầu người này không có trình nhãn-hiệu tại Tòa. Về nhãn-hiệu, trước kia có Sắc-lệnh ngày 19-5-1909 và 23-12-1920 quy-định; gần đây những Sắc-lệnh ấy đã được thay thế bởi Dự số 5 ngày 1-4-1952.

d) Những bằng-cấp sáng-chế. — Bằng-cấp sáng-chế cho phép người sáng-chế được độc-quyền khai-thác sự sáng-chế của mình trong một thời gian, giải hay ngăn tùy theo số tiền thuế của người ấy đóng khi trình duyệt sự sáng-chế.

Sự sáng-chế phải có tính-cách công-nghệ hay kỹ-nghệ, nếu là một sự phát-mình khoa-học thì không thể xin được bằng-cấp sáng-chế — phải là sáng-chế ra một sản-phẩm công-nghệ hay kỹ-nghệ mới-mẻ, hoặc áp-dụng những phương-pháp mới để chế-tạo ra một sản-phẩm đã có rồi — sau hết chính sự sáng-chế phải có tính-cách mới mẻ, chưa từng có ai dùng đến.

Ở Việt-Nam, ở Pháp, khi đương-sự trình sự sáng-chế để xin cấp-bằng, người ta không xem xét sự sáng-chế ấy về phương diện chuyên môn, cho nên, tuy sự sáng-chế được công-nhận, mà các sản-phẩm chế-tạo không được bảo-đảm. Đó là ý-nghĩa những chữ: « Chính-Phủ không bảo-đảm » (SGDG) thường thấy ở trên các sản-phẩm. Ở nhiều nước khác như nước Đức, trước khi cấp bằng, nhà chức-trách có kiểm-soát thử-thách kỹ-lưỡng.

Bằng sáng-chế do đạo Dự số 6 cũng ngày 1.4.1952 quy định. Bằng ấy do ông Tổng-Trưởng bộ phụ-trách ngành khoáng-chất,

kỹ-nghệ và tiểu-công-nghệ cấp. Mỗi bằng-cấp phải chịu một khoản tiền: đóng 1.000đ00 thì hạn khai-thác là 5 năm; 2.000đ thì hạn khai-thác 10 năm; 3.000đ thì hạn khai-thác là 15 năm.

Bằng-cấp Sáng-chế có thể lưu-truyền cho thừa-kế trong di-sản, cũng có thể chuyển-nhượng cho người khác. Sự chuyển-nhượng phải có chứng-thư do Quản-lý Văn-khế tái-tả, hoặc chứng-thư có thị-thực mới có giá trị: điều 16 nói như vậy, phải hiểu rằng giấy tờ không phải chỉ cốt làm bằng-chứng mà là cần thiết cho sự hữu-hiệu của việc chuyển-nhượng. Thiết tưởng điều-kiện này quá khắt-khe và không có lý do xác-đáng.

Muốn cho việc chuyển-nhượng có hiệu-lực đối-kháng với người dè-tam, phải đăng bạ ở Bộ khoáng-chất, kỹ nghệ và Tiểu-công-nghệ.

e) Hình vẽ và kiểu-mẫu công-nghệ, kỹ-nghệ. — Những hình vẽ kiểu-mẫu công-nghệ, kỹ-nghệ, ai sáng-chế ra người ấy có độc-quyền khai-thác, sau khi đã trình duyệt. Những hình vẽ và kiểu mẫu phải có một hình-thức trình bày đặc biệt, khác với những hình, những kiểu thường. Như một nhà làm nước hoa (dầu thơm) chế riêng một thứ chai để đựng nước hoa của mình; chai ấy nếu có một hình-thức đặc-biệt, không giống các kiểu chai thường, thì là một kiểu-mẫu kỹ-nghệ, không ai được bắt chước.

f) Quyền sở-hữu văn-nghệ. — Quyền sở-hữu văn-nghệ được quy-định ở Trung-Phần do đạo dụ số 16-9 ngày 24-2-41. Đạo dụ này quy-định cả về nhãn-hiệu, song những điều khoản này phải coi như đã được thay thế bằng đạo dụ số 5 ngày 1-4-52.

Ở Nam-Phần, có Sắc-lệnh ngày 29-10-1857. Sắc-lệnh này chỉ có một khoản nói rằng tất cả luật-lệ hiện-hành ở Pháp về quyền sở hữu văn nghệ sẽ áp dụng. Sắc-lệnh ấy được ban hành lần đầu ngày 31-12-1887. Trong số những « luật-lệ hiện hành » ấy ta phải kể đến đạo-luật ngày 13, 19 tháng giêng 1791 và sắc-lệnh ngày 19, 24 tháng 7 năm 1793. Về sau, sắc lệnh ngày 29-10-1857 lại được ban hành một lần nữa, vào năm 1914, và có đăng theo một số bản văn quy-định văn-đề này ở Pháp. — Tác-giả một văn-nghệ phẩm được độc quyền về tác-phẩm của mình. Độc-quyền ấy không cần phải có thể-thức gì chứng-nận,

và đương-nhiên phát-sinh ngay khi tác-phẩm được tạo ra. Văn sĩ, nghệ-sĩ, nhạc-sĩ hoạ-sĩ đều được hưởng độc-quyền trên nàv: độc-quyền ấy áp-dụng cho tất cả những cái gì là văn-chương và nghệ-thuật. Với độc-quyền của mình, tác-giả có quyền ngăn cản không cho tác-phẩm của mình được phổ-biến, ngăn cản mọi sự sửa đổi, cũng như mọi sự thêm bớt. Tác-giả có độc quyền khai-thác: cho xuất-bản, cho trình-diễn, hoặc nhượng quyền cho người đệ-tam. Độc-quyền ấy, tác-giả được hưởng trong suốt đời mình, và sau khi qua đời, con cháu được hưởng trong hạn 50 năm. Ở Trung-Phần, thời hạn này rút xuống 30 năm (điều 4, dụ số 9 ngày 24-2-41).

Quyền sở-hữu văn-nghệ là một yếu-tố quan-trọng của cửa hàng thương-mại, nhiều khi là yếu-tố duy-nhất, như nhà xuất-bản chẳng hạn vì nhà xuất-bản chỉ khai-thác có những bản-quyền do các văn-sĩ, nghệ-sĩ nhượng cho.

h) Quyền sở-hữu thương-mại.— Đây là một yếu-tố rất quan-trọng vì thế chúng ta sẽ nghiên-cứu riêng trong tiết thứ ba.

§ 2 — Sự bảo-vệ những yếu-tố vô-hình được tổ-chức như thế nào?

Có hai tổ-quyền để bảo-vệ những yếu-tố vô-hình. Nhà buôn có thể xữ-dụng tổ-quyền về giả-mạo và tổ-quyền về cạnh-tranh bất-chính. Ta sẽ gọi tất là tổ-quyền giả-mạo và tổ-quyền cạnh-tranh bất-chính; nhưng, xin nhớ kỹ rằng những danh-từ « giả-mạo » và « cạnh-tranh bất-chính » không ám chỉ tính-cách của tổ-quyền mà ám chỉ cái đối-tượng, cái mục-dịch của tổ-quyền là đem ra ánh-sáng pháp-luật sự giả-mạo và sự cạnh-tranh bất-chính. Có khi dùng được cả hai tổ-quyền để bảo-vệ quyền-lợi của mình, có khi chỉ dùng được một tổ-quyền mà thôi.

A.) Trường-hợp dùng được hai tổ-quyền.— Sự bắt chước các hình vẽ các kiểu-mẫu, các sự sáng-chế đã duyệt trình, các tác-phẩm văn-nghệ là một khinh-tội. Cho nên trong trường hợp này, nạn-nhân có thể kiện thủ-phạm trước Tòa Tiểu-hình về tội giả-mạo. Tổ-quyền giả-mạo này còn có thể

xử-dụng biệt lập, không đi đòi với sự truy tố của Công-tố-viện trong trường hợp ấy, phải khởi tố trước Tòa-án Hộ (chứ không phải Tòa-án Thương-mại.)

Ngoài tố-quyền giả-mạo, nạn nhân còn có thể kiện thủ-phạm về việc cạnh-tranh bất-chính. Tố-quyền cạnh tranh bất chính là một tố-quyền phổ-thông, có mục đích đòi bồi-thường, căn cứ vào những nguyên-tắc phổ-thông luật-pháp; nguyên-tắc ấy ở điều 712 Dân-Luật Bắc-Phần điều 761 Dân-Luật Trung-Phần và điều 1382 Dân-Luật Pháp: ai làm điều gì lỗi, gây thiệt hại chongười khác, thì phải bồi thường.

B.) Trường-hợp chỉ dùng được một tố-quyền.— Ấy là tất cả những trường hợp mà sự bắt-sước không thành tựu tội giả-mạo; nói khác đi, là những trường hợp mà những yếu tố bị người ngoài chiếm đoạt, không có một đạo-luật đặc biệt che chở. Tỷ như bằng hiệu, khách hàng; nếu một nhà buôn bị một người khác lạm dụng bằng hiệu của mình để câu khách hay dùng những phương sách quảng-cáo gian-trá để lấy khách của mình thì chỉ có một tố-quyền để bênh-vực quyền-lợi: đó là tố-quyền cạnh-tranh bất-chính.

TIẾT THỨ BA

Quyền sở hữu Thương-mại

Như trên đã nói, chúng tôi đã dành riêng yếu-tố vô hình này để nghiên-cứu trong một tiết riêng vì tính-cách rất quan-trọng của nó.

Quyền sở-hữu thương-mại là một danh-từ đã được dùng quen, nhưng thực ra không đúng nghĩa. Danh-từ này không chỉ quyền sở-hữu gì hết, đó chỉ là quyền thuê ngôi nhà, nơi sử hành việc thương-mại. Sở dĩ có sự sai lầm như vậy là vì một đảng nói đến cửa hàng thương-mại, là người ta hình dung ngay một địa-diểm, một bất động sản dùng vào việc thương-mại.

Và một đảng khác, cần phải có một ngôi nhà, một địa diểm tốt mới sử-hành được việc thương-mại.

Việc thuê nhà để buôn bán hiện nay ở Việt-Nam do đạo

Dụ số 17 ngày 3-6-1953 quy-dịnh. Những quyền-lợi được công nhận cho người thuê nhà trong đạo Dụ ấy đều được coi như có liên-can đến trật-tự công-cộng: theo điều 26 đạo Dụ tất cả những sự cam-kết phảo-lại những quyền-lợi ấy đều hoàn-toàn vô-hiệu.

§ 1 — Những người nào được hưởng đạo luật? Chỉ có những nhà buôn và những nhà kỹ-nghệ; như vậy tức là những người không buôn-bán, không làm kỹ-nghệ, cũng như những nhà tiểu công-nghệ, không thuộc phạm-vi chi-phối đạo luật này.

§ 2 — Phải có những điều-kiện gì? Phải là dân Việt-Nam (đạo dụ kể cả những kiều dân Liên-Hiệp-Pháp,) không cử là một cá-nhân hay một pháp-nhân, có môn bài, có ghi tên trong sổ thương-mại, thuê nhà để buôn-bán hay làm kỹ-nghệ, phải chính mình làm nghề ấy đã được quá ba năm (tính đến ngày mãn giao-kèo) có thể kể cả thời-gian buôn-bán hay làm kỹ-nghệ của người thuê trước mà mình đã mua lại cửa hàng hoặc là thừa-kế, nếu người ấy cũng là dân Việt-Nam (đạo dụ kể cả những kiều-dân Liên-Hiệp-Pháp) và cũng làm nghề ấy; sau hết, không cho thuê lại hoặc nhượng cửa hàng cho người khác quản lý. Ví dụ: tôi là người Việt; tôi có môn-bài bán tạp-hóa; tôi có ghi tên trong sổ thương-mại; tôi buôn-bán tại chỗ được hơn một năm, hàng tháng vẫn trả tiền thuê nhà cho chủ nhà; cái cửa hàng này tôi mua lại của một người khác, người này cũng bán tạp-hóa được hơn hai năm rồi mới bán lại cho tôi, như vậy là tôi đủ điều-kiện để hưởng đạo Dụ ngày 3-6-1953.

§ 3 — Đạo Dụ ấy mang lại cho tôi những quyền-lợi gì?

A) — Trước hết một quyền ưu-tiên để thuê ngôi nhà ấy. Khi hết hạn giao-kèo, nếu chủ nhà có một người hỏi thuê ngôi nhà ấy, chủ nhà phải dùng văn-thư ngoại tư-pháp (tức là giấy báo do thừa-phát-lại tổng đạt) cho tôi biết những đề-nghị của người đệ tam muốn thuê nhà trên kia. Trong giấy, phải ký-hạn cho tôi trong hai tháng phải trả lời có chấp-thuận những đề-nghị ấy hay không, hoặc nếu không tin những đề-nghị ấy là có thật, thì phải nói rõ lý-do. Nếu tôi chấp-thuận những đề-nghị ấy, tôi được quyền ưu-tiên thuê nhà, nghĩa là không ai thuê tranh được của tôi cả.

Trên đây là trường-hợp khi hết hạn giao-kèo của tôi, chủ nhà không có ý-định lấy lại nhà, vẫn để ngôi nhà cho thuê.

Nếu người chủ nhà muốn lấy lại nhà cũng được. Nhưng phải có lý-do chính-đáng. Điều 8 đạo Dụ chỉ công-nhận có 7 trường-hợp được coi là lý-do chính-đáng:

- 1) Việc xây lại bất-động-sản;
- 2) Việc nói rộng gấp đôi diện-tích có thể dùng được của nhà chính mà công-tác nói rộng ấy bắt buộc phải là người thuê dọn đi;
- 3) Phá hủy bất-động-sản theo lệnh của nhà chức-trách;
- 4) Làm nhiều việc sửa chữa quan-trọng và cần-thiết khi những công việc ấy trị giá quá số 12 tháng tiền thuê nhà, trừ phi người thuê nhận đảm-đương các việc sửa chữa ấy;
- 5) Đòi lại ngôi nhà để chính mình hoặc vợ hay chồng tôn-thuộc hay ti-thuộc kinh-doanh buôn-bán hay làm kỹ-nghệ;
- 6) Đã hứa bán hay hứa mua ngôi nhà cho một người có thể nại được một trong những lý-do chính-đáng này. Trong trường-hợp này, người thuê có quyền mua ngôi nhà với những điều-kiện đã hứa cho người dệ tam; nhưng phải báo cho chủ nhà biết trong hạn hai tháng, sau khi nhận được giấy của chủ nhà tổng-đạt cho bản sao sự hứa-hẹn ấy;
- 7) Có sự khiếm-khuyết quá đáng của người thuê về thừng-nhiệm-vụ thông-thường của mình hay người thuê đã không tôn-trọng những điều-khoản giao-kèo. Sự khiếm-khuyết phải có tính-cách quan-trọng; không phải sự khiếm-khuyết nào cũng làm cho người thuê có thể bị đuổi nhà, đó là một vấn-dề thực-tế mà Tòa-án sẽ xét định tùy từng trường-hợp.

Trong hai trường-hợp đầu tiên (xây lại nhà và nói rộng diện-tích) chủ nhà, sau khi sửa chữa xong, nếu muốn cho thuê, phải báo cho người thuê biết những đề-nghị của người dệ tam, và người thuê có quyền được thuê với những điều-kiện ấy, nhưng phải báo cho chủ nhà biết trong hạn một tháng.

B/— Sau quyền ưu-tiên thuê nhà, đến quyền hạn-chế sự tăng tiền nhà. Khi chủ nhà muốn tăng tiền nhà, phải

báo trước cho người thuê một tháng bằng thơ bảo-đảm. Người thuê, nếu không chịu, có quyền được ba tháng để dọn đi, nhưng phải báo trước cho chủ nhà bằng thư bảo-đảm.

Trong mọi trường-hợp, tiền thuê không thể tăng quá chỉ-số sinh-hoạt của hạng trung-lưu; chỉ-số ấy do các bảng thống-kê chính-thức của Chính-Phủ ấn-định và lấy chỉ-số Sài-gòn làm căn-cứ cho Nam-Phân và chỉ-số Đà-Nẵng làm căn-cứ cho Trung-Phân, nếu ở Trung-Phân không có thống-kê thì dùng chỉ-số Sài-gòn. Chủ nhà không được tăng tiền nhà quá hai lần trong một năm.

C- Thứ ba, đến quyền bồi-thường.

1- Nếu lấy lại nhà, chủ nhà không được buôn-bán hay làm kỹ-nghệ gì tương-tự như của người thuê trong hạn năm năm, trừ phi đã mua lại cửa hàng của người thuê thì không kể (điều 16), nếu bất tuân, sẽ phải bồi thường, mà người-thuê còn có thể đòi trở lại ngôi nhà, mặc dầu chủ nhà đã cho người khác thuê rồi (điều 18). Nếu người đệ-tam, thay chân người thuê ở cửa hàng của người này, làm tại đấy một nghề thương-mại hay kỹ-nghệ tương-tự thì cũng có thể phải bồi thường; nếu có chứng-cớ rằng chủ nhà đã không làm gì để ngăn cản việc ấy thì chủ nhà cũng bị trách-nhiệm tiền-dối (điều 19).

2- Người thuê nhà dẫu đã từ chối không tiếp-tục thuê nữa cũng có thể đòi người đệ-tam đã thay mình thuê ngôi nhà ấy, bồi thường nếu thấy người này mở tại đấy một thương-nghệ hay kỹ-nghệ tương-tự như của mình (điều 17).

3- Nếu người thuê chứng-tỏ được rằng chủ nhà đã tống-đạt cho mình một đề án đối-trả của người đệ-tam hay đã từ chối không tiếp-tục cho thuê vì duyên-cớ không chính-đáng thì không những có quyền đòi bồi thường còn có thể đòi trở lại chỗ thuê là khác. Tổ-quyền này phải xử-dụng trong ba năm, nếu không sẽ bị tiêu-diệt thời-hiệu (điều 18).

4- Chủ nhà lấy nhà để nơi rộng gấp-đôi diện-tích nhà chính, nếu không làm đúng gấp-đôi như thế, sẽ phải bồi thường cho người thuê 18 tháng tiền nhà.

5- Chủ nhà mới tạo nhà chưa được ba năm (tính đến

ngày y từ-chối không cho người thuê tiếp-tục việc thuê mượn), nếu muốn lấy lại nhà để mở mang thương-mại hay kỹ-nghệ phải bồi-thường cho người thuê 24 tháng tiền nhà, Nhưng nếu chủ nhà, vốn vẫn làm thương-mại hay kỹ-nghệ ở một nơi khác nay vì bất-đắc-dĩ, ngoài ý muốn của mình, phải rời khỏi nơi kinh-doanh ấy, thì không phải bồi-thường.

§ 4-Bán lại cửa hàng.-Nếu người thuê bán lại cửa hàng theo đúng thể-thức luật định, chủ nhà phải nhận người mua làm người thuê, trừ phi có lý-do có giá-trị và riêng biệt đối với người mua cửa hàng. Ta nên nhận xét rằng « lý-do có giá-trị » ở đây, không phải là những « lý-do chính-dáng » đã kể trong điều 8. Lý-do này sẽ tùy chủ nhà nại ra, và Tòa sẽ có toàn quyền xét định.

§ 5 — Cho thuê-lại cửa hàng.— Nếu người thuê cho thuê lại thì tình-trạng giữa các đương-sự ra sao? Phải phân biệt hai trường-hợp và xét định tình-trạng ấy về hai phương diện. Nếu người thuê-chính cho thuê lại không có sự ưng thuận của chủ nhà thì giữa chủ nhà và người thuê-chính, người này, như chúng tôi đã nói, không được hưởng những quyền-lợi của đạo Dụ ngày 3.6.1953 nữa. Nhưng giữa người thuê-chính và người thuê-lại, thì người này có quyền đòi hỏi những quyền-lợi ấy: quyền ưu-tiên thuê nhà cũng như quyền hạn-chế tăng tiền nhà.

Dĩ nhiên là những quyền-lợi này không đem đối-kháng được với chủ nhà, vì trong trường-hợp này, người thuê-lại, đối với chủ nhà là một người dệ-tam, không có liên-lạc gì cả; việc cho thuê-lại là do người thuê-chính ưng-thuận, vậy chỉ có hiệu-lực, chỉ đem đối-kháng được với người ấy thôi.

Vấn-dề ấy giản-dị hơn trong trường-hợp việc cho thuê-lại được chủ nhà cho phép. Dụ ngày 3.6.1953 sẽ áp-dụng cho cả mọi bên đương-sự, cho dầu người thuê-lại chỉ thuê để ở, vì công-dụng chính của ngôi nhà là công-dụng thương-mại: việc cho thuê-lại phải theo tính-cách việc cho thuê chính, do nguyên-tắc « cái phụ phải theo cái chính ».

Theo điều 14 ^s 2, nếu tiền thuê lại cao hơn tiền thuê chính chủ nhà có quyền tăng tiền thuê-chính lên một số

tương-dương, nhưng người thuê-chính có thể trừ đi một số tiền tương-xứng với giá thuê những dụng-cụ, đồ-dạc máy-móc của mình. Ví-dụ người thuê-chính thuê cửa hàng 5.000\$, cho thuê-lại một phần được 8.000\$; chủ nhà có thể đòi thêm 3.000\$; nhưng nếu người thuê-chính còn cho thuê-lại một số dụng-cụ riêng của mình, thì giá thuê những dụng-cụ ấy phải trừ đi.

..

Chúng ta đã biết một cửa hàng thương-mại có những yếu-tố vô hình và hữu hình gì, và chúng ta đã nghiên-cứu riêng từng yếu-tố một. Nhưng biết như vậy chưa đủ. Đó chỉ mới là một sự kê khai, phân-tích. Ta còn phải hỏi rằng: Với những yếu-tố kê trên, cửa hàng thương-mại là cái gì? Phải coi nó là cái gì về phương-diện pháp-lý?

TIẾT THỨ TƯ

Tính-chất pháp-lý của hàng thương-mại.

Đây là một vấn-đề mà học-thuyết bàn cãi rất gay go. Ta chỉ cần biết rằng cửa hàng thương-mại có tính cách một động-sản vô hình. Ta thấy ngay sự trái-ngược giữa quan-niệm pháp-lý và quan-niệm thông-thường. Trong ngôn-ngữ hàng ngày khi ta nói đến một cửa hàng buôn-bán thì ta liên-tưởng đến ngay một ngôi nhà tức là một bất-động-sản. Quan-niệm pháp-lý bỏ hẳn ngay cái « chỗ chứa » ấy ra ngoài, chỉ chú-trọng đến cái nòng cốt của hàng thương-mại là những khách hàng, những hàng-hóa, quyền thuê nhà, nhãn-hiệu, bằng-hiệu quyền sở-hữu văn-ngệ, v.v... tất cả những yếu-tố ấy chúng ta đều đã xét. Không phải là cần có tất cả những yếu-tố ấy mới thành tựu được cửa hàng thương-mại. Ấn lệ cho những yếu-tố cần nhất là yếu-tố khách hàng, bằng-hiệu, thương-danh và quyền thuê nhà.

Là một động-sản thì cửa hàng thương-mại, thuộc quyền sở-hữu của người vợ hay người chồng trước khi thành-hôn, sẽ là của chung trong chế-độ cộng-đồng tài-sản. Dầu rằng cửa hàng ấy được khai-thác trong một bất-động-sản của riêng người vợ hay người chồng, cũng vậy. Dầu rằng người chủ cửa hàng phải có bằng-cấp mới được khai-thác, cũng vậy: đó là

trường-hợp một hiệu bảo-chế; tuy làm bảo-chế phải có bằng-cấp, tuy bằng-cấp ấy là bằng riêng của người vợ hay người chồng đã thi đỗ, nhưng cửa hàng vẫn là của chung.

Thường-thường, việc mua bán, cầm-cổ, cho thuê một động-sản không phải theo thể-thức gì phức-tạp, đặc biệt. Nhưng vì cửa hàng thương-mại có tính-cách quan-trọng, nên những việc mua bán, cầm-cổ, cho thuê đã được luật-pháp quy-định rất kỹ.

TIẾT THỨ NĂM

Việc mua bán cửa hàng thương-mại.

Việc mua bán cửa hàng thương-mại ở Trung-Phần Việt-Nam được quy-định trong bộ luật Thương-Mại, từ điều 175 đến 181.

Theo điều 176, những thể-thức này chỉ áp-dụng cho những cửa hàng thương-mại phải đóng môn-bài từ hạng 5 trở lên. Việc đoạn-mại, phải cáo-thị cho mọi người biết trên một tấm vải to treo ngay ở cửa hàng, trước cửa ra vào chính. Lý-trưởng hay trưởng-phố sẽ làm biên-bản xác-nhận sự cáo-thị rồi giao biên-bản cho người mua để người này xin Ông Lục-sự Tòa-án nơi cửa hàng tọa lạc thị-nhận. Tấm vải cáo-thị phải để như vậy cho công-chúng biết trong 40 ngày liền.

Nếu không được công-bố như trên, việc đoạn-mại sẽ không có hiệu-lực đối kháng với người đệ-tam.

Trong 40 ngày, kể từ ngày biên-bản của lý-trưởng hay trưởng-phố đã được thị-nhận, người mua phải lưu-giữ giá tiền, không được trả cho chủ-hiệu. Tiền ấy sẽ trả cho chủ nợ, nếu có, của người chủ hiệu. Tất cả các chủ nợ đều có quyền phản-đối kháng việc đoạn-mại trong 40 ngày nói trên; quá hạn ấy, người mua có quyền giao tiền cho chủ hiệu, và những chủ nợ nào không xuất-diện đòi nợ không kêu nại gì được nữa.

Người bán có nhiệm-vụ theo pháp-luật (điều 175) không được mở cửa hàng khác để cạnh-tranh với cửa hàng cũ; nếu bất-tuân, sẽ phải đóng cửa hàng và bồi thường. Nhưng sự ngăn-cấm không tuyệt đối, vì ai nấy đều có quyền tự-do buôn-bán. Chỉ ngăn-cấm bán những thứ hàng tương-

tự với cửa hàng cũ thôi, và cũng chỉ ngăn-cấm trong một thời-gian và một chu-vi hữu-hạn. Nếu khế-ước không định rõ về những điểm ấy thì tòa sẽ tùy tình-thế mà quyết-định.

Theo điều 180, mọi việc tranh-tụng về sự mua bán cửa hàng thương-mại đều thuộc thẩm-quyền Tòa-án nơi cửa hàng tọa-lạc.

Theo điều 181, những thẻ-thức cáo-thị đoạn-mại được áp-dụng cho mọi việc di-nhượng cửa hàng dẫu rằng làm dưới một hình-thức khác với hình-thức đoạn-mại. Việc tặng dũ cũng là một việc di-nhượng, vậy có phải theo những thẻ-lệ nói trên không? Theo ý riêng chúng tôi thì có, vì lẽ những thẻ-lệ ấy có mục-dịch đin giữ cửa hàng đin gia-nghiệp của sở-hữu-chủ để bảo-vệ quyền-lợi của các chủ nợ. Ngoài trường-hợp tặng trong những việc di-nhượng khác, trong ý nhà làm luật, chắc là những việc đoạn-mại ẩn-hình, như việc quản-lý đoạn-mại, mà chúng tôi sẽ nói đến sau.

..

Việc mua bán cửa hàng thương-mại ở Nam-Phần được quy-định do Sắc-lệnh ngày 21-12-1933 (ban-hành bởi Nghị-định ngày 18-8-1934) và Sắc-lệnh ngày 21-11-1936 sửa đổi do Sắc-lệnh ngày 12-6-37. (cả hai cùng ban-hành ngày 15-7-1937. Hai Sắc-lệnh này đã cải-tác để áp-dụng ở đây hai đạo luật ngày 17-3-1909 và 29-6-1935 của Pháp.

§ 1— Thẻ-thức. Về nguyên-tắc, việc mua bán cửa hàng thương-mại không cần phải có giấy tờ giữa hai bên mới có hiệu-lực. Hơn nữa, vì là một việc thương-mại, cho nên có thẻ chứng-tỏ bằng mọi phương-pháp, theo điều 109 Thương luật Pháp. Đó cũng là nguyên-tắc được chấp-nhận trong thủ tục Việt-Nam.

Nhưng trong thực-tế, khi đoạn-mại cần phải làm giấy tờ, vì việc đoạn-mại một cửa hàng bao giờ cũng có những điều-kiện, chi-tiết phức-tạp; một mặt khác, luật pháp bắt buộc phải nói rõ:

a) Ai là người chủ trước, người ấy đã thành sở-hữu chủ bằng cách nào, giá cả những yếu-tố vô-hình, những dụng-cụ, những hàng-hóa là bao nhiêu;

b) Cửa hàng có bị cầm-cố không;

c) Tổng số thương-vụ trong ba năm sau cùng, hoặc, nếu người bán mới mua cửa hàng, thì phải ghi lòng số thương vụ từ ngày mua;

d) Ghi rõ tiền lời cũng trong thời gian ấy;

e) Ghi rõ tên, địa-chỉ người chủ nhà, ngày tháng giao-kèo thuê nhà và hạn thuê là bao nhiêu.

Vì bó buộc phải có những biểu-thị ấy, nên việc đoạn-mại tuy không cần phải giấy tờ mà thực ra phải làm.

§ 2— Điều-kiện.— Trong đoạn trên, chúng ta đã thấy một số điều-kiện phải tuân theo trong việc đoạn-mại. Ngoài ra, kẻ bán, người mua phải cùng duyệt sổ-sách kế-toán ba năm sau cùng, phải làm bản thống-kê sổ-sách ấy. Mỗi bên giữ một bản, và người bán phải giữ sổ-sách ấy trong ba năm để người mua tùy-tiện xử-dụng.

Những điều-kiện trên này đều có mục-dịch che-chở quyền lợi của người mua, cho nên nếu những điều-kiện ấy không được tuân-hành, chỉ có người mua được viện dẫn ra để xin tiêu-hủy việc đoạn-mại. Nhưng tổ-quyền này phải xử-dụng trong hạn một năm, nếu không, sẽ bị thời-tiêu.

§ 3— Đối-tượng.— Đối-tượng việc đoạn-mại cố nhiên là cửa hàng thương-mại. Những cửa hàng có nhiều yếu-tố như ta đã thấy. Gặp trường-hợp trong khế-ước không nói rõ hay không nói đủ thì sao? Những yếu-tố cần-thiết nhất là những yếu-tố vô hình sau này: bằng-hiệu, khách hàng, thương-danh và quyền thuê nhà. Gặp trường-hợp khế-ước không nói rõ, bốn yếu-tố ấy và quyền dùng con dấu của cửa hiệu (điều 2§2) đương-nhiên được coi là đối-tượng việc đoạn-mại. Còn những yếu-tố khác: hàng-hóa, dụng-cụ, quyền sở-hữu văn-ngệ, phải có nói rõ mới được coi là có kể trong việc đoạn-mại. Thành thử, trong khế-ước phải phân chia ba giá bán: a) giá bán các yếu-tố vô-hình; b) giá bán các hàng-hóa; c) giá bán các dụng cụ, (điều 2 § 3).

Theo luật, người bán được quyền bảo-đảm ưu-tiên về số tiền mà người mua chưa trả. Được bảo-đảm ưu-tiên nghĩa là được quyền tịch biên cửa hàng, đem bán để lấy nợ trước

mọi chủ nợ khác. Nếu trong khế-ước, không định giá rõ ràng cho mỗi loại yếu-tố như trên thì quyền bảo-đảm ấy chỉ ăn vào những yếu-tố vô-hình mà thôi.

§ 4— Hậu-quả.— Khế-ước đoạn-mại di-chuyển quyền sở hữu của hàng thương-mại từ người bán sang người mua. Không cần phải giấy tờ, chỉ một sự ưng-thuận riêng cũng đủ phát sinh sự di-chuyển ấy.

Nhưng chỉ là giữa người bán với người mua mới có sự di-chuyển dễ-dàng nhanh-chóng như vậy. Đối với người đệ tam, người này liên-can đến yếu-tố nào của cửa hàng thì những thể-thức đoạn-mại những yếu-tố ấy phải được thi-hành trước đã. Có vậy, việc đoạn-mại mới có hiệu-lực đối-kháng với người đệ-tam ấy. Lý-dụ đối với chủ nhà, đối với con nợ của người bán thì việc đoạn-mại phải được tổng-đạt cho họ, có thể, người mua mới được hưởng quyền thuê nhà và mới xử-dụng được quyền đòi nợ.

Muốn cho sự di-chuyển quyền sở-hữu được hoàn-toàn, cần phải bảo-vệ quyền-lợi của người mua đối với những hành-động tri-trá của người bán, bởi thế cho nên người này có những nhiệm-vụ đặc-biệt. Ngược lại, người bán của hàng cho chịu tiền, cũng phải được che-chở, vì thế, có những sự bảo-đảm riêng.

Một đảng khác, cần phải bảo-vệ quyền lợi của người đệ tam, không cho người có cửa hàng lên-lút bán cửa hàng của mình đi.

Hai vấn-đề này đều quan-trọng, chúng ta sẽ nghiên-cứu riêng mỗi vấn-đề trong một phụ-tiết.

PHỤ TIẾT NHẤT

§ I — Nhiệm-vụ bảo-đảm của người bán.

Người bán phải giao cửa hàng cho người mua, nhưng giao rồi không được quấy nhiễu, làm phiền người mua trong công việc buôn-bán của người này. Cái việc quấy nhiễu đó thường thường là việc mở một cửa hàng tương-tự ở gần cửa hàng cũ. Cho nên khế-ước đoạn-mại thường cấm việc đó. Ấn-lệ công-nhận sự ngăn-cấm ấy hợp-pháp, miễn là không có tính-cách tuyệt-đối, chỉ ngăn-cấm trong một thời-hạn, và trong một

khu-vực nào thôi; nếu không, sự ngăn-cấm sẽ bất-hợp-pháp vì trái với nguyên-tắc tự-do thương-mại.

Dấu khế-ước không ngăn-cấm, người bán cũng bị coi là vi-phạm nhiệm-vụ bảo-đảm nếu người ấy mở một cửa hàng mới và đã lôi kéo được một số khách-hàng của cửa hàng cũ (Req. 12-1-1942. S 1943- 1-17).

Người bán còn phải bảo-đảm cả những ân-tý của cửa hàng thương-mại. Ân-tý là những tình-trạng khiếm-khuyết của cửa hàng mà lúc mua, người mua không thấy rõ, biết rõ. Ví dụ: một quán rượu, giấy phép đã thu-hồi mà người bán không nói cho người mua biết; hay một bằng-cấp sáng-chế đã hết hạn khai-thác mà chủ hiệu cứ đem bán. Trong những trường-hợp này, người mua có quyền xin tiêu-hủy khế-ước đoạn-mại, hoặc xin bớt tiền bán.

§ 2 — Quyền bảo - đảm của người bán.

A) — Người bán cửa hàng thương-mại chưa lấy tiền, hoặc còn cho người mua chịu một phần tiền, được hưởng một quyền ưu-tiên lấy nợ. Quyền ưu-tiên đây là một vật-quyền, nghĩa là một quyền-lợi có một đồ-vật làm đối-tượng và sử-dụng trên đồ-vật ấy. Quyền ưu-tiên ấy cho phép chủ nợ sử-dụng hai phương-thế để bảo-vệ quyền-lợi: quyền truy-đoạt đuổi bắt cái đồ vật làm bảo-đảm cho mình, nghĩa là nếu đồ-vật ấy được di-nhượng qua tay người khác, thì chủ nợ có quyền sai-áp lấy về; sau đây, chủ nợ có quyền phát-mại, theo thể-thức luật-định, để lấy nợ, và lấy trước các chủ nợ khác, đó là quyền tiên sách. Có thể là có nhiều chủ nợ cũng có quyền ưu-tiên trên một đồ-vật và quyền-lợi của họ sẽ tương-phản lẫn nhau, chừng ấy sẽ phải giải-quyết sự tương-tranh đó. Nhưng đó là một vấn-đề khác không thuộc phạm-vi nghiên-cứu của chúng ta. Quyền ưu-tiên của người bán cửa-hàng khởi đầu từ ngày bán cửa hàng.

Nhưng muốn có quyền ưu-tiên, phải có những điều-kiện sau này:

a) Việc mua bán phải có một công-chính chứng-thư xác-nhận hoặc nếu lậm tư-thư với nhau thì tư-thư này phải trước-hạ. Trong chứng-thư phải ghi rõ việc phát-mại gồm những yếu tố gì, nếu không, quyền ưu-tiên sẽ chỉ sử-dụng trên những

yếu-tố vô-hình thời, như ta đã biết (điều 2 Sắc-lệnh ngày 21-12-33);

b) Quyền ưu-tiên phải được đăng-bạ, nếu không sẽ vô-hiệu, trong 15 ngày kể từ ngày làm giấy đoạn-mại (điều 3). Đăng-bạ ở đâu? Phải đem trình phòng Lục-sự Tòa-án, ở đây sẽ ghi vào sổ. Muốn đăng-bạ phải làm hai tờ phiếu ghi rõ ngày tháng văn-tự đoạn-mại và số tiền người mua còn chịu lại. Ông Lục-sự giữ một bản, trả lại một bản sau khi đã ghi vào sổ rằng việc đăng-bạ làm rồi. Nếu văn-tự đoạn-mại là một công-chính chứng-thư thì xuất-trình cho ông Lục-sự xem; nếu là tư-chứng-thư, phải trình một bản để lưu-trữ tại phòng Lục-sự (điều 25). Trong trường-hợp món nợ được trả dần thì quyền ưu-tiên cũng thu-hẹp dần lại. Trên kia chúng ta đã thấy rằng, trong văn-tự đoạn-mại phải ghi giá cả ba loại yếu-tố: 1— hàng hóa; 2— dụng-cụ; và 3— những yếu-tố vô-hình. Người mua của hàng trả tiền được đến đâu thì những yếu-tố trên này cũng lần lượt theo thứ-tự ấy ra khỏi quyền ưu-tiên của người bán. Đầu tiên là mục hàng hóa được giải-phóng, rồi đến mục dụng-cụ, và những yếu-tố vô-hình sẽ là những yếu-tố sau cùng còn lại để bảo-đảm quyền-lợi cho người bán (điều 2 đoạn cuối).

B) — Ngoài quyền ưu-tiên trên này, người bán của hàng còn có quyền xin tiêu-hủy việc đoạn-mại. Đó là một nguyên-tắc phổ-thông luật-pháp: khi hai người lập ước với nhau, nếu một bên không chịu thi-hành nhiệm-vụ thì bên kia có quyền xin tiêu-hủy sự cam-kết ấy đi.

Ở đây, sự tiêu-hủy có thể đụng chạm đến quyền-lợi của người đệ-lam, cho nên để những người này biết mà đề-phòng, tổ-quyền tiêu-hủy, muốn được tồn-tại, phải đăng-bạ cùng với quyền ưu-tiên lấy nợ; và hơn thế nữa, quyền ưu-tiên ăn-nhập vào những yếu-tố nào thì tổ-quyền tiêu-hủy cũng chỉ ăn-nhập vào những yếu-tố ấy mà thôi (điều 3 § 2).

Khi xử-dụng tổ-quyền tiêu-hủy, người bán của hàng phải tổng-đặt cho các chủ nợ đã đăng-bạ biết (tức là các chủ nợ đã nhận cầm cố của hàng của người mua.) Trong trường-hợp văn-tự đoạn-mại có giao-ước rằng nếu người mua không

trả tiền khế-ước sẽ đương-nhiên tiêu-hủy, sự tiêu-hủy cũng phải tổng-đạt cho những chủ nợ này và chỉ phát-sinh hậu-quả một tháng sau sự tổng-đạt ấy. Làm như vậy là cốt để cho các chủ nợ, có thể trả nợ thay cho người mua cửa hàng, nếu họ muốn tránh sự tiêu-hủy (điều 3 § 4 và 5).

Người bán có thể phân-tách từng loại yếu-tố để xử-dụng tố-quyền tiêu-hủy không? Ví-dụ: sau khi người mua đã trả dần, quyền ưu-tiên của người bán chỉ còn trên những yếu-tố vô-hình. Người bán có thể chỉ xin tiêu hủy việc đoạn-mại riêng về những yếu tố ấy không? Không được. Vì làm như thế sẽ tan rã cửa hàng. Người bán, muốn tiêu-hủy việc đoạn-mại, phải lấy lại toàn-thẻ cửa hàng, và hoàn lại giá tiền hàng-hóa, dụng-cụ theo sự trị-giá của giám-định-viên (điều 3 § 3).

PHỤ-THIỆT HAI

Sự bảo-vệ những chủ nợ của nhà buôn

Những chủ nợ đã nhận cầm cố cửa hàng thương-mại của nhà buôn không phải e ngại gì về món tiền mình cho vay, vì đã có cửa hàng làm bảo-đảm và có quyền ưu-tiên về cửa hàng ấy.

Nhưng đối với những chủ nợ không có bảo-đảm gì đặc biệt thì phải che-chở họ và ngăn-cản nhà buôn dẫu-diếm họ, lén-lút đem bán cửa hàng đi.

Vì thế, trước khi mua một cửa hàng thương-mại, người mua phải công-bố cho công-chúng biết (điều 4 Sắc-lệnh ngày 21-12-33). Trong hạn 15 ngày sau khi làm giấy tờ, người mua phải công-bố việc mua bán trong một tờ báo pháp-định thuộc quản-hạt Tòa-án Thương-mại ở nơi tọa-lạc cửa hàng thương-mại. Trong bản bố-cáo phải ghi rõ việc mua bán, ngày tháng việc mua bán ấy, tên họ chỗ ở của hai bên, tính-cách và nơi tọa-lạc cửa hàng, và phải tuyên-định cư-trú trong quản-hạt Tòa-án. Trong hạn từ 8 đến 15 ngày sau, bản bố-cáo ấy phải đăng lại một lần thứ hai cũng trong tờ báo ấy.

Việc bố-cáo này có mục-dịch cho những chủ nợ vô bảo-đảm được-biết việc bán cửa hàng. Không có bố-cáo thì việc đoạn-mại sẽ không có hiệu-lực đối-kháng với họ, và người

mua nếu đã trả tiền cho người bán rồi, có thể lại phải trả một lần thứ hai nữa. Ta phải nhận xét sự bố-cáo trên này chỉ có ảnh-hưởng riêng đối với những chủ nợ vô bảo-đảm. Giữa hai người cùng mua một cửa hàng, nghĩa là trong trường hợp, người chủ hiệu đem cửa hiệu bán hai lần cho hai người khác nhau, thì việc công-bố không có hiệu-lực gì hết : trong hai người cùng mua, người nào đưa trình trước-hạ văn-tự của mình trước thì người ấy sẽ thắng, còn việc công-bố như trên dù làm trước hay làm sau không có ảnh-hưởng gì.

Việc buôn bán của người Trung Hoa ở Việt Nam có riêng một sắc lệnh nữa quy định là sắc lệnh ngày 27-2-1892 ban hành ở Nam-Phần ngày 29-6-92, ở Bắc-Phần ngày 27-4-1901 và ở Trung-Phần ngày 11-5-1912. Theo chỗ chúng tôi biết, sắc lệnh này vẫn áp-dụng, chưa hủy bỏ. Theo điều 4§3 sắc lệnh ngày 21-12-33 thì khi một bên mua bán là người Trung Hoa bản bố cáo trên này còn phải ghi tất cả những điều mà sắc lệnh ngày 27-2-92 bó buộc người Trung Hoa phải khai khi mở cửa hàng buôn bán. Những điều phải khai ấy là những điều mà chúng ta đã phân tách ở trên kia. Người Trung Hoa chỉ phải khai thêm tên họ (của mình và của những người hùn vốn liên đới) viết theo hán-tự và pháp tự, số trước tịch trong giấy lưu-trú, giấy thuế và hàng bang của mình. Phải làm thêm một bản bố cáo để tại phòng Lục-sự.

Điều 4§3 trên này của sắc-lệnh ngày 21-12-33 cũng bó-buộc phải làm như thế khi một bên mua bán thuộc sự chi phối của nghị-định ngày 22-4-1910. Nhưng nghị-định này, trước kia, chỉ áp-dụng ở Bắc-Phần ta không cần xét đến.

Trở lại những chủ nợ vô bảo-đảm, họ phải làm thế nào để bảo-tồn quyền-lợi của họ? Trong hạn 10 ngày kể từ lần đăng báo thứ hai, họ phải, bằng văn-thư ngoại-tư-pháp, phản-kháng tại nơi cư-trú của người mua đã tuyền-định, không cho người này trả tiền cho chủ hiệu. Cả chủ nhà của người có cửa hiệu cũng có quyền ấy, nhưng chỉ phản -kháng được đến mức số tiền nhà đã đáo-hạn thôi.

Nếu người mua cứ trả tiền cho người bán, không đếm xỉa đến sự phản-kháng hoặc, trả tiền trước khi hết hạn 10

ngày nói trên, hoặc trả tiền trước khi công-bố việc đoan-mại, thì có thể bị trả một lần nữa cho những chủ nợ: nghĩa là những chủ nợ có quyền cứ đòi nợ ở người mua, còn hai bên mua bán thanh-toán với nhau thế nào họ không cần biết đến (điều 4, đoạn cuối).

Có thể là sự phản-kháng vô căn-cứ, hoặc món nợ làm nguyên-nhân cho sự phản-kháng chỉ là một món nợ nhỏ, cho nên người chủ cửa hàng có thể đi cấp thẩm trước ông Chánh-án Tòa Hộ để xin được lĩnh tiền; cũng có thể xin lĩnh tiền với điều-kiện ký-thác một số tiền đủ trả cho các chủ nợ đã phản-kháng.

..

Đấu-giá thêm 1/6.— Tất cả các chủ nợ đã đăng-bạ hay đã phản-kháng còn có quyền tố-giá lên 1/6 trong hạn 20 ngày sau lần đăng báo thứ hai, để xin bán đấu-giá cửa hàng thương-mại: trường-hợp này là trường-hợp có sự gian-lận giữa người bán và người mua để khai bớt đi giá bán. Sự tố-giá chỉ áp-dụng cho những yếu-tố vô-hình mà thôi, còn những yếu-tố hữu-hình như dụng-cụ, hàng-hóa không thể được tố-giá để đem bán đấu-giá (điều 6§2)

Đem cửa hàng nhập hội. Một nhà buôn đem cửa hàng của mình nhập hội cũng chẳng khác gì đem bán cửa hàng đi, làm cho những chủ nợ vô bảo-đảm không còn trông được vào đâu để lấy nợ nữa. Cho nên Sắc-Lệnh ngày 21-12-1933 cũng đã lưu-ý đến trường hợp này.

Nếu cửa hàng đem nhập một hội buôn đã thành-lập rồi thì hội buôn phải công-bố việc đem cửa hàng nhập hội cũng như người mua cửa hàng, theo thể-thức đã nói trên (điều 4).

Nếu cửa hàng đem nhập một hội buôn sắp thành-lập thì không cần phải công-bố như thế vì việc lập hội buôn đã phải theo những thể thức công-bố để cho công-chúng biết (chứng-thư lập hội phải đệ ở phòng Lục-sự).

Các chủ nợ vô bảo-đảm có quyền trong 15 ngày kể từ ngày

đăng báo lần thứ hai, hay từ ngày chứng-thư lập hội để ở phòng Lục-sự, để đến khai ở phòng Lục-sự những sổ nợ của mình. Hội buồn được 15 ngày để lựa chọn một thái-độ: Nếu thấy sổ nợ to quá thì có thể xin hủy-bỏ việc đem cửa hàng để nhập hội (nếu hội đã thành-lập rồi), hoặc xin hủy-bỏ việc lập hội (Nếu hội sắp sửa thành-lập). Nếu hội nhận cửa hàng để cho vào hội thì phải đảm-nhận tất cả các món nợ, và phải chịu trách-nhiệm liên-đối với chủ hiệu về những món nợ ấy. Những chủ nợ không khai-trình trong thời-hạn luật định, không có quyền đòi hỏi gì hội cả.

TIẾT THỨ SÁU

Cầm cố cửa hàng thương mại

Đây là một việc rất đặc biệt. Đặc biệt vì cửa hàng thương-mại là một động-sản như chúng ta đã biết; vậy mà động-sản ấy lại đem cầm-cố được như một bất-động-sản. Muốn hiểu sự đặc biệt ấy, ta phải biết rằng muốn cầm một động-sản, phải giao động-sản ấy cho chủ nợ giữ làm tin. Trái lại khi ta cầm một bất-động-sản, ta không phải giao bất-động-sản ấy cho chủ nợ. Lý-do là vì những động-sản không có « căn-cước » : ai giữ thì được coi là của người ấy; còn những bất-động-sản thì đều có căn-cước giấy tờ, mỗi khi có sự mua bán, cầm-cố đều ghi vào căn-cước ấy, mọi quyền-lợi của sở-hữu-chủ, của chủ nợ, đều có bằng-chứng đích-xác, không ngại ai xâm lấn.

Cửa hàng thương-mại là một động-sản, vậy mà lại có thể đem cầm-cố mà không cần giao cửa hàng cho chủ nợ giữ. Đó là điều thứ nhất ta phải nhớ kỹ.

1/— Có thể cầm-cố được những yếu-tố gì trong cửa hàng thương-mại? Sự cầm-cố cửa hàng thương-mại chỉ có thể lấy những yếu-tố sau này làm đối-tượng, nghĩa là chỉ có thể lấy những yếu-tố ấy đem cầm-cố thôi: bằng hiệu, thương-danh, khách-hàng, quyền thuê nhà, trừ trường-hợp ngôi nhà cũng thuộc quyền sở-hữu của chủ hiệu, quyền dùng con dấu của chủ hàng, đồ đạc, dụng-cụ dùng trong việc thương-mại, nhãn-hiệu, bằng sáng-chế hình vẽ kiểu-mẫu, quyền sở-

hữu công-nghiệp và văn-nghệ. Nếu trong văn-tự cầm-cố không nói rõ thì việc cầm-cố chỉ gồm có 5 yếu-tố: bằng-hiệu, thương-danh, quyền dùng con dấu, quyền thuê nhà và khách-hàng.

Có hai yếu-tố không bao giờ có thể cầm-cố được là những trái-quyền, và hàng-hóa vì hàng-hóa cốt để lưu-thông và những chủ nợ vô bảo-đảm chỉ trông cậy có vào những hàng-hóa ấy để bảo-đảm cho mình; nếu cho cầm-cố thì những chủ nợ này không còn bảo-đảm gì nữa mà chủ nợ cầm-cố cũng không có lợi gì, vì những hàng-hóa sẽ bán đi rất dễ.

Chủ hàng thương-mại có cách gì khai-thác sự tiện-ích của những trái-quyền và hàng-hóa không? Có thể đem cầm riêng những động sản ấy: không cầm-cố được những yếu-tố ấy cùng với cửa hàng thương-mại, nhưng có thể cầm-cố riêng như ta đem cầm-cố bất-cứ động-sản gì, nhưng phải theo thể-thức riêng của mỗi bất-động-sản ấy, Ví dụ muốn cầm một món nợ thì phải giao văn-tự nợ cho chủ nợ của mình rồi tổng-đặt cho con nợ của mình biết (điều 1690 Dân-Luật Pháp; 977; 978 Dân-Luật Bắc-phần, và 1.125, 1.126 Dân-Luật Trung-Phần. Muốn cầm hàng-hóa phải giao hàng-hóa cho chủ nợ, hoặc ký-thác vào một kho vật-phẩm (magasin général) giao chứng-khoán cho chủ nợ (ở Việt-Nam không có những kho vật-phẩm này).

2/— Thể-thức.— Việc cầm-cố cửa hàng thương-mại phải có giấy tờ, hoặc một công-chính chứng-thư, hoặc một tư-thư có trước-bạ. Văn-tự phải đem trình Tòa thương-mại ở nơi khai-thác cửa hàng và ở mỗi nơi có chi-nhánh. Sự cầm-cố sẽ đăng-bạ vào một quyển sổ riêng; nếu có cả bằng cấp sáng chế, quyền sở-hữu công-nghiệp cũng đã đem cầm-cố thì còn phải đăng-bạ ở cả Sở hay Bộ đã phát chứng-chỉ về những sự sáng chế và quyền sở hữu ấy.

Thời-hạn đăng-bạ ở Tòa-án là 15 ngày sau khi làm văn-tự. Không đăng-bạ thì việc cầm-cố vô-hiệu (điều 12).

3) — Hiệu-quả của sự cầm-cố.—

A) Sự cầm-cố mang lại cho chủ nợ một quyền ưu-tiên.—

Bất cứ người nào cũng có thể xin ông Lục-sự cấp cho một bản trích-lục mọi sự đăng-bạ về một cửa hàng thương-mại.

Quyền ưu-tiên của chủ nợ nhận cầm-cổ một cửa hàng thương-mại phải nghiên-cứu về ba phương-diện :

I — Đối với các chủ nợ khác của người chủ hiệu.—

a) Đối với các chủ nợ vô bảo-đảm, ví-dụ những người bán hàng cho chủ hiệu, người chủ nợ cầm-cổ được quyền tiên sách, nghĩa là được quyền lấy nợ trước, còn đâu mới đến phần các chủ nợ vô bảo-đảm chia nhau.

b) Nếu có nhiều chủ nợ cầm-cổ, thì thứ bậc của họ sẽ định theo thời-hiệu những ngày đăng-bạ; ai đăng-bạ trước được lấy nợ trước; nếu hai ba người cùng đăng-bạ một ngày thì tiền sẽ chia nhau (điều 13).

c) Đối với người bán cửa hàng thương-mại thì quyền ưu-tiên của người này đi trước quyền ưu-tiên của chủ nợ cầm-cổ. Nghĩa là người bán cửa hàng sẽ lấy nợ trước. Và bao giờ cũng lấy trước dầu người chủ nợ cầm-cổ có đăng-bạ việc cầm-cổ trước cũng vậy.

d) Những món tiền phải trả vào Ngân-khố, những tiền án-phí cũng được lấy trước tiền nợ của chủ nợ cầm-cổ.

2 — Đối với người mua cửa hàng thương-mại.— Đây là trường-hợp một người chủ hiệu đem bán cửa hàng của mình sau khi đã cầm-cổ cho một chủ nợ. Ta đã biết rằng, chủ nợ ưu-tiên có quyền truy đoạt cái vật làm bảo-đảm cho món nợ của mình. Vậy người chủ nợ cầm-cổ sẽ đuổi theo cái cửa hàng thương-mại ấy, sẽ bắt nó trong tay người mua nghĩa là sẽ sai-áp như cửa hàng ấy vẫn thuộc quyền sở-hữu con nợ của mình, và sẽ có quyền đem phát-mại theo thể-thức luật-định để lấy nợ. Nhưng muốn được vậy, điều-kiện cốt-yếu là chủ nợ phải đã đăng-bạ quyền ưu-tiên của mình trước khi cửa hiệu được đem bán.

Về phần người mua, người này có thể tránh việc sai-áp để giữ lấy cửa-hàng bằng cách giải-trừ những quyền ưu-tiên. Muốn vậy, người bán phải tổng-đạt cho mỗi chủ nợ ưu-tiên, tình-nguyên xin bỏ ra một số tiền tương-đương với giá bán để trả các món nợ. Nếu là một cửa hàng đã đánh đổi, hay đã cho không người ấy, thì số tiền đề-cung có thể

nhờ giám-định-viên ấn-định. Các chủ nợ nếu cho rằng đề-cung không đầy đủ sẽ có thể tố-giá thêm một phần mười để đem cửa hàng bán đấu-giá nhưng dụng-cụ và hàng-hóa sẽ không được tố-giá. Cổ nhiên là nếu người mua đã mua cửa hàng trong một cuộc bán đấu-giá rồi thì không thể tố-giá được nữa.

3 — Đối với chủ hiệu. — Đối với chủ hiệu, nếu đến ngày trả nợ mà chủ hiệu không trả, thì chủ nợ sẽ bách-hẹn người ấy phải trả bằng một truyền-phiếu của thừa-phát-lại. Sau hạn 8 hôm kể từ ngày bách hẹn, chủ nợ có thể xin Tòa Thương-mại cho phát mại cửa hàng. Phải phát mại để lấy nợ chứ không được lấy cửa hàng để trừ nợ (điều 9). Điều này trái với phổ-thông luật-pháp. Theo phổ-thông luật-pháp, người chủ nợ cầm cố có thể lấy đồ-vật đã cầm-cố cho mình để trừ nợ. Theo điều 2078 Dân-Luật-Pháp, chủ nợ phải xin Tòa lên án cho phép giữ đồ-vật ấy làm của riêng; theo điều 1330 Dân-Luật Bắc-Phần thì chỉ cần có sự giao-ước rõ ràng như vậy trong khế-ước cầm-cố là đủ; theo điều 1520 Dân-Luật Trung-Phần thì trái lại, người chủ nợ không bao giờ được thành sở-hữu-chủ đồ-vật đã cầm cho mình; những lời giao ước trái lại đều vô-hiệu (điều 1521); chỉ có trường-hợp đồ-vật đem cầm trị-giá không quá 20d thì chủ nợ sẽ đương-nhiên thành sở-hữu-chủ (điều 1525).

Sau khi phát-mại, nếu chỉ có một chủ nợ ưu-tiên thì chủ nợ này lấy nợ của mình không có sự khó-khăn gì cả. Nếu có nhiều chủ nợ đăng bạ thì số tiền sẽ phân-phát theo một thủ-tục riêng.

B) Những bảo-đảm khác của người chủ nợ cầm - cố. — Quyền ưu-tiên trên này chưa đủ bảo - đảm quyền - lợi cho người chủ nợ. Con nợ còn có thể chuyển-dịch cửa hàng làm mất một số khách-quen; có thể bị các chủ nợ khác sai-áp; có thể bị chủ nhà kiện đòi nhà, làm mất chỗ buôn bán. Đối với những nguy-cơ ấy, chủ nợ ưu-tiên đều có phương-pháp đối phó.

1. — Dời cửa hàng đi nơi khác. — Chủ hiệu muốn dời

cửa hàng đi nơi khác phải báo cho chủ nợ đã đăng-bạ 15 ngày trước, và phải nói rõ sẽ dọn đến đâu. Nếu không báo trước thì các món nợ sẽ thành đáo-hạn, nghĩa là các chủ nợ sẽ có quyền đòi phải trả ngay. Chủ nợ có quyền phản-kháng việc dời chỗ; nếu chủ hiệu không nghe thì các món nợ cũng sẽ thành đáo-hạn như trên, nếu sự dời chỗ sẽ làm cho cửa hàng mất giá-trị. Chủ nợ sẽ sai-áp cửa hàng và như vậy sẽ ngăn-cản được việc dời chỗ. Trong trường-hợp cửa hàng được dời chỗ, chủ nợ ưu-tiên và người bán cửa hàng có nhiệm-vụ phải xin phòng Lục-sự ghi vào bên cạnh quyền ưu-tiên của họ nơi tọa-lạc mới của cửa hàng. Tuy nhiên, luật-pháp không tiên-liệu sự trừng-phạt gì nếu họ quên không xin ghi chú. Án-lệ định rằng nếu họ quên, quyền ưu-tiên của họ vẫn còn tồn-tại, miễn là việc dời cửa hàng không làm thiệt-hại gì cho người đệ-tam cả (Req. 19-10-43. S 1944. 1.32). Như vậy nghĩa là tùy trường hợp thực-tế trong mỗi việc tranh-tụng, quyền ưu-tiên sẽ tồn-tại hay bị hủy-bỏ.

2.— Một vài yếu-tố cửa hàng bị sai-áp.— Một chủ nợ có thể sai-áp cửa hàng, như dụng-cụ, hàng-hóa, đồ-đạc. Nếu những yếu-tố bị sai-áp ấy đem phát-mại riêng rẽ tất nhiên sẽ làm giảm giá-trị cửa hàng. Cho nên luật-pháp bó buộc chủ nợ ấy phải tổng đạt sự chấp-hành cho những chủ nợ ưu-tiên đã đăng-bạ ít ra được 15 ngày tính đến ngày tổng-dạt ấy. Những chủ nợ ưu-tiên được tổng-dạt như vậy có quyền trong hạn 10 ngày xin Tòa-án Thương-mại cho phát mại toàn thể cửa hàng (điều 21); nếu họ không hành động gì thì những yếu-tố đã bị sai-áp mới được đem phát mại riêng-rẽ. Điều đáng chú ý là, trong trường-hợp này, tất cả các chủ nợ ưu-tiên đều có quyền xin phát-mại cửa hàng, không kể là món nợ của họ đã đáo-hạn hay chưa đáo hạn. Ta phải chú ý điểm này là vì theo phổ-thông luật pháp nợ chưa đáo-hạn thì chưa trả, chủ nợ chưa có quyền đòi; đáng lẽ các chủ nợ ưu-tiên chưa có quyền hành-động gì hết,

3.— Chủ nhà kiện đòi nhà.— Trong trường-hợp người

chủ hiệu không trả tiền nhà, chủ nhà có quyền xin tiêu-hủy khế ước thuê nhà và trục xuất người thuê. Để bảo-vệ quyền-lợi của chủ nợ ưu-liên, luật-pháp bó buộc chủ nhà phải tổng-đặt đơn kiện cho họ biết, và Tòa chỉ có thể tuyên-án một tháng sau tổng-đặt ấy. Trong thời-gian một tháng ấy, các chủ nợ có thể trả tiền cho chủ nhà để tránh cho chủ hiệu khỏi bị trục-xuất.

Trong các khế-ước thuê nhà thương-mại, hai bên thường có thỏa thuận rằng nếu người thuê không trả tiền nhà thì khế-ước đương nhiên tiêu-hủy và người thuê sẽ bị trục-xuất bằng một mệnh-lệnh cấp thẩm. Ông Chánh-án cấp thẩm về nguyên-tắc không có quyền xét đoán về nội-dung, nhưng ở đây ông có quyền ra mệnh-lệnh trục-xuất, vì theo sự thỏa thuận của hai bên, khế-ước đã đương-nhiên tiêu hủy rồi, ông không phải quyết định gì về nội-dung cả, ông chỉ việc nhận-định sự tiêu-hủy khế-ước rồi, nhân đấy, ra lệnh trục-xuất người thuê. Tình-trạng này cũng nguy-hiểm cho những chủ nợ ưu-liên như tình-trạng trên, cho nên án-lệ định rằng trong trường-hợp này, chủ nhà cũng phải tổng-đặt đơn kiện cấp thẩm cho các chủ nợ đã đăng-bạ. (Civ. 23.1.1933. DP 1933. 1.39).

Có một trường-hợp đặc biệt ta phải lưu ý là trường-hợp người chủ hiệu là sở-hữu-chủ ngôi nhà dùng để mở cửa hiệu. Ở đây, không có việc thuê-mượn nhà cửa gì cả, vì chủ hiệu mở cửa hiệu ở nhà mình, chỉ sử-dụng quyền sở-hữu mà thôi. Cho nên, nếu người ấy đem cầm-cố cửa hàng thì, trong sự cầm-cố ấy, không bao gồm cái quyền thuê-nhà. Kết-quả là nếu ngôi nhà bị một chủ-nợ đề-đương (créancier hypothécaire) sai-áp, đem phát mại rồi, người mua nhà cho một nhà buôn thuê, người này mở tại đấy một cửa hàng thương-mại tương-tự như cửa hàng cũ, thì chủ nợ cầm-cố không có quyền gì có thể nại ra để tranh-chấp với người thuê mới cả (Civ. 21.7.1937. S 1938. 1.137)

TIỆT THÙ VII

Quản-lý cửa hàng thương-mại

Việc quản-lý cửa hàng thương-mại là một việc thông-thường. Người công-chức, người vị-thành-niên được thừa-hưởng

một cửa hàng thương-mại phải giao cho một người khác quản-lý vì tự mình không có quyền khai-thác. Có khi sở-hữu-chủ vì bận công-việc thương-mại cũng giao cho một người khác quản-lý.

Sắc-lệnh ngày 21-12-1933 không ấn-định điều gì về việc quản-lý. Có ba thứ quản-lý; quản-lý thù-lao, quản-lý tự-do và quản-lý đoạn-mại.

A) — Quản-lý thù-lao. — Người chủ hiệu thuê một người điều-khiển cửa hàng cho mình hoặc ủy-quyền cho một người trông nom công-việc ấy; tiền thù-lao có thể là một món tiền nhất định hay một suất bách-phân tính theo tổng-số thương-vụ.

Trong trường-hợp thứ nhất, sự tương-quan giữa người chủ hiệu và người « quản-lý » là một khế-uớc lao-công trong trường-hợp thứ hai, sự tương-quan ấy là một khế-uớc ủy-thác. Nhưng trong cả hai trường-hợp, chỉ có người chủ hiệu có tư-cách một thương-gia và chỉ riêng người ấy chịu trách-nhiệm với người đệ-tam.

B) Quản-lý tự-do. — Trong việc quản-lý tự-do, người chủ hiệu nhượng quyền khai-thác cho người quản-lý trong một thời-gian nhất-dịnh, nhưng cửa hiệu vẫn thuộc sở-hữu của người chủ. Người quản-lý, hàng tháng, trả cho người chủ một số tiền nhất định, và phải chịu những tiền phí-lỗn khai thác, thuế-má. Người ấy tự lo lấy những công-việc của mình, tự cam-kết với các người đệ-tam, hoàn-toàn tự chủ trong công-việc buôn-bán, miễn là đừng làm sai sự thích-dụng của cửa hàng, đừng làm cho cửa hàng mất giá-trị, ngoài ra nếu có lời thì được hưởng nếu lỗ thì phải chịu. Bởi thế, ở đây người chủ hiệu không còn là thương-gia nữa, chỉ còn là một người đã cho thuê cửa hiệu của mình thôi, và chính người quản-lý mới là một thương-gia.

Tình-trạng ấy có ảnh-hưởng đến những chủ nợ cầm-cổ của chủ hiệu một đẳng, và những người buôn-bán với quản-lý một đẳng khác.

a) Đối với những chủ nợ cầm-cổ, những người này có quyền sai áp và phát-mại cửa hiệu. Người quản-lý không

thẻ ngăn-cản được việc ấy. Nhưng có thẻ bắt người chủ mới mua cửa hàng phải tiếp-tục cho mình thuê không? Về Dân-Luật, người thuê-nhà được tiếp-tục thuê nhà mặc dầu người chủ đã bán nhà đi, miễn là khế-uớc thuê-mướn có niên-hiệu chắc-chắn, ví-dụ là một công-chính chứng-thư, hoặc là một tư-thư đã trước-bạ (điều 1743 Dân-Luật Pháp, điều 1030 Dân-Luật Bắc-Phần và điều 1177 Dân-Luật Trung Phần). Nhưng về thương-luật, không có khoản nào quyết định rõ ràng như vậy. Học-thuyết cho rằng điều 1743, 1030 về Dân-Luật là những điều luật bất-thường, không áp-dụng được trong trường-hợp của chúng ta. Án-lệ thì chưa nhất-định và chỉ có những quyết-định của Tòa dưới, vẫn - đề chưa được giải-quyết trước Tối-cao Pháp-viện.

b) Đối với những người đệ-tam giao-dịch buôn-bán với người quản-lý.— Những người này có thẻ tưởng rằng người khai-thác cửa hiệu vẫn là người chủ-hiệu mà họ đã quen biết, còn người « quản-lý » chỉ là đại-diện người này; có thẻ là vì họ tưởng lầm như vậy nên mới tiếp-tục giao-dịch vì họ tin-nhiệm người chủ. Vậy, đối với họ người chủ có phải chịu trách-nhiệm về những hành-vi của người « quản-lý » không? Án-lệ, sau một thời-kỳ do-dự, đã định rằng người chủ hiệu chỉ bị trách-nhiệm nếu đã có lỗi sơ-suất, không thi-hành những biện-pháp công-bố thích-nghi và đầy đủ để công-chúng biết rằng cửa hàng đã cho thuê và người thuê có toàn-quyền xử-dụng. Trách-nhiệm của chủ hiệu căn cứ vào một điều lỗi, tức là án-lệ đã đem điều 1382 Dân-Luật Pháp, 713 Dân-Luật Bắc-Phần và 1177 Dân-Luật Trung-Phần áp-dụng ở đây (Civ. 26-6-1944; 7-11-44 D 1945. J.151), Điều lỗi ấy có thẻ là đã quên không đăng báo việc cho thuê, hay không xóa bỏ tên mình trong sổ Thương-mại. Việc đăng báo phải đầy đủ, phải có tính-cách phổ-biến rộng-rãi, sao cho sự loan-báo được chắc-chắn và nhiều người biết; như vậy, người chủ hiệu mới có thẻ được miễn trách. Về việc xóa trên trong sổ Thương-mại, ta đã biết rằng sự ghi tên không đủ là một bằng-chứng rằng ta là nhà - buôn; nhưng, ngược lại trong trường - hợp này, không xóa tên đi, ta vẫn bị coi là nhà-buôn và phải chịu trách nhiệm về sự điều-hành cửa hiệu, trừ phi ta chứng-tỏ được

rằng người đệ-tam, thực-sự, đã biết rõ ta không còn buôn-bán về cửa hàng ấy nữa.

C) Quản lý đoạn-mại.— Quản lý đoạn mại nghĩa là trong khế ước quản lý, hai bên đương-sự kèm theo lời cam - kết của chủ-hiệu ưng thuận bán cửa hiệu, nếu người quản-ly muốn mua. Khi nào người quản-ly xử-dụng quyền mua ấy thì việc đoạn-mại hoàn - thành và chỉ việc trả thêm cho chủ hiệu số tiền đã ấn-định trong khế-ước.

Cũng có khi hai bên giao ước rằng trong hạn bao nhiêu lâu đó, người quản-ly đương nhiên thành sở-hữu chủ, đến hạn, người quản-ly không phải bày tỏ ý kiến gì cả và cũng không phải trả thêm tiền : việc quản-ly đương nhiên thành việc đoạn mại. Nhưng tất nhiên, trước khi ấy, hai bên đã làm mật-thư với nhau, và người quản-ly đã trả riêng cho chủ hiệu một món tiền.

Những việc quản-ly làm dưới hai hình thức này phần nhiều có mục-dịch để cho chủ-hiệu trốn nợ và người mua trốn thuế trước-bạ cho nên, án lệ nhiều khi hủy-bỏ những việc đoạn-mại ấy, căn cứ vào điều 6, sắc lệnh ngày 24-11-36 (đối chiếu với điều 7 đạo luật ngày 27-12-1912 của Pháp) nói rằng những khế ước có mục-dịch dẫn-diểm giá bán một cửa hàng thương mại đều vô hiệu; thực ra, như-vậy, chỉ có mật thư là vô hiệu, nhưng án-lệ đã cho là cả khế-ước đoạn-mại cũng vô hiệu vì có một nguyên nhân bất hợp pháp. Trong việc nghiên-cứu cửa hàng thương-mại, chúng ta đã lựa chọn nêu lên những vấn-đề quan-trọng nhất để khảo-sát. Đến đây, chúng ta đã làm xong việc ấy.

Trong khi điều-khiển của hàng, nhà-buôn dĩ-nhiên phải giao dịch với người này người khác, với khách - hàng của mình, với người bán hàng cho mình luôn. Sự giao-dịch ấy làm cho tiền-tài chuyển-dịch từ người này sang người khác. Có khi là tiền mặt, có khi dùng giấy tờ để thay thế. Những chứng-thư thay thế cho tiền bạc ấy là những thương-phieu.

Thương-phiếu có một công-dụng rất quan-trọng trong sự hoạt-động của nhà buôn. Bởi vậy chúng ta phải chú ý đến.

CHƯƠNG THỨ V

Những thương-phieu.

Bộ Thương-Luật-Trung-Phần chỉ nói đến một thứ thương-phieu là hối-phieu và chỉ nói đến có một lần trong điều 7, khi liệt-kê những hành-vi thương-mại.

Rải-rác trong vài ba điều, Bộ Thương Luật Pháp nói đến những thương-phieu, nhưng cũng không cho biết có những thương-phieu gì và định-nghĩa ra sao.

Ta có thể định-nghĩa thương-phieu là một thứ phieu có thể lưu thông mãi-mại được, dùng để xác-nhận cho người cầm phieu một trái-quyền ngắn hạn để khi đến hạn thì đòi. Nói khác đi, thương-phieu là một giấy nợ; người cầm giấy nợ, khi đến hạn ghi trong giấy ấy, có quyền đòi nợ.

Có ba thứ thương-phieu: hối-phieu, lệnh-phieu và chi-phieu. Khởi đầu chỉ có nhà buôn hay dùng những phieu này trong công việc buôn-bán nên cả ba đều gọi là thương-phieu. Nhưng chỉ có hối-phieu là có tính-cách thương-mại tuyệt-đối. Hối-phieu bao giờ cũng là một hành-vi thương-mại, như chúng ta đã biết. Còn lệnh-phieu và chi-phieu có khi là một hành-vi dân-sự, có khi là một hành-vi thương sự tùy theo tư-cách người ký phieu và công-dụng của tấm phieu.

Ở chương này, chúng ta sẽ gặp những danh-từ đặc biệt, hoặc những danh-từ rất thường mà có những ý-nghĩa đặc biệt, cần phải hết sức lưu ý.

TIẾT NHẤT

Hối phieu

Hối-phieu theo sự định-nghĩa thông-thường cổ-diễn, là một tấm phieu dùng để người chủ-tạo (người làm ra phieu) ủy-quyền cho người thụ-tạo trả một món tiền cho một người thứ ba gọi là người thụ-lích.

Giáo-sư Ripert cho sự định-nghĩa trên này là đã lỗi-thời vì một đảng không còn thích-ứng với công-dụng của hối-phiếu trong kinh-tế ngày nay, và một đảng khác phải dùng đến quan-niệm cũ kỹ của sự ủy-quyền. Ông định nghĩa hối-phiếu theo ngay cái mục-dích của nó, ông viết rằng: Hối-phiếu là một tấm-phiếu do người chủ-tạo đưa cho người thụ-ích để người này (hoặc một người khác theo lệnh của người thụ-ích) được quyền đòi người thụ-tạo phải trả một món tiền vào một ngày nhất định. Sự định-nghĩa này có lợi là không cần phải nhờ đến sự ủy-quyền, do đấy, bớt đi một sự khó-khăn, lại cho ta được một ý-niệm rõ ràng về sự luân-chuyển của tấm phiếu: tấm phiếu do người chủ-tạo làm ra; người này giao cho người thụ-ích và người này đưa cho người thụ-tạo để đòi tiền.

§ 1— Những sự tương-quan gây ra hối-phiếu.—

Người chủ-tạo sở dĩ làm ra tờ hối-phiếu đưa cho người thụ-ích thường là vì đã được người này giao cho một tài-vật tương đương, chẳng hạn một số hàng-hóa chưa trả tiền. Vậy chủ-tạo là con nợ của người thụ-ích, làm ra hối-phiếu để trả nợ; hối-phiếu chưa được trả tiền thì người chủ-tạo vẫn là con nợ.

Trong hối-phiếu chủ-tạo yêu cầu người thụ-tạo trả tiền cho người thụ-ích; như vậy tất là người ấy phải có một món tiền dự-trữ trong tay người thụ-tạo. Trong luật thương-phiếu, tiền đó gọi là tiền **dự-kim**. Mặc dầu nguyên-nhân tiền dự-kim đó là gì (hoặc là của người chủ-tạo gửi, hoặc là tiền nợ, hoặc là tiền của người thụ-tạo để sẵn để cho vay) người thụ-tạo cũng có thể coi như con nợ của người chủ-tạo. Người thụ-tạo chỉ trả tiền cho người thụ-ích là cả trái-quyền của người chủ-tạo lẫn trái-quyền của người thụ-ích đều tiêu-diệt, nói khác đi, chỉ có một lần trả tiền mà trang-trải được hai món nợ.

Ba người ở ba nơi cũng bị dằng buộc trong một tấm phiếu cho nên thương-phiếu có tính-cách một hành-vi tam-giác, mà mục-dích là tiêu-diệt hai món nợ khác nhau, bằng một lần trả tiền.

Ở đây người thụ-ích được bảo-đảm rất chắc chắn trong quyền lợi : không những người chủ-tạo phải chịu trách-nhiệm liên-dối với người thụ-tạo, mà người này đối với người thụ-ích đòi tiền, cũng không có quyền nại ra những phương-pháp kháng-biện có thể nại được với người chủ-tạo.

Học-thuyết đã có nhiều xây-dựng để giải-thích tình-trạng ấy nhưng không có kết-quả mỹ-mãn. Chúng ta sẽ không đi sâu vào vấn-đề này vì đó là một vấn-đề hoàn toàn lý-thuyết. Sách nào cũng có nói đến.

§ 2— Điều-kiện hình-thức — Xin nhắc lại rằng một hiệp ước Genève ngày 7-6-1930 đã quy định thể-lệ hối-phiếu và phần lớn những nước tham-dự hội-ng nghị ấy đã ban hành những nội-luật phù-hợp với hiệp-ước. Hiệp-ước Genève được ban-bố ở Việt-Nam do Sắc-lệnh ngày 21-10-36 và Sắc-lệnh này được ban hành do Nghị-định ngày 8-12-1936. Ở Việt-Nam, hối-phiếu được quy-định do Sắc-lệnh ngày 30-10-1935 được áp-dụng theo Sắc-lệnh ngày 18-12-1936; Sắc-lệnh này ban hành do Nghị-định ngày 20-2-1937. Trước đây, Sắc-lệnh ngày 30-10-1935 đã được ban hành một lần do Nghị-định số 6661 ngày 20-12-1935. Nhưng thực ra bấy giờ chưa có Sắc-lệnh ngày 30-10-1935. Chỉ có Sắc-luật cũng ngày tháng ấy; và Sắc-luật này chỉ áp-dụng ở bên Pháp. Mãi về sau mới có Sắc-lệnh ngày 18-12-1936 đem áp-dụng ở Việt-Nam quy-chế ngày 30-10-1935 của thương-phiếu và lệnh phiếu. Cho nên, Nghị-định ngày 20-2-1937 phải ban hành Sắc-lệnh ngày 18-2-1936, và đồng-thời hủy-bỏ nghị-định số 6661 ngày 20-12-1935.

Sắc-lệnh ngày 30-10-1935 đã chép lại nguyên-văn Sắc-luật 30-10-1935. Sắc-luật này sửa đổi Thương-Luật-Pháp từ điều 110 đến 189 và giữ nguyên những số thứ-tự các điều-khoản ấy. Vì thế trong sự biên-khảo dưới đây, chúng tôi dẫn những điều khoản của Thương-Luật-Pháp.

Theo Sắc-lệnh 30-10-1935 kể trên, khi làm một hối-phiếu phải theo những điều-kiện sau này.

a) Phải biên rõ văn-thư tạo ra là một hối-phiếu. Làm hối-

phiếu dùng ngôn-ngữ nào thì danh-từ « hối-phiếu » phải lấy trong ngôn-ngữ ấy. Ở chương II, tiết II, trang 26, chúng tôi đã ghi mẫu một tấm hối-phiếu. Nay xin biên lại.

<i>Huế, ngày 30-4-1957</i>	<i>Số tiền 10.000đ00.</i>
Yêu cầu ông đến ngày 30-7-1957 trả cho ông C...., theo lệnh của ông ấy và nhận hối-phiếu này, số tiền 10.000đ00.—	
Ông B. (người thụ-tạo)	Ông A (người chủ-tạo)
	Ký tên

Ta nhận thấy rằng danh-từ « hối phiếu » được ghi rõ ràng trong bản-văn. Đó là một điều cần thiết và có ích, vì hối-phiếu có một quy-chế, phải biên rõ như vậy để mọi người biết rằng ký vào hối-phiếu thì phải theo quy-chế ấy.

b) Phải ghi sự hối-thúc trả một món tiền nhất-định. Sự hối-thúc có thể viết theo thể-thức nào cũng được, miễn là diễn-đạt được ý-định của người chủ-tạo bảo người thụ-tạo trả tiền. Nhưng sự hối-thúc phải vô điều-kiện, nghĩa là người thụ-tạo chỉ có nhiệm-vụ trả tiền thôi, không thể buộc được vào điều-kiện gì khác. Chỉ có thể buộc người thụ-ích phải xuất tài-liệu mới được lĩnh tiền, đó là hoàn-thư hối-phiếu, hoặc đề-đơn hối-phiếu.

Nếu trong hối-phiếu, số tiền biên bằng chữ số và số tiền biên bằng chữ thường không phù hợp nhau, phải lấy số sau làm bằng. Nếu số tiền được viết nhiều lần bằng chữ số hay bằng chữ thường mà không phù hợp nhau thì lấy số nhỏ nhất làm bằng.

c) Phải ghi tên người thụ-tạo...

d) Phải ghi nơi trả tiền. Thường thường địa-chỉ của người thụ-tạo có ghi bên cạnh tên người ấy. Địa-chỉ ấy sẽ là nơi trả tiền, nếu không có một nơi khác được lựa chọn.

Hối-phiếu có thể chỉ-định một nơi trả tiền không phải là địa-chỉ của người thụ-tạo. Trong trường-hợp ấy, hối-phiếu gọi là hối-phiếu chỉ-định. Hối-phiếu chỉ-định sẽ được trả tiền ở trú-quán một người đệ-tam; người đệ-tam này có thể cũng ở một nơi với người thụ-tạo hay ở một nơi khác: khi người thụ-ích đưa hối-phiếu cho người thụ-tạo để chuẩn

nhận, người này có thể chỉ-định một nơi trả tiền ở trong hối-phiếu. Lát nữa chúng ta sẽ giải thích về sự chuẩn nhận này.

e) Phải ghi kỳ-hạn trả tiền. Điều này cũng bắt buộc nhưng nếu quên không ghi, thì hối-phiếu cũng không vì thế mà vô hiệu; hối-phiếu sẽ coi như một tức-phó hối-phiếu nghĩa là người thụ-ích trình ra lúc nào thì người thụ-tạo phải trả tiền ngay.

Kỳ-hạn trả tiền có thể ghi bằng hai cách: hoặc ghi một ngày nào đó, ví dụ 15 tháng 7 hoặc ghi rằng hạn 3 tháng: ba tháng ấy là sẽ kể từ ngày làm ra hối-phiếu.

Người chủ-tạo khi làm hối-phiếu, cũng có thể định rằng hối-phiếu sẽ được trả tiền ngay khi đưa trình, đó là tức phó hối-phiếu (*traite payable à vue*); hoặc trong một thời-hạn nào đó sau khi xuất trình (*payable à un certain délai de vue*); trong trường-hợp ấy, thời-hạn được ấn-định kể từ ngày người thụ-ích đưa trình hối-phiếu. Trong những trường hợp này, người thụ-ích phải xuất-trình hối-phiếu để đòi tiền trong hạn một năm kể từ ngày làm hối phiếu trừ phi người chủ-tạo đã gia hạn thì không kể.

Thường thường, người ta hay ghi rằng hối-phiếu sẽ trả tiền vào giữa tháng hay cuối tháng nào đó: giữa tháng bao giờ cũng là ngày 15 và cuối tháng bao giờ cũng là ngày cuối cùng trong tháng.

f) Phải ghi tên người có quyền nhận tiền hay có quyền cho phép người khác nhận tiền. Tức là người mà chúng ta đã gọi là người thụ-ích. Nguyên-văn Sắc-luật ngày 30-10-1935 nói rằng: «*le nom de celui auquel ou à l'ordre duquel le paiement doit être fait*». Đoạn trên không có gì khó khăn, chỉ có nghĩa là phải ghi tên người thụ-ích; nhưng đoạn dưới cần phải giải-thích. Người thụ-ích có quyền tự mình lấy tiền cho mình; nhưng nếu người ấy muốn dùng hối-phiếu để trả tiền một người khác thì sẽ viết vào mặt sau hối-phiếu, yêu cầu người thụ-tạo trả tiền cho người này. Đó là cách hối-thự hối-phiếu. Bằng sự hối-thự, người thụ-ích ra lệnh cho người thụ-tạo phải trả tiền cho một người đệ-tam. Nếu trong hối-phiếu không ghi rằng hối-phiếu sẽ có thể trả cho bất cứ người nào do người thụ-ích chỉ-định, thì e rằng

sự chỉ-dịnh không có hiệu-lực, cho nên phải ghi rõ «tên người có quyền nhận tiền hay có quyền cho phép nhận tiền» Điều-khoản ấy, trong luật hối-phiếu, có một tên riêng, gọi là điều-khoản lệnh-hành (tiếng Pháp gọi là clause à ordre.)

Trước khi Sắc-lệnh năm 1935 ban hành, điều-khoản lệnh-hành theo luật thương-mại bỏ buộc phải ghi rõ trong phiếu thì phiếu mới có thể đem hối-thự được. Tại Hội-ng nghị Genève, người ta cho rằng trong phiếu đã có biên rõ là hối-phiếu thì tức là có bao gồm cả điều-khoản lệnh-hành (theo quan niệm của các luật-gia Đức), tức là có thể hối-thự được. Vì thế cho nên, đi theo quan-niệm ấy, Sắc-lệnh ngày 30-10-1935 (điều 117 Thương-Luật Pháp) đã quyết-định rằng: dấu không ghi điều khoản lệnh-hành, hối-phiếu vẫn có thể lưu-hành bằng cách hối-thự.

g) Phải ghi nơi và ngày tháng làm ra hối-phiếu. Thường thường trước khi ký tên, người chủ-tạo ghi nơi và ngày tháng đã làm hối-phiếu. Có thể đóng một con dấu có ghi địa-chỉ của người chủ-tạo cũng được. Cần biết nơi làm hối-phiếu vì hối-phiếu nhiều khi được lưu hành từ nước nọ sang nước kia, do đấy, nếu có sự tranh chấp, có thể xảy ra sự tương tranh luật pháp, nghĩa là phải tìm xem phải áp dụng luật pháp của nước nào để giải quyết sự tranh-chấp ấy. Hiệp-trớc Genève đã tiên-liệu trường-hợp này và định rằng về hình-thức hối-phiếu, về thời-hạn xử dụng những phương pháp tổ-tụng và sự thủ-đắc dự-kim, nếu có sự tương-tranh luật-pháp, phải áp-dụng luật-pháp của nơi làm ra hối-phiếu.

Sự ghi chú ngày tháng làm ra hối-phiếu cũng là một điều bắt buộc. Mục-dích là để ta biết vào ngày tháng ấy, người chủ-tạo đã có đủ năng-lực để làm hối-phiếu ấy không, và để biết tới ngày nào hối-phiếu sẽ đáo-hạn.

Hối-phiếu không cần phải trước-bạ; đối với tất cả mọi người, thời-hiệu ghi trong hối-phiếu đều có giá-trị chắc-chắn. Nếu biên trong hối-phiếu một thời-hiệu đã qua rồi thì bị tội giả-mạo.

h) Phải có chữ ký của người chủ-tạo. Nếu không có chữ

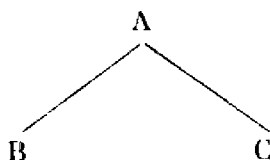
ký của người chủ-tạo, thì hối-phieu vô giá-trị, dẫu rằng chính tay người chủ-tạo đã viết ra hối-phieu.

Nếu chữ ký giả-mạo, cố nhiên hối-phieu cũng vô giá-trị.

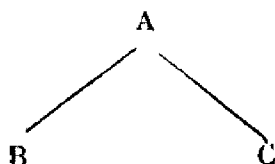
Nếu chủ-tạo làm ra một hối-phieu hợp-lệ, để thất-lạc, rồi có người đem lưu-hành, thì vẫn phải chịu trách-nhiệm đối với những người đã ngay tình nhận hối-phieu ấy.

Thiếu một điểm nào trong những điểm trên này, tờ phiếu làm ra cũng không có giá-trị hối-phieu. Sự giao-dịch giữa hai bên tùy trường-hợp sẽ là một sự giao-dịch dân-sự hay thương-sự, nhưng luật-pháp về hối-phieu sẽ không áp-dụng

§ 3— **Những vai chính trong hối-phieu.**— Như ta đã biết, hối-phieu kết-hợp hai mối tương-quan pháp-lý giữa ba người chủ-tạo, thụ-tạo và thụ-ích. Kỳ-thủy, chỉ có người chủ-tạo giao-dịch với người thụ-tạo và người thụ-ích. Còn giữa hai người này không có liên-lạc gì với nhau cả, như hình vẽ sau đây :



Chỉ có A liên-lạc với B và C giữa B và C không có sự di lại gì cả, cũng như hai địa-diểm ở giữa một quãng đường bị cắt. Nhưng rồi với tấm hối-phieu do A tạo ra, B và C sẽ phải giao-thiệp với nhau; đường giao-thông được nối-liên và chạy tiếp từ B đến C :



Như vậy, trong việc tạo ra hối-phieu, mỗi người A, B, C, đều là một vai quan-trọng. Ta phải nghiên-cứu riêng từng tình-trạng của mỗi người.

A/— Người chủ tạo.

a -- Năng-Lực. Người chủ-tạo làm ra tờ phiếu. Sự tạo-tác ấy làm cho y phải chịu trách-nhiệm. Sắc - lệnh năm 1935.

định rằng y không thể không nhận bảo-đảm việc trả tiền. Nếu y từ chối trách-nhiệm ấy trong hối-phiếu thì hối-phiếu sẽ thành vô giá-trị.

Hối-phiếu là một hành-vi thương-mại cho nên người chủ-tạo phải có đủ tư-cách, năng-lực để làm thương-mại. Vậy một vị-thành-niên chưa được phép làm thương-mại thì không có quyền làm hối-phiếu, nếu đã trót làm thì có quyền xin tiêu-hủy. Người điên bị cấm quyền cũng không làm được một hối-phiếu.

Ở Việt-nam, theo ý chúng tôi, người đàn-bà có chồng, phải được chồng cho phép mới có quyền làm thương-phiếu, trừ phi người ấy đã được chồng cho phép buôn bán rồi mà cần phải làm thương-phiếu vì nhu-cầu buôn-bán của mình.

b— Nguyên-nhân việc làm hối-phiếu của người chủ-tạo. Người chủ-tạo sở dĩ làm ra hối-phiếu là vì có tiện-lợi cho mình. Làm phiếu ấy để trả nợ hoặc là một phương-tiện vay tiền. Nhưng luật-pháp không chú trọng đến nguyên-nhân ấy, cho nên tuy hối-phiếu là một hành-vi thương-mại, mà người không buôn bán cũng có thể tạo ra một hối-phiếu, không cứ vì mục-dịch gì.

Có khi chủ-tạo và thụ-ích cũng là một người. Điều III Thương-Luật cho phép ta tạo ra một hối-phiếu cho chính-ta hưởng-thụ. Về thực-tế, việc tạo phiếu như thế không thấy có ích-lợi gì rõ-rệt chỉ có chi-phiếu thường được làm dưới hình-thức ấy để người làm chi phiếu lấy ra tiền của mình gửi ở Ngân hàng.

Hối-phiếu có thể do một người thụ-ủy làm và ký. Nếu người ký phiếu xét ra không có tư-cách thụ-ủy thì chỉ riêng người ấy phải chịu trách-nhiệm.

Trên đây là trường-hợp người chủ-tạo nhờ một người thay mặt mình mà làm hối-phiếu. Còn có trường-hợp, người chủ-tạo cũng nhờ người khác làm hối-phiếu nhưng người này nhân-danh mình mà làm hối-phiếu: đó là **hối-phiếu thụ-lệnh** (traite tirée pour le compte d'un donneur d'ordre). Ví-dụ: A bán hàng-hóa cho B, chưa lấy tiền; A không muốn tự mình đòi tiền, nhờ một nhà ngân-hàng làm hối-phiếu để đòi họ.

Trường-hợp này nêu lên một vấn-đề phức-tạp. Ví-dụ : sau khi đã trả tiền rồi, B mới thấy rằng mình không nợ gì ai cả, vậy phải phản-tố người nào? Phản-tố nhà ngân-hàng là chủ tạo hối-phiếu hay phản-tố A là người đã « ra lệnh » làm hối-phiếu? Theo điều 115 Thương-Luật Pháp, phải phản-tố lại A vì người chủ-tạo chỉ có trách-nhiệm đối với người cầm phiếu và những người bối-thự thôi.

B/— Người thụ-ích.— a) Nguyên-nhân việc trao hối-phiếu.

Người thụ-ích phần nhiều là chủ nợ người chủ-tạo vì đã bán cho chủ-tạo một số hàng tương-đương với số tiền ghi trong hối-phiếu, hoặc vì một duyên-cớ gì khác. Trước kia hối phiếu phải ghi rõ sự cung-cấp ấy; nay không cần nữa, đó là một nguyên-tắc Dân-Luật: điều 1132 Dân-Luật Pháp, điều 704 Dân-Luật Trung Phần đều nói rằng sự giao-ước vẫn có giá-trị mặc dầu là nguyên-nhân sự giao-ước không nói rõ trong khế-ước.

Tuy nhiên, không phải là cái nguyên-nhân của hối-phiếu không có ảnh hưởng gì đến hiệu lực hối-phiếu. Ta phải lấy một thí-dụ để dẫn giải điểm này. Ví-dụ người thụ-tạo thua bạc làm một hối phiếu để trả nợ cho người được bạc. Hối phiếu đó có thể đem lưu-hành như thường, và những người được bối-thự rất có quyền đòi tiền người thụ-tạo. Nhưng nếu người được bạc trên kia (người thụ-ích đầu tiên) không đòi được tiền người thụ-tạo, quay trở lại phản-tố người chủ-tạo, chừng ấy người này có thể nại rằng hối-phiếu có một nguyên nhân bất hợp pháp và hối phiếu sẽ vô-hiệu. Xem vậy, ta thấy rằng cái nguyên-nhân bất hợp pháp chỉ không làm cho hối-phiếu vô hiệu trong sự giao-dịch của người được bối-thự, cầm phiếu ngay tình với người thụ tạo hay người chủ tạo mà thôi. Trái lại trong sự giao-dịch giữa chủ tạo và người thụ ích đầu tiên, nguyên nhân bất hợp pháp làm cho hối-phiếu không có giá trị gì, không phát sinh được quyền lợi gì cho người thụ ích.

b) Hậu-quả việc trao hối-phiếu. — Người chủ-tạo trao hối-phiếu cho người thụ-ích là để trả nợ. Nhưng không phải cứ trao hối-phiếu xong là đã trả được nợ rồi. Phải đến lúc người thụ-ích đã lấy được tiền của người thụ-tạo bấy giờ chủ tạo mới được coi là đã trả nợ. Do đấy, món nợ, giữa chủ tạo và thụ-ích

vẫn tồn tại; không có sự thay đổi con nợ; không có sự thay thế trái-vụ, của người thụ-tạo vào trái-vụ của người chủ tạo; trái-quyền của người thụ-ích nếu có bảo-đảm gì đặc biệt thì sự bảo-đảm ấy vẫn còn; theo ngôn-ngữ luật-pháp, người ta nói rằng không có sự biến-cải về trái-quyền của người thụ-ích.

Vậy việc nhận hối-phiếu có hậu-quả gì? Trước hết, người thụ-ích nhận hối-phiếu tức là đã bằng lòng cho chủ-tạo chịu lại một thời-gian: thời-gian ấy là kỳ hạn đã ghi trong hối-phiếu. Sau nữa, người thụ-ích phải đòi hỏi người thụ-tạo trước đã, nếu không có hiện quả gì mới quay lại đòi hỏi được người chủ-tạo.

C/ — Người thụ-tạo. —

a. — Tiền dự-kim. — Người thụ-tạo phải là một người có thực. Người này phải nợ chủ-tạo một số tiền tương-dương với số tiền ghi trong hối-phiếu. Chữ «nợ» đây phải hiểu theo nghĩa rộng, không bó buộc phải là đã vay của chủ-tạo mới là nợ. Nợ đây nghĩa là người thụ-tạo có một món tiền mà chủ-tạo được quyền xữ-dụng. Như một nhà ngân-hàng bằng lòng mở một ngân-mục đến số tiền 500.000\$-chẳng hạn, để người chủ-tạo tùy tiện xữ-dụng, cũng coi là có nợ người chủ-tạo.

Số tiền tương-dương với hối-phiếu ấy, như ta đã biết, gọi là tiền dự-kim.

Tiền dự-kim này không cần phải có ngay lúc làm hối-phiếu. Điều cần thiết là khi đến hạn phải trả tiền, người chủ tạo có tiền dự-kim trong tay người thụ-tạo. Nghĩa là khi làm hối-phiếu không cần đã có sự tương-quan giữa chủ tạo và thụ tạo rồi. Sự tương-quan ấy có thể sau mới xảy ra làm cho khi hối-phiếu đáo-hạn, người chủ-tạo có một trái quyền đối với người thụ tạo. Chỉ trong trường-hợp hối-phiếu là một tức-phó hối-phiếu thì chủ-tạo mới phải có dự-kim rồi.

Nếu đến hạn mà chủ-tạo không có dự-kim hoặc có dự kim mà người thụ-tạo không chịu trả, trong mọi ức thuyết, người chủ tạo vẫn phải chịu trách-nhiệm.

Có một trường-hợp phức-tạp về vấn-đề dự-kim là trường-hợp người chủ-tạo bị khánh-tận. Khi một nhà buôn bị khánh-tận, thì không chủ nợ nào được riêng rẽ lấy nợ cả. Tất cả trái-quyền của nhà-buôn đều do quản-tài viên (do Tòa cử) thu lại để phân-phát cho các chủ nợ. Vậy tiền dự-kim kia, vốn là một trái-quyền của chủ-tạo đối với thụ-tạo, phải do quản-tài viên thu về hay riêng người thụ-ích được hưởng?

Điều 116 § 3 Thương-Luật Pháp định rằng quyền sở-hữu tiền dự-kim đương-nhiên lưu chuyển cho những người liên-tiếp cầm hối-phiếu (tức là những người kế-tiếp thụ-ích tất cả hối-phiếu). Điều luật ấy là kết-quả một sự tranh-luận lý-thuyết về tiền dự-kim — mà chúng tôi không nhắc lại ở đây làm gì — Ta chỉ cần biết rằng điều luật trên này — theo sự giải-thích của giáo sư Ripert mà chúng tôi cho là xác lý — đã được biên-chế một cách hồ-đồ và chúng ta không thể theo văn-tự mà giải-thích. Trước hết, tiền dự-kim đây tiêu biểu một món nợ; cái quyền của chủ-tạo là một trái-quyền, không phải quyền sở-hữu. Sau nữa, khi hối-phiếu đem bồi-thự thì rất có thể là tiền dự-kim chưa có, vậy thì cũng không nói được là ai có quyền sở-hữu cả. Chính nghĩa điều 116 § 3 như sau này: Tiền dự-kim thuộc quyền duy nhất của người thụ-ích cuối cùng cầm hối-phiếu. Tức là người ấy có toàn quyền hưởng số tiền ấy mặc dù người chủ-tạo đã phá-sản; Quản-tài viên không có quyền thu về để phân-phát cho các chủ nợ khác (Civ. 18.1.37. § 1937.1.89).

b. — Hối-phiếu trá-tạo. — Trong hối-phiếu này, người thụ-tạo không công nợ gì người chủ-tạo, nhưng bằng lòng nhận làm thụ-tạo. Nhận như vậy, người thụ-tạo nhận trách-nhiệm trả tiền hối-phiếu nếu đến hạn người thụ-ích xuất trình hối-phiếu để đòi tiền. Đây là một phương-sách bất-hợp-pháp nhưng các nhà buôn thường dùng để giữ tín-nhiệm trong những lúc tình-hình nguy ngập. Nhà buôn sau khi làm hối-phiếu ấy rồi, đem ra một nhà ngân hàng để chiết-khấu. Ngân hàng giữ hối-phiếu, trao tiền cho nhà buôn sau khi trừ số tiền lãi. Như vậy, nhà buôn có tiền dùng vào việc buôn bán của mình trong khi cần kíp, còn hối-phiếu kia, đợi gần đến ngày đáo hạn sẽ xoay-xở chuộc ra sau.

Hành-vi này rõ ràng là thiếu thảnh-thực ngay thẳng, vậy hối-phiếu có giá-trị hay không?

Đối với những người đệ-tam ngay tình cầm hối-phiếu thì hối-phiếu vẫn phát-sinh hậu-quả, nghĩa là người thụ-ích vẫn được hưởng quyền-lợi như thường-lệ.

Giữa người chủ-tạo và người thụ-tạo, vấn-đề ấy phức-tạp hơn. Nếu chúng ta cho rằng làm hối-phiếu cần phải có dự-kim, thì hối-phiếu vô-hiệu vì không có dự-kim. Chủ-trương này được một phần học-thuyết tán thành. Nhưng sắc-luật ngày 30-10-1935 không bó buộc như thế, vậy thì việc không có dự-kim có lẽ không phải là một lý-do đầy đủ làm cho hối-phiếu vô-hiệu; có lẽ phải tìm đến nguyên-nhân của hối-phiếu mới quyết định được. Chẳng hạn như trong thí-dụ trên này, chủ-tạo đã làm hối-phiếu để xoay vốn buôn-bán một cách gian-trá, như vậy thì hối-phiếu mới vô-hiệu (Ripert N^o 1787).

Nếu như hối-phiếu bị coi là vô-hiệu thì người cầm hối-phiếu ngay tình vẫn được hưởng quyền-lợi của mình, như trên đã nói. Tất cả những người đã ký vào phiếu đều có trách-nhiệm đối với người này. Sự ngay tình đây chỉ là sự chấp-hữu hối-phiếu một cách hợp-lệ, nghĩa là hối-phiếu đã đến tay người ấy theo sự lưu-hành thông-thường dẫu người đệ-tam đã biết rằng hối-phiếu là một hối-phiếu trá-tạo cũng không sao, chỉ cần y không có tham-dự vào sự trá-tạo ấy.

Còn người thụ-tạo, người này không có nhiệm-vụ gì cả, đối với người chủ-tạo cũng như đối với người cầm phiếu gian-tinh. Nếu đã trót trả tiền, cũng không phản-tố lại được người chủ-tạo, nhưng án lệ về vấn đề này chưa nhất định, cũng có khi Tòa cho phép người thụ-tạo phản-tố người chủ-tạo vì không lẽ để cho người này hư không được hưởng lợi.

c. — Chuẩn nhận hối-phiếu. Người thụ-ích muốn chắc-chắn sẽ được trả tiền khi hối-phiếu đáo-hạn, có thể đem hối-phiếu đến đề người thụ-tạo chuẩn nhận. Một khi đã chuẩn nhận tức là người thụ-tạo nhận rằng có nợ.

Nếu người thụ-tạo ký vào mặt trước tờ hối-phiếu thì chữ ký ấy có nghĩa là y đã chuẩn nhận. Nếu ký vào mặt sau tờ hối-phiếu thì phải ghi thêm chữ « chuẩn nhận » vì mặt sau tờ phiếu là để dành cho những người bối-thự.

Muốn chuẩn nhận hối-phiếu phải có đủ năng-lực tư-cách làm thương-mại, vì đó là một hành-vi thương-mại.

Sự chuẩn nhận phải vô điều-kiện, nhưng có thể chỉ-nhận một phần thôi, trong trường-hợp ấy người thụ-tạo phải ghi rõ số tiền được chuẩn-nhận là bao nhiêu.

Sau khi đã xác nhận, người thụ-tạo thành ra một con nợ, mà là một con nợ theo luật-lệ thương-mại. Điều này có sự quan-hệ của nó, vì theo luật thương-mại những người bị nợ vì hối-phiếu không được hưởng ân-hạn (Điều 182 đoạn cuối).

Người thụ-tạo không bỏ buộc phải chuẩn nhận tờ hối-phiếu, trừ trường-hợp người ấy là nhà-buôn và đã buôn hàng-hóa của người chủ-tạo (điều 124 Thương-Luật theo biên-chế Sắc-Luật ngày 2-5-1938); trong trường-hợp ấy nếu người thụ-tạo không chịu xác-nhận, người chủ-tạo có quyền đòi tiền hàng của mình ngay, mặc dầu trước kia đã ưng-thuận cho chịu một thời-hạn. Theo điều 124§3, khi làm phiếu người chủ-tạo có thể định rằng cấm không được trình phiếu cho người thụ-tạo để chuẩn-nhận trừ những trường hợp đã nói trong điều ấy. Hối-phiếu này tiếng Pháp gọi là *traite non acceptable*.

§ 4— Sự bảo-lĩnh hối-phiếu. (điều 130)

Hối-phiếu có thể do một người đệ-tam bảo-lĩnh. Sự bảo-lĩnh có mục-dịch làm cho người thụ-lịch tin rằng tới kỳ-hạn, hối-phiếu sẽ được trả tiền. Trong tiếng Pháp người bảo-lĩnh gọi là *donneur d'aval*.

A / — Hình-thức. — Người bảo-lĩnh chỉ việc ký vào mặt trước tờ hối-phiếu là đủ, vì chữ ký ở mặt trước của một người không phải là chủ-tạo hay thụ-tạo có nghĩa là người ấy nhận bảo-lĩnh. Nhưng nếu ký ở mặt sau thì phải biên mấy chữ « *Bon pour aval* » (nhận bảo-lĩnh).

Khi bảo-lĩnh phải biên rõ bảo-lĩnh cho người nào; nếu không biên gì thì coi là mình bảo-lĩnh cho người chủ-tạo. Nhưng đây chỉ là một điểm phỏng-đoán, có thể dẫn chứng cơ để tỏ rằng chính người thụ-tạo được bảo-lĩnh (Paris 3, 11-1952. D.53.Som.22).

Cũng có thể làm một chứng-thư riêng để nhận sự bảo-lĩnh trong trường-hợp ấy phải biên rõ bảo-lĩnh những hối-phiếu

nào, số tiền là bao nhiêu, nếu không thì sự bảo-lĩnh không có tính cách một hành-vi thương-mại.

B/ — Hậu-quả. Người bảo-lĩnh phải chịu trách-nhiệm về việc trả tiền hối-phiếu, dầu sự cam-kết mà mình bảo-lĩnh vô hiệu cũng vậy, chỉ trừ trường-hợp hối-phiếu vô-hiệu về hình thức.

Cũng như mọi người bảo-lĩnh khác, người bảo-lĩnh hối-phiếu sau khi trả tiền, có quyền phân-tổ lại người được bảo-lĩnh và tất cả những người nào, theo luật-lệ hối-phiếu, có trách-nhiệm đối với người này.

§ 5— Bối-thự hối-phiếu. (điều 117 — 123)

A — Hình-thức. — Bối-thự hối-phiếu là phương pháp đem lưu-hành hối-phiếu. Người thụ-ích biên vào mặt sau (vì thế gọi là bối-thự) tờ hối-phiếu mấy chữ «chuyển-thự cho Ô. X..., đề tùy lệnh ông này», rồi ký tên. Người thụ-chuyển lại có thể bối-thự cho một người khác, và cứ như thế, hối-phiếu được lưu-hành mãi. Trong tiếng Pháp, người bối-thự gọi là endosseur người thụ-chuyển thường được gọi là endossataire (điều 117.)

Bối-thự không cần phải ghi ngày tháng. Đã đành nếu ghi ngày tháng bối-thự, thì việc chuyển-thự được đích-xác hơn, nhưng luật-pháp không bó-buộc.

Nhưng nếu đã biên ngày tháng thì phải ghi đúng ngày tháng bối-thự, nếu biên một ngày đã qua rồi thì bị tội giả-mạo. Đã bối-thự thì phải chuyển-thự toàn thể hối-phiếu, không được chuyển-thự một phần; nếu không, sự bối-thự sẽ vô hiệu; cũng không được bối-thự có điều-kiện, nhưng sự bối-thự có điều-kiện không vô-hiệu, chỉ có điều-kiện bị coi là không có (điều 117.).—

Sự lưu-hành theo cách bối-thự như trên, có thể làm cho ta tưởng rằng hối-phiếu là một chứng-khoán vô ký-danh. Sự thực không phải thế. Không phải cứ người nào cầm hối-phiếu là có quyền lãnh tiền; người ấy phải có tên trong sổ những người đã được bối-thự liên tiếp. Xem một hối-phiếu, nếu thấy những sự bối-thự, cái nọ liên-tiếp với cái kia thì biết là người cầm phiếu có quyền-lợi chính-dáng. Ví-dụ người thụ-ích B chuyển-thự cho C; C chuyển cho D

D chuyển cho E thì E là người cầm phiếu hợp-lệ. Nếu sự chuyển-thụ bị đứt quãng, ví-dụ không thấy C có chuyển cho D, mà phiếu lại đến tay E (do D chuyển thụ) thì những sự chuyển thụ không có tính-cách liên-tiếp, tỏ ra rằng C đã đánh thất lạc hay bị lấy cắp tờ hối-phiếu.

Mỗi lần hối-thụ, nhà buôn ký tên và đóng dấu của mình vào hối-phiếu; nhờ thế biết rõ những người nào đã liên-tiếp hối thụ. Cần phải biết rõ vì tất cả đều có trách-nhiệm liên đới về việc trả tiền hối-phiếu.

Có thể hối-thụ cho người chủ-tạo, cũng như có thể hối-thụ cho một người đã được chuyển-thụ trước, không có gì ngăn-cản cả.

Theo điều 123 thương-Luật Pháp, sau khi hạn trả tiền đã qua, người cầm phiếu vẫn có thể đem hối-thụ; nhưng nếu người ấy đã đòi tiền không được và đã phản-kháng (ta sẽ nghiên-cứu sự phản-kháng này sau) thì việc hối-thụ chỉ có tính-cách một việc di-nhượng trái-quyền theo Dân-Luật (xem số C ở dưới này).

Người hối-thụ có thể cấm người thụ-chuyển đem lưu-hành hối-phiếu điều 119 § 2. Nhưng nếu người thụ-chuyển cứ đem hối-phiếu lưu-hành, nghĩa là lại hối-thụ cho một người khác thì việc hối-thụ vẫn có giá-trị, chỉ không có hiệu-lực đối-kháng riêng với người hối-thụ trước thôi (xem C đoạn cuối).

Nhưng có thể là hối-phiếu bị cấm hối-thụ. Ấy là trường-hợp trong hối-phiếu có ghi khoản « vô-lệnh », tiếng Pháp gọi là Clause non à Ordre. Chúng ta biết rằng khi làm hối-phiếu, người chủ-tạo phải ghi tên người thụ-ích và dành quyền cho người này chỉ-định một người khác thụ-hưởng tờ hối-phiếu. Đó là điều-khoản lệnh-hành mà chúng ta đã biết. Trường-hợp chúng ta đang nghiên-cứu đây là trường-hợp trái lại. Trong hối-phiếu, sẽ ghi rằng hối-phiếu chỉ giả cho người thụ-ích mà thôi, người này không có quyền « ra lệnh » phải trả cho người khác. Như vậy, hối-phiếu sẽ không hối-thụ được. Theo điều 117 § 2 Thương-Luật-Pháp, chỉ có thể đem di-nhượng, theo thể-thức Dân-Luật, nghĩa là phải thông-đạt cho người thụ-tạo biết.

B— Hậu-quả.— Bối-thư là một phương-pháp để lưu-hành hối-phiếu cho nên cái hậu-quả của sự bối-thư là đem tờ hối-phiếu di-chuyển từ tay người này sang tay người kia tức là thay thế người thụ-ích này bằng một người thụ-ích khác sự thay thế ấy tất phải có một duyên-cớ nhưng không cần phải nói đến lúc làm bối-thư. Người thụ-chuyển (tức là người thụ-ích mới) được hưởng những quyền-lợi của tờ hối-phiếu, được quyền đòi tiền người thụ-tạo.

Trên kia ta đã biết rằng người thụ-chuyển phải là một trong những người đã được chuyển-thu liên-liếp. Ta đã biết rằng không những người ấy phải có tên trong sổ những người được chuyển-thu, mà những sự chuyển-thu ấy lại còn phải nối-liên cái nợ với cái kia như một sợi giây xích, không chỗ nào được đứt quãng. Vì rằng nếu có sự đứt quãng tức là một trong những người thụ-ích trước đã bị thất-lạc hay lấy cắp tờ hối-phiếu.

Tuy nhiên, nếu lúc được chuyển-thu, người thụ-ích sau cùng ngay tình không biết rằng hối-phiếu đã bị thất-lạc hay bị lấy cắp thì vẫn được hưởng quyền-lợi, không phải trả lại tờ hối-phiếu.

C— Trách-nhiệm liên-dời của những người bối-thư.— Việc bối-thư có mục-dịch thay đổi người thụ-ích tờ hối-phiếu. Nói một cách nôm-na, việc ấy có tính-cách một việc gán nợ, cũng như việc di-nhượng trái-quyền trong Dân-Luật. Nhưng, trong việc di-nhượng trái-quyền, người chủ nợ chỉ bảo-đảm cho người thụ-nhượng rằng món nợ có thực. Còn việc con nợ, có gia-sản, liệu có trả nợ được hay không, người chủ nợ không biết đến, đó là một sự bấp-bênh may rủi mà người thụ-nhượng phải chịu.

Trái lại, trong việc bối-thư hối-phiếu, người bối-thư có trách-nhiệm bảo-đảm với người thụ-chuyển rằng người thụ-tạo sẽ trả nợ. Sự bảo-đảm ấy không phải chỉ riêng rẽ cho mỗi người bối-thư riêng với người thụ-chuyển của mình. Sự bảo-đảm ấy rộng-rãi, bao gồm tất cả những người đã lần lượt bối-thư tờ hối-phiếu: tất cả những người ấy đều phải liên đới chịu trách nhiệm với người cầm phiếu thụ-ích cuối cùng. Tuy nhiên sự liên-dời ở đây không phải

là một sự liên-đối hoàn-toàn. Trong sự liên-đối hoàn-toàn' chủ nợ chỉ cần kiện một con nợ là đủ ngăn-cản được tổ-quyền khỏi bị tiêu-diệt thời-hiệu đối với tất cả các con nợ khác; và tất cả các con nợ có thể phải trả tiền lãi từ ngày khởi kiện; trái-lại, ở đây, muốn đạt hai mục-dịch ấy, người thụ-ích cuối cùng phải kiện tất cả các người đã bồi-thự; dĩ-nhiên là nếu khi kiện, tổ-quyền đã bị thời-tiêu đối với người bồi-thự nào rồi, thì sự thời-tiêu vẫn là thủ-đắc cho người bồi-thự ấy. Ví-dụ người thụ-ích kiện năm người bồi-thự là A, B, C, D, E; nếu đối với A, B tổ-quyền đã bị thời-tiêu thì A, B có quyền nại sự thời-tiêu ấy, chỉ còn C, D, E phải chịu trách-nhiệm. Những người bồi-thự bị kiện như vậy có quyền phản-tố lại người chủ-tạo, người thụ-tạo; và, mỗi người bồi-thự lại còn có quyền phản-tố lại những người bồi-thự trước đã di-chuyển cho mình tờ hối-phiếu.

So sánh người chủ-tạo với người bồi-thự thì trách-nhiệm người chủ-tạo nặng hơn; người này đã tạo ra hối-phiếu cho nên bao giờ cũng phải chịu trách-nhiệm. Còn người bồi-thự có thể giao-ước với người chuyển-thụ của mình rằng sẽ không bảo-đảm là hối-phiếu sẽ được trả tiền, hoặc chỉ bảo-đảm riêng cho người thụ-chuyển của mình mà không bảo-đảm cho những người thụ-chuyển về sau: đó là điều-khoản cấm-bồi-thự, mà chúng ta đã có nói đến.

D— Sự bất-đối-kháng . hững phương-pháp kháng-biện. Bất-đối-kháng ở đây là bất-đối-kháng với người thụ-ích cuối cùng, người cầm phiếu cuối cùng. Theo lệ-thường thì khi ta di-chuyển một quyền-lợi gì cho một người khác, người này chỉ được hưởng cái quyền-lợi ấy như ta mà thôi, nghĩa là không nhiều hơn, không rộng hơn được. Việc ấy rất dễ hiểu, vì ta không thể nhượng được cái gì mà ta không có. Ví-dụ, A là chủ nợ B, đem trái-quyền ấy di-nhượng cho C. Nhưng trái-quyền vô-hiệu, chẳng hạn là vì là nợ cờ bạc. Trái-quyền vô-hiệu đối với A, thì cũng vô-hiệu đối với C là người thụ-quyền của A, và C sẽ không đòi được B phải trả nợ. Nhưng luật-hối-phiếu đi ngược lại nguyên-tắc ấy. Điều 121 Thương-Luật-Pháp định rằng người thụ-tạo không có quyền đem đối-kháng với người thụ-

ích cầm phiếu cuối cùng, những phương-pháp kháng-biện chỉ có thể đối-kháng riêng với người chủ-tạo, hay những người thụ-ích trước. Điều-kiện cốt-yếu là người cầm phiếu phải ngay tình. Ngay tình đây không phải là không biết rằng hối-phiếu có thể bị kháng-biện. Biết như vậy mà cứ nhận phiếu vẫn là ngay tình. Người cầm phiếu chỉ có thể bị coi là gian-tình, bị mất quyền-lợi nếu đã thông-dồng gian-trá với người hối-thư cho mình. Chẳng hạn biết rằng người hối-thư cho mình, đã gian-đoạt tấm phiếu của người chủ-tạo. Hơn nữa sự gian-trá phải có ngay lúc hai bên hối-thư cho nhau. Nếu chỉ về sau người thụ-chuyển mới biết sự gian-trá của người hối-thư thì không quan-hệ.

Trên kia ta đã nói rằng những phương-pháp kháng-biện có thể đối-kháng riêng với người thụ-tạo và những người thụ-ích trước không đem đối-kháng được với người thụ-ích sau cùng. Như vậy có nghĩa là có những phương-pháp, không riêng biệt đối với người thụ-tạo và những người thụ-ích trước, và những phương-pháp này có thể kháng-biện với người thụ-ích sau cùng.

Thế nào là những phương-pháp kháng-biện riêng biệt? Do những lý-do làm cho sự giao-dịch giữa người thụ-tạo với người chủ-tạo (hoặc một người thụ-ích trước) thành ra vô-hiệu, khiến cho những người này không thể đòi được người thụ-tạo phải trả tiền hối-phiếu. Chúng ta đã dẫn một thí-dụ mà trái-quyền của người chủ-tạo vô hiệu, vì nguyên nhân bất-hợp-pháp vì là nợ cờ bạc: Người thụ-tạo sẽ không viện dẫn được lý-do ấy để từ chối không trả tiền cho người thụ-ích. Tình trạng của người thụ-tạo cũng không hơn gì nếu trái-quyền của người chủ-tạo đã bị khấu-trừ (nghĩa là hai bên đều có nợ nhau và hai món nợ ngược chiều ấy đã khấu-trừ món nợ vào món kia), hay là khế-ước giữa chủ-tạo và thụ-tạo đã bị tiêu-hủy làm cho người này không còn công-nợ gì chủ-tạo nữa.

Thế nào là những phương-pháp kháng-biện không riêng biệt? Quyền-lợi của người thụ-ích là ở tờ hối-phiếu, do tờ hối-phiếu phát-sinh cho nên nếu chính hối-phiếu vô hiệu, thì người thụ-tạo có thể nại sự vô-hiệu ấy chống lại người thụ-ích

Chúng ta đã biết rằng làm hối-phieu phải ghi những chi-tiết gì. Thiếu những chi-tiết mà luật-pháp bắt buộc phải ghi thì tờ hối-phieu vô-hiệu và không mang lại cho người thụ-ích quyền-lợi gì cả, cho nên người thụ-tạo có quyền-nại sự vô-hiệu ấy. Ngoài những sự khuyết-diểm về hình thức-còn có những khuyết-diểm về nội-dung. Những khuyết-diểm này, nếu có hiệu-lực làm cho hối-phieu vô giá-trị, thì cũng có thể đối-kháng với người cầm phieu, vì tấm phieu đã vô-giá-trị thì người cầm phieu không khác gì người cầm tờ giấy bạc giả. Ví-dụ, người thụ-tạo đã xác-nhận hối-phieu mà không có đủ tư-cách, năng-lực để xác-nhận thì có thể nại sự vô tư-cách chống với người cầm phieu. Người diên cũng vậy, vì sự ưng thuận của người diên không có giá-trị.

Về những hối-phieu trá-tạo, chúng ta biết rằng những hối-phieu này không có một nguyên-nhân xác-thực. Chúng ta cũng biết rằng theo những nguyên-tắc luật Dân-sự, thì những sự cam-kết không có nguyên-nhân, hay nguyên-nhân bất-hợp-pháp đều vô-hiệu. Vậy những hối-phieu trá-tạo phải coi là hữu-hiệu hay vô-hiệu? Vấn-đề này ta đã nghiên-cứu rồi (trang 92), nay không cần phải trở lại.

§ 6— Sự bồi-thự bất chuyển-quyền.

Sự bồi-thự mà ta vừa nghiên-cứu ở trên có mục-dịch lưu-hành tờ hối-phieu, di-chuyển trái-quyền từ người này sang người khác. Ngoài ra theo điều 122 Thương-luật Pháp người ta còn có thể bồi-thự hối-phieu mà vẫn làm chủ hối-phieu, không di-nhượng cho người được bồi-thự. Đó là trường-hợp bồi-thự ủy-quyền và bồi-thự cầm-cổ. Trong trường-hợp thứ nhất, người được bồi-thự chỉ là một người thụ-ủy của người thụ-ích, có nhiệm-vụ nhận món tiền trong hối-phieu. Vì là người thụ-ủy cho nên người cầm phieu không có quyền bồi-thự hối-phieu (chỉ có thể bồi-thự ủy-quyền cho người khác) và nguyên-tắc « bất đối-kháng những phương-pháp kháng biện » (xem số D § 5) không áp-dụng cho người thụ-ủy. Trong trường-hợp thứ-nhì, người thụ-ích đem cầm hối-phieu cho một người đệ-tam. Người này có thể sử-hành mọi quyền-lợi của người thụ-ích, có quyền đòi nợ khi đáo-hạn, nhưng không có quyền xử-dụng tấm hối-phieu, không bồi-thự được;

nếu đem bồi-thự, chỉ coi là một việc bồi-thự ủy-quyền. Còn về các phương-pháp kháng-biên của người thụ-tạo, thì nguyên tắc «bất đối-kháng» được áp-dụng ở đây.

§ 7—Việc trả tiền hối-phiếu, (điều 135 — 146)

Việc trả tiền là giai đoạn cuối cùng trong hành-trình lưu thông của một tờ hối-phiếu. Việc trả tiền ấy tiêu-diệt trái-quyền của người thụ-ích, và, luôn thể, tiêu-hủy tờ hối-phiếu.

A) -- Xuất-trình hối-phiếu.— Khi đến hạn, người thụ-ích mới có quyền đòi tiền. Chúng ta đã biết cách - thức tính kỳ-hạn cho một tờ hối-phiếu vì đã nói rõ trong đoạn dành cho những điều-kiện về hình-thức.

Đến hạn, không những người thụ-ích có quyền đòi nợ mà còn có bản-phận xuất-trình tờ hối-phiếu để đòi nợ nữa. Theo luật Dân-sự, người chủ nợ có quyền đòi nợ hay không tùy ý, nhưng về luật Thương-sự người cầm hối-phiếu bỏ buộc phải trình hối-phiếu để đòi nợ. Là vì một đảng người thụ-tạo có thể đã sửa soạn để trả nợ, vào ngày ấy, có thể là quá hạn người ấy đã phải dùng món tiền vào việc khác mất rồi. Và một đảng khác, tất cả những người ký tên trong hối-phiếu đều có trách-nhiệm liên-đới, nếu chậm đưa phiếu có thể làm cho trách-nhiệm của họ phải bị điều-động.

Hối-phiếu phải xuất-trình chậm lắm là hai ngày sau khi đã đáo hạn. Nên nhớ rằng trước ngày ấy, người thụ-ích không có quyền đòi tiền mà người thụ-tạo cũng không có quyền trả, vì kỳ-hạn trong hối-phiếu phải coi là có lợi cho cả hai bên chủ nợ và con nợ. Điều 137 Thương-luật Pháp nói rằng nếu người thụ-tạo trả tiền trước kỳ-hạn thì phải chịu lấy mọi sự rủi ro có thể xảy đến. Tuy nhiên, trong hối-phiếu có thể ước định cho người thụ-tạo trả trước kỳ-hạn, sau khi đã chiết khấu đi số tiền lãi tương-đương.

Gặp trường-hợp bất đắc dĩ không xuất-trình được hối-phiếu trong hạn luật định, người cầm phiếu phải báo cho người đã bồi-thự cho mình biết và phải ghi việc cáo-tri ấy vào hối-phiếu. Nếu tình trạng ấy kéo dài quá 30 ngày thì hối-phiếu coi như không được trả tiền và có thể xử-dụng

những phương-pháp tổ-tụng. Trường-hợp bất đắc dĩ đây, trong luật gọi là những trường-hợp bất-khả-kháng, nghĩa là phải có sự cản trở không thể biết trước được và không thể vượt qua được. Sự đình-công của nhân-viên các ngân-hàng được coi là một trường-hợp bất-khả-kháng.

Nếu hạn-hạn của tờ hối-phiếu nhằm vào một ngày chủ-nhật hay một ngày lễ thì hạn-hạn ấy sẽ lui lại ngày hôm sau.

B) — Trả tiền hối-phiếu.

1) Khi người thụ-ích xuất-trình hối-phiếu thì người thụ-tạo phải trả tiền, không được hạn-hạn nào hết, vì trong việc thương-mại, cần phải lấy nhanh-chóng và tín-nhiệm làm đầu. Một người đệ-tam, một trong những người bồi-thự có thể đứng ra trả tiền thay cho người thụ-tạo, và người thụ-ích phải nhận.

Người thụ-tạo phải kiểm-soát xem người trình phiếu có phải là một người cầm phiếu chính-đáng không, nghĩa là phải xét xem các việc bồi-thự có liên-tiếp không. Người đệ-tam không thể ngăn cản được việc trả tiền ấy; các chủ nợ của người thụ-ích không có quyền làm sai-láp trong tay người thụ-tạo. Chỉ có hai trường-hợp sự trả tiền có thể bị ngăn cản:

1) Người cầm phiếu bị phá-sản; sự phá-sản làm cho người cầm phiếu mất quyền lấy nợ, cho nên quản-tài viên của sự phá-sản có quyền ngăn-cản người thụ-tạo trả tiền cho người cầm phiếu.

2) Tờ hối-phiếu bị thất lạc hay bị lấy cắp; người thụ-ích có quyền ngăn cản người thụ-tạo trả tiền cho người nào xuất-trình tờ phiếu đã bị thất lạc hay lấy cắp. Đó chỉ mới là một phương pháp phòng bị. Muốn lấy được nợ, người thụ-ích phải bày tỏ chứng-cớ xin một mệnh-lệnh của ông Chánh-án cho phép lĩnh tiền (nhưng phải bảo-đảm trong 3 năm); hoặc cũng có thể xin người bồi-thự cho mình làm cho một hối-phiếu khác, người bồi-thự sau cũng phải xin những người trước bồi-thự lại. Để đề-phòng những sự bất-tiện ấy, hối-phiếu được phép làm thành nhiều bản (điều 141 Thương-luật Pháp); nhưng nếu bản thất-lạc là bản đã

được người thụ-tạo chuẩn nhận thì muốn được lĩnh tiền phải có mệnh lệnh của ông Chánh án cho phép (điều 143).

Trong hối-phiếu ghi số tiền bao nhiêu thì người thụ-tạo phải trả ngần ấy. Theo luật Dân-sự, người chủ nợ có quyền bắt con nợ phải trả cả món nợ một lúc, trừ trường hợp con nợ được Tòa cho ân-hạn. Theo luật Thương-sự, người thụ-tạo, về nguyên-tắc không được xin Tòa cho ân-hạn, nhưng nếu người ấy chỉ trả được một phần nợ thì người thụ-ích cũng phải nhận. Lý-do là vì người ấy trả được ngần nào thì các người chủ-tạo và hối-thự bớt được trách-nhiệm đi ngần ấy; sau nữa, món tiền dù lớn hay nhỏ, người thụ-ích cũng dùng được dễ dàng trong việc thương-mại.

Trả tiền ở đâu thì phải dùng tiền được lưu-hành ở đấy; nếu hối phiếu ghi một số tiền ngoại-tệ thì phải tính ra nội-tệ mà trả, theo thời-giá vào ngày đã được chỉ - định; nếu không chỉ-định thời-giá ngày nào, thì tính theo thời-giá nhật-bạn tờ hối-phiếu.

3-) Phản-kháng việc người thụ-tạo không trả tiền, hay không xác nhận hối-phiếu. — (điều 148 — 150.)

a. — Trường-hợp phải phản-kháng. — Khi người thụ-ích xuất-trình hối-phiếu để người thụ-tạo chuẩn nhận hay trả tiền mà người này không chịu thì người thụ-ích phải làm giấy tờ phản-kháng. Vậy thì có hai thứ phản-kháng, phản-kháng vì không chuẩn nhận và phản-kháng vì không trả tiền.

Người thụ-ích không bó buộc phải đưa trình hối-phiếu để người thụ-tạo chuẩn-nhận, trừ phi trong hối-phiếu có nói rõ ràng như vậy, — nhưng nếu đã đưa hối-phiếu mà người thụ-tạo không chuẩn-nhận thì người thụ-ích bó buộc phải làm tờ phản-kháng. Nếu đã phản-kháng việc không chuẩn-nhận rồi thì sau này không cần phải đưa hối-phiếu để đòi tiền nữa, tức là không cần phải làm tờ phản-kháng vì người thụ-tạo không chịu trả tiền.

Khi người thụ-ích trình hối-phiếu đòi tiền mà người thụ-tạo không chịu trả thì bó buộc phải làm tờ phản-kháng. Chỉ có hai trường-hợp được miễn phản-kháng:

1) — Khi người thụ-tạo đã bị tuyên án phá-sản; không

cần phải phản-kháng vì người phá-sản không được phép trả nợ cho ai nữa cả; —

2) — Khi người chủ-tạo đã bị tuyên án phá-sản mà hối-phiếu là một hối-phiếu không được phép đưa trình đề chuẩn-nhận. Chính ra, tình-trạng phá-sản của người chủ-tạo không có liên-can gì đến người thụ-tạo và người thụ-ích. Người nợ vẫn phải trả nợ người kia, vậy thì người thụ-ích vẫn phải trình hối-phiếu đề đòi nợ và phải làm tờ phản-kháng nếu không được toại-nguyện. Nhưng trong trường-hợp mà hối-phiếu có khoản cấm đòi chuẩn-nhận thì giá-trị tấm phiếu rất khả-nghi, cho nên người cầm phiếu được miễn phản-kháng.

Sự phản-kháng là một việc phiền nhiễu và tốn tiền cho nên thường thường trong hối-phiếu có ghi miễn phản-kháng. Điều-khoản này trong tiếng Pháp gọi là « clause de retour sans frais », hay là « sans protêt ». Khi điều-khoản do chính người chủ-tạo ghi thì tất cả những người cầm phiếu về sau không ai phải phản-kháng cả. Nếu do một người bồi-thự hay người bảo-linh ghi chủ thì chỉ có hiệu-lực đối với những người ấy thôi.

b. — Hình-thức và thời-hạn phản-kháng. — Sự phản-kháng do quản-lý văn-khế hay thừa-phát-lại chứng nhận và làm biên-bản. Phải phản-kháng ở nơi trú-quán của người thụ-tạo. Biên-bản phải chép lại tờ hối-phiếu, phải ghi rằng đã đòi tiền người thụ-tạo mà người này không chịu trả.

Theo sắc-lệnh năm 1935, phải phản-kháng trong hai ngày « có làm việc », sau khi hối-phiếu đến hạn: đó là thời hạn phản-kháng việc không trả tiền. Nếu là phản kháng việc không chịu chuẩn nhận hối-phiếu thì phải làm trong hạn đã ấn định cho việc xuất-trình hối-phiếu đề chuẩn-nhận.

Sau khi phản-kháng phải cáo-tri cho người đã bồi-thự cho mình trong hạn 4 ngày; mỗi người bồi-thự lại phải cáo tri cho người bồi-thự trước, trong hạn hai ngày, cứ như thế cho đến khi người chủ-tạo được cáo-tri sự phản-kháng. Nếu hối-phiếu có người bảo-linh thì người này cũng phải được cáo-tri.

Phản-kháng rồi, việc cần thiết cho người cầm phiếu là

làm thế nào để lấy được nợ. Người ấy phải sử hành những phương-pháp tố-tụng.

§ 8— Sử-hành những phương-pháp tố-tụng

A) — Người cầm hối-phiếu có quyền sử hành phương-pháp tố tụng đối với tất cả những người nào đã ký vào hối-phiếu: chủ-tạo, bồi-thự, thụ-tạo, bảo-lĩnh, vì tất cả những người này đều là con nợ của người cầm phiếu, đều có trách-nhiệm với người cầm phiếu, và trách-nhiệm ấy là trách-nhiệm liên-dời.

Người cầm phiếu có thể kiện tất cả những người này cùng một lúc, hoặc chỉ chọn một người trong những người ấy mà kiện. Sau khi kiện người này rồi, người cầm phiếu vẫn có thể kiện một người khác, nhưng cố nhiên là chỉ được trả tiền một lần thôi.

Người nào đã trả tiền cho người cầm phiếu có quyền phản tố lại những người khác, nhưng chỉ kiện được những người đã ký vào hối-phiếu trước mình thôi. Đi ngược giống lưu-thông của tấm hối-phiếu như vậy, người ta sẽ trở lại đoạn xích đầu tiên là người chủ-tạo; đến lượt người này thì chỉ còn có thể phản tố người thụ-tạo nữa thôi.

B) — Muốn phản-tố được thắng lợi, người cầm phiếu phải đợi đến hạn-hạn của tờ hối-phiếu, nếu người thụ-tạo không trả nợ cho mình hay chỉ trả được một phần thôi, và phải đã phản-kháng như giải-thích ở trên.

Nhưng theo điều 147 Thương-luật Pháp, có ba trường-hợp có thể khởi-tố trước hạn-hạn ấy:

a) Người thụ-tạo từ chối không chịu chuẩn-nhận (một phần hay toàn-thể tấm hối-phiếu);

b) Người thụ-tạo đã bị án phá-sản hay ở tình-trạng không trả được nợ hay đã bị sai áp vô-hiệu-quả nghĩa là không có tài-sản gì;

c) Người chủ-tạo bị tuyên-án phá-sản mà hối-phiếu lại là một hối-phiếu không được phép xuất-trình cho người thụ-tạo để chuẩn-nhận.

Nếu người cầm phiếu đã quên không thi-hành những thê-thức phản-kháng và xuất-trình hối-phiếu như luật định thì mất quyền phản-tố. Những trường-hợp mất quyền phản

tổ được luật-pháp liệt-kê hạn-định như sau, ngoài ra không có trường-hợp nào khác :

1— Quên không phản-kháng trong hạn luật định, sau khi không được trả nợ ;

2— Quên không xuất-trình hối-phiếu đề đòi nợ và phản kháng trong hạn một năm, nếu là tức-phó hối-phiếu ;

3— Quên không trình hối-phiếu đề đòi nợ nếu trong hối-phiếu có điều-khoản miễn phản-kháng ;

4— Quên không phản-kháng việc người thụ-tạo không chịu chuẩn-nhận hối-phiếu, nếu hối-phiếu có bó buộc việc xuất-trình đề chuẩn-nhận ;

5— Từ chối không chịu nhận tiền của người đệ-tam tự can-thiệp đề trả tiền hối-phiếu (xem B § 7) ;

Quyền phản-tố bị truất-chỉ là quyền phản-tố người chủ tạo và những người bồi-thự (điều 156). Còn đối với người thụ-tạo, người này bao giờ cũng là con nợ cho nên cố nhiên người cầm phiếu vẫn có quyền kiện người này ; những sự sơ-suất trên kia của người cầm phiếu không có ảnh-hưởng gì đến trái-quyền của người ấy đối với người thụ-tạo.

C)— Người cầm phiếu, sử-hành những phương-pháp tố tụng được quyền đòi : (điều 152)

a— Số tiền ghi trong hối-phiếu ;

b— Tiền lãi theo lệ thương-mại kể từ ngày hối-phiếu đáo-hạn ;

c— Tiền phí-tồn, kể cả tiền phí-tồn phản-kháng.

D)— Thời-tiêu những phương-pháp tố-tụng.— Các tố-quyền, sau một thời-gian không xử-dụng, thì bị tiêu-diệt không xử-dụng được nữa. Đó là sự thời-tiêu hay là tiêu-diệt thời-hiệu.

Theo điều 179 Thương-luật Pháp :

a)— Đối với người thụ-tạo, tố-quyền của người cầm phiếu bị tiêu-diệt sau ba năm kể từ nhật-hạn hối-phiếu.—

b)— Đối với người chủ-tạo và những người bồi-thự, thời-gian ấy là một năm kể từ ngày phản-kháng ; nếu hối-phiếu được miễn phản-kháng thì kể từ nhật-hạn của hối-phiếu.—

c) — Giữa những người bồi-thự với nhau, thời-hạn tiêu diệt là 6 tháng kể từ ngày người bồi-thự đã trả nợ hoặc từ ngày người ấy bị kiện ra Tòa.

Thời-tiêu trên này có thể bị gián-đoạn nếu đã có đơn khởi-tổ, hay nếu người thụ-tạo có hành-động gì có tính-cách nhận nợ chẳng hạn trả tiền lãi, trả đỡ một phần tiền gốc; nhưng chỉ riêng đối với người nào đã bị kiện hay đã có những hành-động ấy, thời-tiêu mới bị gián-đoạn mà thôi. Ví dụ có năm người bồi-thự A. B. C. D. E; người cầm phiếu đệ đơn kiện C; đối với C thời-tiêu trên này bị gián-đoạn, nghĩa là thời-gian đã qua rồi không kể nữa, tố-quyền của người cầm phiếu đối với C chỉ có thể bị thời-tiêu sau một năm nữa kể từ ngày có án văn chấp-nhận đơn kiện. Và chỉ riêng đối với C là thời-tiêu đã bị gián-đoạn mà thôi.

Khi tố-quyền đã bị thời-tiêu thì món nợ coi như đã được trả rồi. Đó chỉ là một sự phỏng-đoán, nhưng không được phép viện dẫn chứng-cớ để hủy sự phỏng-đoán ấy. Chỉ có lời thú-nhận của người thụ-tạo mới cho phép người thụ-ích lấy được nợ thôi. Ngoài ra người thụ-ích còn có thể buộc người thụ-tạo, hay vợ góa cùng thừa-kế người này thề rằng người thụ-tạo không còn nợ gì cả.

Những thời-tiêu ngắn hạn trên này không được áp-dụng nếu đã có án-văn xử người thụ-tạo phải trả tiền; hay nếu người thụ-tạo đã làm văn tự riêng nhận nợ; việc làm văn-tự này có hậu-quả biến-cải món nợ hối-phiếu ra một món nợ thường: trong hai trường-hợp này, thời-hạn tiêu-diệt sẽ là thời-hạn phổ-thông luật-pháp, tức là 30 năm theo Dân-luật Pháp điều 2262, 15 năm theo Dân-luật Bắc-Phần điều 863, và 10 năm theo Dân luật Trung-Phần điều 936.

Ta phải nhận xét rằng những thời-tiêu ngắn hạn trên này chỉ áp-dụng cho những tố-quyền căn cứ vào tờ hối phiếu. Giữa các đương-sự, còn có những sự liên-lạc không ăn nhập với hối-phiếu, không phát-sinh ở hối-phiếu và vẫn tồn-tại sau khi những thời-hạn tiêu-diệt trên này đã quá rồi:

a) — Tố-quyền của người chủ-tạo đối với người thụ-tạo. Người chủ tạo làm ra tờ hối-phiếu là dùng một phương-tiện

đề đòi nợ; nếu người thụ-tạo chưa trả tiền hối-phiếu tức là chưa trả nợ, và người chủ-tạo vẫn có quyền đòi.

b) — Tổ-quyền của người mang phiếu đối với người đã hối-thự cho mình. Sở dĩ có sự hối-thự là vì người cầm phiếu có một trái-quyền đối với người hối-thự. Sự hối-thự không biến-thể, không biến-cải cái thể-chất của món nợ ấy, chỉ là một phương-tiện để trả nợ, cho nên dầu không còn sử-dụng được tổ-quyền phát-sinh ở hối-phiếu với mọi sự tiện-lợi của nó, người cầm phiếu vẫn kiện được người hối-thự căn-cứ vào trái-quyền của mình.

c) — Tổ-quyền của người hối-thự hay người bảo-lĩnh đã trả tiền cho người cầm phiếu. Những người này đã trả nợ thế cho người khác trong khi chính họ không có trái-vụ gì, không công-nợ gì người cầm phiếu. Việc trả nợ ấy đã làm lợi cho những người có nhiệm-vụ phải trả nợ, cho nên người hối-thự, người bảo-lĩnh trên kia có quyền đòi lại, bằng một tổ-quyền biệt-lập không liên-can gì đến hối-phiếu.

TIẾT THỨ HAI

Lệnh-phiếu

Lệnh-phiếu là một chứng-khoán trong đó người ký-nhận cam-kết sẽ trả một số tiền nhất định, vào một ngày nhất định cho người thụ-ích ghi trong chứng-khoán, hoặc cho một người khác, theo lệnh của người thụ-ích này.

Lệnh-phiếu cũng do sắc-luật ngày 30-10-1935 quy định cùng với hối-phiếu. Những điều chúng ta đã giải-thích về hối-phiếu cũng áp-dụng cho lệnh-phiếu, vậy không cần phải nhắc lại ở đây.

Nhưng, khác với hối-phiếu, trong lệnh-phiếu chỉ có hai người giao-dịch với nhau : người chủ-tạo (vừa là chủ-tạo vừa là thụ-tạo) và người thụ-ích, vì thế không có vấn-đề dự-kim, cũng không có vấn-đề chuẩn-nhận.

§ I— Hình-thức

Lệnh-phiếu phải làm theo một hình-thức, nhất định. Bó-buộc phải ghi trong lệnh-phiếu :

1— Điều-khoản lệnh-hành, hoặc danh-từ « lệnh phiếu » theo ngôn ngữ được dùng trong việc tá-tả tờ phiếu ;

2— Sự cam-kết vô điều-kiện trả một món tiền nhất-định ;

3— Ngày phải trả tiền, tức là nhật-hạn của tờ phiếu

4— Nơi trả tiền ;

5— Tên người được lĩnh tiền tức là người thụ-ích ;

6— Nơi và ngày tháng làm ra tờ phiếu ;

7— Chữ ký của người chủ-tạo.

Thiếu một chi-tiết nào trên này thì tờ phiếu không có giá-trị một tờ lệnh-phieu, không do luật Thương-mại chi phối, nhưng được coi như một giấy nhận nợ ; và nếu có ghi điều-khoản lệnh-hành thì có thể bồi-thự để lưu-hành được.

§ 2— Tính-chất.

Khác với hối-phieu, lệnh-phieu không phải bao giờ cũng là một hành-vi thương-mại. Đây là một quan-niệm đã cũ, có thể nói là đã lỗi-thời mà sắc-luật năm 1935 còn giữ lại. Cứ theo cái hình-thức — bó buộc phải có điều-khoản lệnh-hành — thì lệnh-phieu phải coi là một hành-vi thương-mại cũng như hối-phieu, vì chính cái hình-thức ấy đã làm cho hối-phieu có tính-cách thương-mại.

Trong tình-trạng luật-pháp hiện thời, lệnh-phieu chỉ có tính cách thương-mại nếu do một nhà buôn làm ra để dùng vào việc thương mại. Bởi thế cho nên điều 636 Thương-luật Pháp, sửa đổi do sắc-luật ngày 30-10-1935, định rằng nếu trong lệnh-phieu chỉ có chữ ký của những người không phải là nhà buôn, và nếu không phải đã làm ra vì những việc thương-mại thì Tòa Thương-mại phải di-ly sang Tòa Hộ, nếu bị-đơn thỉnh-cầu như vậy.

Lại điều 637 cũng nói rằng nếu trong lệnh-phieu vừa có chữ ký của nhà buôn, vừa có chữ ký của người thường thì việc tranh-tụng thuộc thẩm-quyền Tòa Thương-mại : ta có thể nói rằng sự can-thiệp của một nhà buôn vào sự lưu-thông tờ lệnh-phieu đã làm cho tờ phiếu ấy có tính-cách thương mại.

Ta cần phải nhớ rằng chỉ khi nào lệnh-phieu có tính-cách thương-mại thì những điều-luật quy định chế-độ hối-phieu mới đem ra áp-dụng được.

Dưới đây là mẫu một tờ lệnh-phiếu :

Huế, ngày 30-4-1957

Số tiền: 10.000\$00

Đến ngày 1-6-1957 tôi sẽ trả cho A, hay theo lệnh của ông ấy, để đổi lấy tờ lệnh-phiếu này, số tiền 10.000\$00
(Tên, họ, chữ ký của người chủ-tạo)

TIẾT THỨ BA

Chi-phiếu.

Chi-phiếu là một chứng-khoản phát-đặt về một nhà ngân hàng, hay một dinh-nghiệp đồng loại, để người cầm phiếu được trả một món tiền đã dự sẵn cho người ấy sử-dụng.

Cũng như hối-phiếu, chi-phiếu có ích-dụng để trả một món tiền, nhưng đặc-tính của chi-phiếu là phải được thi-hành ngay, tiền phải trả ngay không có kỳ-hạn như hối-phiếu.

Cũng như hối-phiếu và lệnh-phiếu, chi-phiếu đã được quy nhất tại hội-nghị Genève. Hiệp-ước về chi-phiếu ký ngày 19.3.1931, nhưng vì hiệp-ước có dành quyền cho mỗi quốc-gia định đoạt về nhiều điểm, cho nên sự quy nhất không được hoàn-toàn, vẫn còn nhiều chỗ dị-đồng giữa những nội-luật của các quốc-gia đã tham-dự hội-nghị.

Chi-phiếu được quy-định ở Việt-Nam do sắc-lệnh ngày 30.10.1935. Sắc-lệnh này được áp-dụng do sắc-lệnh ngày 18.12.1936 - (ban hành theo Nghị-định ngày 20.2.1937) - và sửa đổi do sắc-lệnh ngày 24.5.1938 được áp-dụng theo sắc-lệnh ngày 4.1.1939 (ban hành ngày 8.2.1939). Trước đây sắc-lệnh 30.10.1935 đã được ban hành do Nghị-định ngày 6.1.1936 số 44. Nhưng thực ra (cũng như trường-hợp hối-phiếu và lệnh-phiếu) lúc bấy giờ chưa có sắc-lệnh ngày 30.10.1935, chỉ có sắc-luật cũng ngày ấy. Sắc-luật này chỉ áp-dụng ở Pháp; về sau, mới có sắc-lệnh ngày 8.12.1936 đem áp-dụng ở Việt-Nam.

Cho nên Nghị-định ngày 20.2.1937 phải ban hành lại sắc-lệnh ngày 30.10.1935 một lần thứ hai, đồng thời liêu-hủy Nghị-định số 44 ngày 6.1.1936.

Sắc-lệnh ngày 30.10.1935 đã chép nguyên-văn sắc-luật cũng ngày ấy của Pháp. Sắc-luật này sửa đổi đạo luật ngày

14-6-1965 và vẫn giữ nguyên số thứ tự những điều-khoản đạo luật ấy. Vậy những điều-khoản chúng tôi viện dẫn dưới đây tức là những điều-khoản đạo luật ngày 14.6.1865 đã sửa đổi lại. Đạo luật này in trong Thương-Luật-Pháp, tiếp theo ngay sắc-luật về hối-phiếu và lệnh-phiếu.

Chi-phiếu là một chứng-khoản dùng thay tiền tệ để trả nợ, một chi-phiếu không khác gì một tức-phó hối-phiếu (hối-phiếu phải trả tiền ngay), cho nên luật-lệ chi-phiếu cũng áp theo luật-lệ hối-phiếu. Nhưng phải nhớ rằng, về tính-chất, hai thứ phiếu này khác nhau. Hối-phiếu bao giờ cũng là một hành-vi thương-mại, Chi-phiếu chỉ là một hành vi thương-mại khi nào do một thương-gia phát hành để dùng vào công việc thương-mại của người ấy.

§ 1 — Thẻ lệ về hình thức.

A) — Những chi-phiếu thường dùng. Chi-phiếu có thể làm bằng giấy tờ nào cũng được, nhưng các nhà ngân hàng đã có lệ quen cấp cho khách-hàng một quyền chi-phiếu có cuống, dùng đến đâu xé đến đấy.

Làm chi-phiếu có những điều-kiện này phải tuân theo (điều 1) :

1— Phải biên rõ văn-thư minh tạo ra là một chi-phiếu; dùng ngôn-ngữ nào thì danh-từ « chi-phiếu » phải trích trong ngôn-ngữ ấy. Nếu không nói rõ như vậy thì văn-thư không có tính-cách chi - phiếu, nhưng có thể hữu-hiệu với một tính-cách khác, chẳng hạn có thể coi được là một văn-lự nợ;

2— Phải ghi sự yêu cầu nhà ngân-hàng trả một món tiền nhất-định. Khi món tiền được ghi vừa bằng chữ số vừa bằng chữ thường mà không phù-hợp nhau thì căn-cứ vào số tiền ghi bằng chữ thường; khi số tiền được ghi nhiều lần mà khác nhau thì căn-cứ vào số nhỏ nhất (điều 9) :

3— Phải ghi tên người thụ-tạo, tức là người phải trả tiền. Người thụ-tạo đây bao giờ cũng là một nhà ngân hàng hay một dinh-nghiệp đồng loại, không thể là một tư-nhân; (điều 3)

4— Phải ghi nơi trả tiền; nếu không ghi thì nơi ấy đương nhiên là địa-diểm đã ghi bên cạnh tên người thụ-tạo; nếu bên cạnh tên người thụ-tạo có ghi nhiều địa-diểm thì lấy địa-diểm

đầu tiên; nếu bên cạnh tên người thụ-tạo không có ghi địa điểm nào, thì nơi trả tiền sẽ là nơi tọa lạc cơ-sở chính của người thụ-tạo; (điều 2).

5— Phải ghi ngày tháng và nơi đã làm ra chi-phiếu. Nếu không ghi rõ làm ở đâu thì coi như đã làm ở địa-diểm có ghi bên cạnh tên người chủ-tạo (điều 2, đoạn cuối);

Nếu không ghi rõ ngày tháng thì chi-phiếu vô-hiệu, tuy nhiên, mặc dầu sự vô-hiệu ấy, nếu chi-phiếu không có dự-kim, người làm phiếu vẫn có thể bị hình-phạt (xem § 2, B dưới này). Khi người làm phiếu ghi sai ngày tháng thì có thể bị truy-tố về tội giả-mạo, nhưng chi-phiếu vẫn có giá-trị; điều 28 § 2, định rằng nếu người thụ-ích xuất-trình chi-phiếu để lãnh tiền trước ngày đã ghi là ngày làm ra chi-phiếu, thì chi phiếu coi như phải được trả tiền ngày xuất trình; như vậy có nghĩa là chi-phiếu hữu hiệu tuy rằng thời-hiệu không đúng sự thật.

Những chi-tiết trên này bắt buộc phải ghi trong chi phiếu; ngoài ra người làm phiếu còn có thể ghi thêm một vài khoản khác: có thể chỉ-định chi-phiếu, nghĩa là yêu cầu chi-phiếu sẽ được trả ở trú-quán một người đệ-tam, nhưng người đệ-tam này phải là một nhà ngân-hàng, hay một sở chi phiếu bưu-diện; cũng có thể chi-phiếu được bảo-lĩnh; được miễn phần kháng; được ghi thêm khoản hoàn-thư: tất cả những điểm này thể-lệ đều như hối-phiếu chúng ta đã biết rồi.

Ta nhận thấy rằng trong những chi-tiết bắt buộc phải ghi vào chi-phiếu không thấy nói đến người thụ-ích, nghĩa là người được lĩnh tiền, là vì khi chi-phiếu, không ghi tên người nào thì ai cầm chi-phiếu người ấy được lĩnh tiền. Cố nhiên người làm phiếu có thể ghi rõ tên người được lĩnh tiền trong chi-phiếu, đó là chi-phiếu ký-danh; hoặc ghi rằng tiền sẽ trả cho người cầm phiếu, đó là chi-phiếu vô-danh.

Chi-phiếu có thể làm thành nhiều bản nhưng chỉ riêng trong trường-hợp làm ra ở nước này mà trả tiền ở một nước khác; trong trường-hợp ấy bắt buộc phải là một chi-phiếu ký-danh phải ghi tên người được lĩnh tiền trong chi-phiếu, và mỗi bản phải đánh số (điều 49).

B) — Những chi-phiếu đặc-biệt.—

1.) Chi-phiếu có gạch (điều 31 — 39).— Chi-phiếu có gạch, tiếng Pháp gọi là *chèque barré*, là một thứ chi-phiếu trên mặt có hai gạch dòng đôi. Đặc-tính chi-phiếu này là chỉ có thể được trả tiền cho một nhà ngân-hàng hay một khách-hàng của ngân-hàng ấy. Nhà làm luật không nói cho ta biết thế nào là khách-hàng của nhà ngân-hàng, có thể cho khách-hàng là người nào có ngân-mục ở ngân-hàng.

Chi-phiếu có gạch có tiện-ích tránh được sự rủi ro thất-lạc hay bị mất cắp vì kẻ cắp không thể mang phiếu đi lĩnh tiền được; hai nữa có khi nhà ngân-hàng không cần phải phát tiền ra, chỉ việc ghi số tiền của chi-phiếu vào ngân-mục khách-hàng của mình.

Chi-phiếu có thể gạch theo hai cách; chỉ gạch hai giòng không thôi, không biên rõ nhà ngân-hàng nào, thì là gạch không tên (tiếng Pháp gọi là *barrement général*); nếu gạch hai giòng, rồi lại biên tên một nhà ngân-hàng vào giữa thì là « gạch có tên » (tiếng Pháp gọi là *barrement spécial*). Tên ngân-hàng phải biên đích-xác, nếu chỉ biên « ngân-hàng », không rõ ngân-hàng nào, thì là gạch không tên. Gạch không tên có thể đổi thành gạch có tên; trái lại, gạch có tên không xóa đi được để đổi thành gạch không tên.

Ai có thể gạch chi-phiếu? Người chủ-tạo, người cầm phiếu đều có quyền gạch phiếu như trên.

Nếu là gạch không tên, chi-phiếu chỉ có thể trả tiền cho một nhà ngân-hàng, một sở chi-phiếu bưu-điện, hay một khách-hàng của nhà ngân-hàng; nếu là gạch có tên, thì chỉ nhà ngân-hàng đã có ghi tên giữa hai gạch có quyền lĩnh tiền.

2.) Chi-phiếu thị-thực.— Nhiều khi người làm phiếu yêu cầu nhà ngân-hàng thị-thực tấm phiếu. Sự thị-thực tỏ rằng người làm phiếu có đủ tiền dự-trữ, có dự-kim ở ngân-hàng, như thế tấm phiếu sẽ có giá-trị chắc-chắn. Khi phiếu được thị-thực thì nhà ngân-hàng có trách-nhiệm phải giữ số tiền lại dành cho người cầm phiếu cho đến khi hết hạn phải xuất trình chi-phiếu (về sự xuất-trình xem § 4 dưới đây).

§ 2— Phát-hành chi-phiếu

A) Cũng như hối-phiếu, việc phát-hành chi-phiếu gây ra sự **hiên-lạc** giữa ba người. Ta sẽ nghiên-cứu tình-trạng của riêng mỗi người theo phương-pháp ta đã áp-dụng khi khảo về hối-phiếu.

a.— Người chủ-tạo.— Người này « ra lệnh » cho nhà ngân hàng trả tiền cho người thụ-ích, hoặc cho chính mình; trong trường-hợp này, người chủ-tạo tự mình trình phiếu để lĩnh tiền, tờ chi-phiếu không khác gì tờ biên-lai.

Trong việc làm chi-phiếu người phát-hành không thể vừa là chủ-tạo vừa là thụ-tạo, dầu rằng người ấy là một nhà ngân-hàng, nghĩa là đủ tư-cách làm thụ-tạo một tờ chi-phiếu. Chỉ có một trường-hợp người phát-hành có thể làm chi-phiếu để chính mình phải trả; đó là trường-hợp một nhà ngân-hàng có hai cơ-sở, và chi-phiếu ấy phải là chi-phiếu **ký-danh** (biên rõ tên người thụ-ích) (điều 6 § 3).

Người chủ-tạo làm chi-phiếu cho một người đệ-tam, có thể là để trả nợ, có thể là để cho vay; cái nguyên-nhân ấy không cần biết đến, cũng như khi làm hối-phiếu. Nhưng trong sự giao-dịch giữa chủ-tạo và người thụ-ích cái nguyên nhân của chi-phiếu, nếu được chứng tỏ là có tính-cách bất hợp-pháp thì chi-phiếu vô-hiệu, chẳng hạn làm chi-phiếu để trả một món nợ cờ bạc. Sự vô-hiệu chỉ được công-nhận trong sự giao-dịch giữa người chủ-tạo và người thụ-ích thôi. Đối với người đệ-tam cầm phiếu ngay tình, cái nguyên-nhân bất hợp-pháp không có ảnh-hưởng gì đến hiệu-lực của chi-phiếu cả.

Những vấn-đề này, chúng ta đã gặp rồi khi chúng ta khảo về hối-phiếu.

Người chủ-tạo nếu làm chi-phiếu để tự mình lĩnh tiền, phải có đủ tư-cách năng-lực để nhận nợ. Ta biết rằng theo **Dầu-Luật**, người mắc nợ khi trả nợ phải trả cho người có đủ năng-lực, tư-cách nhận tiền; ai trả sai thì phải trả lại. Nguyên-tắc ấy được áp-dụng ở đây. Chỉ cần có năng-lực tư-cách nhận tiền mà thôi; không cần phải có năng-lực tư-cách làm thương-mại, vì chi-phiếu, tự-thể, không phải chỉ vì cái

hình-thức của nó mà có tính-cách một hành-vi thương-mại.

b.— Người thụ-tạo.— Khởi thủy, khi đạo luật ngày 14-6 1865 đặt ra chi-phiếu, người thụ-tạo có thể là một tư-nhân. Nhưng trong thực-tế người ấy bao giờ cũng là một ngân-hàng. Sắc-lệnh ngày 30-10-1935 xác-nhận tình-trạng ấy và định rằng người thụ-tạo bao giờ cũng phải là một ngân-hàng, hoặc một dinh-nghiệp đồng loại (điều 3 và 58). Những người trong-mãi (trung-gian buôn bán chứng-khoán), những viên tổng-giám-đốc quỹ Tồn-trữ, tổng Giám-đốc ngân-kho được đồng-hóa với những chủ ngân-hàng.

Chi-phiếu không thể được chuẩn nhận (điều 4) vì khác với hối-phiếu, làm chi-phiếu bắt buộc phải có dự-kim ngay; tuy nhiên, chi-phiếu có thể được người thụ-tạo phê y để nhận rằng có đủ dự-kim để trả sự phê y đây không phải là thị thực vì khi chi-phiếu được phê y; (tiếng Pháp gọi là chèque visé) số tiền dự-kim không được giữ lại cho người thụ-ích, như khi chi-phiếu được thị-thực (chèque certifié).

c.— Người thụ-ích.— Thường thường, người thụ-ích là chủ-nợ của chủ-tạo. Cũng như trường-hợp hối-phiếu, người chủ-tạo đưa chi-phiếu cho người thụ-ích chưa phải là đã trả nợ xong. Cầm tờ chi-phiếu, người thụ-ích thành ra chủ nợ của người thụ-tạo nhưng cũng vẫn là chủ nợ người chủ-tạo. Nghĩa là trái-quyền của người thụ-ích đối với chủ-tạo không vì sự nhận tấm phiếu mà được thay thế bằng một trái-quyền đối với người thụ-tạo: không có sự biến cải món nợ. Trước kia có một chủ-tạo là con nợ, thì, nay người thụ-ích có thêm một con nợ nữa là người thụ-tạo. Nếu không đòi được tiền ở người thụ-tạo, người cầm phiếu sẽ quay lại đòi người chủ-tạo, và nếu trái-quyền này có những sự bảo-đảm gì thì bấy giờ vẫn giữ nguyên những sự bảo-đảm ấy. Tóm lại, do sự nhận chi-phiếu, người thụ-ích có lợi là được thêm một con nợ mới nhưng phải đòi hỏi người này trước.

B) Tiền dự-kim.— Người chủ-tạo làm ra chi-phiếu phải chịu trách-nhiệm về sự phát-hành ấy. Thường thường, việc giao chi-phiếu là để đánh thặng bằng sự giao-dịch giữa hai bên, để đáp lại, để đánh đổi một giá-khoán mà người chủ-tạo đã nhận được rồi. Vì thế cho nên cần phải có dự-kim.

Dự-kim này phải có ngay từ lúc chi-phiếu được phát-hành, vì người thụ-ích khi trình chi-phiếu phải được trả tiền ngay tức-khắc. Cho nên người chủ-tạo không thể chặn-hãm hay rút tiền dự-kim ra được, và ở đây, khác với hối-phiếu, ta có thể nói được rằng tiền dự-kim thuộc quyền sở-hữu của người thụ-ích.

Làm chi-phiếu không có, hay không đủ dự-kim là một khinh-tội; làm chi-phiếu xong, rồi lại rút tiền dự-kim ra, hay là không cho người thụ-tạo trả tiền cũng bị tội như thế (điều 66).

Có khi người chủ nợ cứ nhận một chi-phiếu tuy đã biết rằng không có dự-kim, mục-đích là để uy-hiếp dễ-dàng con nợ, vì người này đã làm một hành-vi phạm-pháp. Điều 66 sắc-lệnh ngày 30-10-1935 trừng-trị người chủ nợ ác tâm ấy cũng như người chủ-tạo.

Những hình-phạt trên này được áp-dụng dẫu rằng về hình-thức, chi-phiếu không hợp-lệ. Án-lệ đã quyết-định như vậy vì, nếu không, người chủ-tạo sẽ có một phương-sách rất giản-dị để tránh tội là tri-tình làm những chi-phiếu không hợp-lệ.

§ 3 — Sự lưu-hành chi-phiếu (điều 13 — 24).

Chi-phiếu là một chứng-khoản đương-nhiên có thể đem lưu-hành được. Nếu không có khoản cấm lưu-hành ghi trong chi-phiếu thì người cầm-phiếu có thể bồi-thự cho người khác; nếu là một chi phiếu vô danh thì không cần bồi thự, người cầm phiếu chỉ việc giao tay cho người khác. Nếu chi-phiếu có ghi tên người thụ-ích và cấm lưu-hành thì người cầm phiếu chỉ có thể di-nhượng theo thể-lệ dân-luật như một trái-quyền (chúng ta đã biết thể-thức và hậu-quả việc di nhượng trái-quyền như thế nào)

Việc bồi-thự chi-phiếu có hậu-quả cũng như bồi-thự hối-phiếu : các người bồi-thự đều có trách-nhiệm liên-đối, (điều 18) và nguyên-tắc bất-đối-kháng những phương-pháp, kháng-biện cũng áp-dụng ở đây (điều 22). Theo điều 17 người nào được bồi-thự thì thành sở-hữu-chủ tiền dự-kim

§ 4 — Trả tiền chi-phiếu (28,36).

Đại cương những việc xuất-trình chi-phiếu, trả tiền và

những phương-pháp tổ-tụng của người cầm phiếu trong trường hợp không đòi được tiền, cũng tuân theo những thể-lệ giống như thể-lệ hối-phiếu.

Có vài điểm đặc biệt như sau:

a) Phiếu đưa trình lúc nào phải được trả tiền ngay lúc ấy, dẫn ngay làm phiếu đã được ghi lùi-lại cũng vậy (điều 28). Không thể phản-kháng được sự trả tiền, trừ trường-hợp phiếu đã bị thất-lạc hay người thụ-ích cầm-phiếu đã bị tuyên-bố phá-sản. Nếu có sự phản-kháng phi-lý, phải đưa ra Tòa cấp thẩm đề xin giải trừ (điều 32). Phiếu phải đưa trình trong hạn 8 ngày (điều 29¹).

Nếu phiếu làm ở ngoại-quốc đề trả tiền ở Việt-Nam thì hạn trình-phiếu là bao nhiêu? Điều 29 sắc-lệnh ngày 30-10-1935 đã chép lại nguyên-văn sắc-luật cũng ngày ấy của Pháp nên vấn-đề này chỉ được giải-quyết cho nước Pháp mà thôi (Theo điều 29 thì hạn trình-phiếu là 20 ngày nếu phiếu đã làm ra ở Âu-Châu và 70 nếu làm ở ngoài Âu-Châu).

b) Nếu chỉ có một phần dự-kim, người thụ-tạo phải trả số dự-kim hiện hữu ấy cho người thụ-ích và người này phải nhận.

Người thụ-tạo phải kiểm-soát xem chi-phiếu có hợp-lệ không, nhất là chữ ký của người chủ-tạo; phải kiểm-soát căn-cước của người thụ-ích: nếu phiếu đã được bồi-thự, phải xem những sự bồi-thự có liên-tiếp không. Nếu là phiếu vô-danh thì ai đưa trình cứ việc trả cho người ấy, không sợ trách-nhiệm gì. Nếu trả làm một tấm phiếu bị lừa-đảo hay giả-mạo thì người thụ-tạo phải chịu trách-nhiệm theo phổ-thông luật-pháp, nghĩa là phải có lỗi đều gì mới phải chịu trách-nhiệm.

c) Phương-pháp tổ-tụng (điều 40 — 48).

Người cầm phiếu nếu không đòi được tiền hay chỉ lấy được có một phần phải phản-kháng, cũng như trường-hợp hối-phiếu. Phải phản-kháng trong hạn luật đã định đề trình phiếu. Nếu phiếu đưa trình vào ngày cuối cùng hạn ấy, thì có thể phản-kháng ngày hôm sau.

Người cầm phiếu sơ-suất không trình phiếu trong hạn luật định sẽ bị mất quyền phản-tố những người đã ký vào

phiếu, nhưng ít khi người ta bồi-thự một chi-phiếu nên sự sơ-suất không có nguy hại gì quan-trọng thiết-thực. Vả lại quá hạn định, theo điều 32 § 1 người thụ-tạo có thể vẫn trả tiền cho người thụ-ích. Sự thực không phải là « có thể » mà là « phải trả », nếu người thụ-tạo có dự-kim. Đàng khác, nếu không có dự-kim, người chủ-tạo vẫn bị hình-phạt, và vẫn là con nợ của người thụ-ích. Thành-thủ người thụ-ích không bị thiệt-bại gì cả; chỉ trong trường-hợp người thụ-tạo bị tuyên-bố phá-sản, người thụ-ích mới bị thiệt hại vì sự chậm chạp của mình ? ví-dụ người thụ-tạo có giữ dự-kim, người thụ-ích không đi lĩnh chi-phiếu ngay, đến lúc người thụ-tạo bị phá-sản, sẽ không lấy được nợ nữa, vì số dự-kim sẽ bị quản-tài viên vụ phá-sản chặn lại để phản-phát cho các chủ nợ của người thụ tạo.

Người thụ-ích không lĩnh được chi-phiếu có thể phản-tố người chủ-tạo, người bồi-thự người bảo-lĩnh, y như người thụ-ích một hối-phiếu.

Những tố-quyền ấy sẽ bị thời-tiêu sáu tháng sau khi hết hạn trình chi-phiếu. Những người bồi-thự chi-phiếu hoặc nhận bảo-lĩnh, nếu đã trả tiền cho người thụ-ích phải phản-tố trong hạn sáu tháng kể từ ngày trả tiền, hoặc kể từ ngày bị kiện: trường-hợp trước là trường-hợp người bồi-thự hay người bảo-lĩnh đã trả tiền không đợi người thụ-ích kiện; trường-hợp sau là trường-hợp khi bị kiện, những người ấy chưa trả tiền cho người thụ-ích (điều 52 § 2).

Tố-quyền của người thụ-ích để kiện người thụ-tạo bị thời-tiêu sau ba năm kể từ ngày hết hạn trình phiếu. Người thụ-ích còn có thể dùng dân-sự nguyên-cáo để đòi tiền trong trường-hợp người chủ-tạo đã làm chi-phiếu không có dự-kim: tố-quyền này bị tiêu-diệt sau ba năm cùng với tội-trạng của người chủ-tạo.

∴

Những thương-phiếu mà chúng ta vừa nghiên-cứu trên này có thể gây ra những việc tranh-tụng mà chúng ta đã thấy Trong công-việc buôn-bán, còn nảy ra những việc tranh-tụng vì nhiều duyên-cớ khác.

Ta cần phải biết những việc tranh-tụng ấy phải đem ra xét xử trước Tòa-án nào, theo thủ-tục nào và có những điều-lệ gì đặc-biệt.

CHƯƠNG VI

Việc xét xử những vụ tranh-tụng có tính cách thương-mại.

THIỆT THỦ NHỨT

Những Tòa-án thương-mại.

Ở bên Pháp, có những Tòa-án Thương-mại riêng để xử những việc thương-mại, nhưng chỉ có những Tòa-án riêng này ở cấp sơ-thẩm thôi. Nếu đương sự kháng-cáo thì Tòa Thượng Thẩm thường-tụng sẽ xét xử. Các thẩm-phán ở cấp sơ-thẩm đều do các thương-gia bầu, những người được bầu phần nhiều là những người am-tường luật-pháp.

Ở Việt-Nam, trước kia, cho đến năm 1945, tại các cự nhượng-địa-Pháp, nơi nào có một Tòa-án Sơ-thẩm hạng nhất cũng có một Tòa-án Thương-mại riêng (Hà-nội, Hải-phòng Sài-gòn). Tòa-án ấy có một ông Chánh-án, là một thẩm-phán chuyên môn, và hai ông Phụ-thẩm đều là thương-gia do các bạn đồng nghiệp bầu lên. Hiện nay, ta không có Tòa-án Thương-mại riêng biệt. Ở các tỉnh to, Tòa Sơ-thẩm có một phòng riêng xét xử những việc Thương-mại, giao cho một ông thẩm-phán phụ-trách. Nhưng sự phân-biệt ấy chỉ là một phương-tiện để phân công trong nội-bộ, không có tính-cách tạo ra những Tòa-án biệt lập có một thẩm-quyền riêng-biệt. Do đấy ta tránh được một sự khó khăn, không phải phân-biệt thẩm-quyền Tòa-án thương-sự với thẩm-quyền Tòa-án dân-sự. Vấn-đề này là một vấn-đề rất gay-go, khó giải-quyết đến nỗi ở bên Ý, người ta đã phải dùng đến phương-pháp rất giản-tiện là bỏ hẳn những Tòa-án Thương-mại.

Tóm lại ở Việt-Nam, mọi việc thương-mại, nếu giá-ngạch thuộc thẩm-quyền Tòa dân-sự thì đều có thể đem thưa-kiện trước Tòa dân-sự; muốn cẩn thận, trong đơn kiện gửi ông Chánh-án, chỉ cần ghi thêm rằng « xử về việc thương-mại ».

Giá-ngạch nói trên được Sắc-lệnh ngày 27-12-1943 ấn-dịnh là 750đ. Dưới số tiền ấy, việc kiện thuộc thẩm-quyền Tòa Hoà-giải.

Ở Trung-Phần, vấn-đề giá-ngạch thẩm-quyền hơi phức-tạp: trước kia, mỗi phủ huyện có một Tòa-án Phủ Huyện, về việc dân-sự và thương-sự, chỉ có nhiệm-vụ hòa-giải. Trên nữa, đến Tòa Sơ-thẩm chuyên xử việc hộ: những Tòa-án này không nhất-định, cần đến đâu sẽ lập ra đến đấy, và được quyền xử chung-thầm những việc hộ (hoặc thương-mại) không quá 30đ; trên số tiền này, và về những việc liên-can đến thân-thể, hộ-tịch cá-nhân, đến bất động-sản, và những việc phá-sản (khánh-tận), thì Tòa sẽ xử sơ-thẩm mà thôi. Trên nữa là Tòa-án tỉnh: Tòa này xử chung-thầm những việc mà Tòa hộ (vừa nói trên) đã xử sơ-thẩm, nếu quyền lợi tương-tranh không quá 150đ. Quá số tiền ấy Tòa sẽ xử « trung-thầm, » nghĩa là mời xử lần thứ hai thôi; đương-sự còn kháng cáo được lên Thượng-thẩm nữa.

Hiện thời trong tổ-chức mới, ở Trung-Phần có Tòa-Hòa-giải, Tòa Hòa-giải Rộng Quyền hoặc Tòa-Sơ-thẩm, rồi đến Tòa thượng-thẩm, cũng như ở Nam-Phần.

Nhưng về giá-ngạch thẩm-quyền, theo sự tra-cứu của chúng tôi, không có đạo luật nào sửa đổi. Vậy Tòa Hòa-giải Rộng Quyền và Tòa Sơ-thẩm xử chung thầm những việc từ 30đ đến 150đ xử Sơ-thẩm những việc quá số tiền 150đ và những việc trước kia thuộc thẩm-quyền « Tòa Sơ-thẩm chuyên xử việc hộ ».

Vấn-đề này cần phải được quy-nhất.

TIẾT THỨ HAI

Thủ-tục thương mại

Tuy rằng không có những Tòa-án Thương-Mại riêng-biệt, song những việc thương-mại cũng theo một thủ-lục riêng, mục-đích là làm cho những việc kiện được giải-quyết nhanh-chóng. Thủ-tục này chỉ áp-dụng riêng ở Nam-Phần; còn ở Trung Phần, bộ luật Tổ-tụng áp-dụng chung cho cả những việc dân-sự và thương-sự.

Điều 122 Sắc-lệnh ngày 16-2-21, áp-dụng ở Nam-Phần

nói rằng thủ-tục thương-mại là thủ-tục đã ấn-định trong Dân-Luật Tổ-Tụng, trong luật Thương-Mại và những đạo luật, sắc lệnh đã ban hành hợp lệ. Cũng điều luật ấy đã đem áp-dụng đạo-luật ngày 11-3-1924 về cấp thẩm thương-mại và đạo luật ngày 31-12-1925 về việc trọng-tài.

Những vấn-đề trên này đều thuộc về một môn học riêng là môn Dân-sự Tổ-Tụng, không phải chỗ trình bày ở đây. Chúng tôi chỉ nói qua, về đạo-luật ngày 31-12-1925, rằng trong những việc thương-mại, đương sự có thể thỏa-thuận trong khế-ước để giao cho trọng-tài xét đoán những sự khó khăn có thể xảy ra trong việc thi-hành khế-ước.

Trọng-tài có thể được chỉ-định ngay trong khế-ước, hay để sau này sẽ chỉ-định. Đó là điều khoản trọng-tài, tiếng Pháp gọi là Clause compromissoire. Việc xét đoán này có tính-cách trái-ngược với tổ-chức tư-pháp, cho nên trong việc thương-tụng không được dùng đến; đạo luật năm 1925 đã đặt ra ngoại-lệ ấy riêng cho những việc thương-mại. Nếu đã có điều khoản trọng-tài mà một bên còn bị kiện ra Tòa, thì có thể nại sự vô-thẩm-quyền của Tòa để xét xử, nhưng phải nại sự vô-thẩm-quyền ấy trước mọi phương-pháp kháng-biện khác. Nếu một bên không chịu chỉ-định người trọng-tài thì đối-phương có thể xin Tòa chỉ-định. Bản án của trọng-tài phải đệ trình Tòa và được mệnh-lệnh của ông Chánh-án cho phép thi-hành, cũng có thể được thi-hành ngay không cần những thủ-thức ấy, nếu hai bên thỏa-thuận.

TIẾT THỨ BA

Những điều-lệ đặc-biệt về những việc thương-mại,

A)— Điều-lệ dẫn-chứng,—

1') *Nguyên-tắc tự-do dẫn-chứng*.— Ở Trung-Việt, điều 157 bộ luật Dân-sự và Thương-sự Tổ-Tụng nói rằng: «quan Tòa có thể tự mình hay là do người đương-sự xin mà truyền xét hỏi bất cứ là kiện về việc gì?» Bộ Thương-Luật Trung-Phần không đề cập đến vấn-đề này. Sự xét hỏi đây là xét hỏi

nhân-chứng. Vậy thì, về việc dân-sự cũng như về việc thương-sự, nguyên-tắc là tự-do dân-chứng. Không cần phải có giấy tờ làm bằng, nguyên-đơn có thể viện-dẫn nhân-chứng để bày tỏ quyền-lợi của mình. Đó là một nguyên-tắc chung, không phải là một ngoại-lệ riêng cho những việc thương-mại.

Nhưng nguyên-đơn có thể dùng quyền ấy đến mức nào? Ví-dụ nếu đã làm giấy tờ thì có thể viện-chứng trái lại giấy tờ không? Cứ theo điều 1679 § 2 bộ Dân-Luật Trung-Phần thì không được. Có lẽ ta phải căn-cứ vào điều luật này và định rằng không thể dẫn-chứng trái ngược với giấy tờ được, vì về điểm này, bộ Thương-Luật Trung-Phần không có đặt ra ngoại-lệ nào cả.

Chúng tôi nói « có lẽ » là vì giải-pháp ấy trái với tình-trạng ở Nam-Phần. Chúng ta biết rằng theo điều 1341 Dân-Luật Pháp, những trái-vụ trên 5.000 Frs phải có giấy-tờ làm bằng. Dưới số tiền ấy mới được chứng-tỏ bằng nhân-chứng. Điều 1341 cũng cấm không được dẫn-chứng trái-ngược với giấy tờ, trừ phi có những điều luật Thương-Mại khác. Điều 1341 này cố nhiên không có hiệu-lực luật-pháp ở Việt-Nam chỉ có tính-cách chỉ-dẫn thôi.

Một đẳng khác, nghị-định ngày 16-3-1910 ấn định thủ-tục những việc dân-sự ở Nam-Phần, trong điều 62 cũng nói rằng bất cứ việc gì cũng có thể điều-tra (tức là hỏi chứng) do Tòa tự ý cho phép, hoặc do đương-sự thỉnh-cầu. Có thể dẫn-chứng trái ngược với giấy tờ được không?

— Nghị-định không nói đến.

Đối diện với những điều luật trên này, chúng ta còn có điều 109 bộ Thương-Luật Pháp mà chúng ta biết là vẫn còn áp-dụng ở Nam-Phần. Điều luật ấy cho phép nại nhân-chứng để chứng-tỏ mọi việc mua bán. Từ lâu, án-lệ đã áp-dụng điều luật ấy không những chỉ riêng cho những việc mua bán mà cho tất cả các khế-uớc thương-mại (Civ. 17. 5-32. DP 92. 1.603; Civ. 2.741 DA. 1941. J. 291); lại còn định rằng điều luật ấy cho phép viện chứng trái ngược với giấy tờ (Req. 25.11.1903. DP 1904. 1.183).

Án-lệ này có thể theo được ở Nam-Phần không? Thiết tưởng rằng theo được. Vì điều 1341 Dân-Luật Pháp, tự loại mình ra ngoài những việc thương-mại, tuy không có hiệu-tực luật-pháp ở Việt-Nam, nhưng ta không cần đến điều ấy. Ta không cần đến điều ấy chính là vì ở Nam-phần không có Dân-luật, không có điều luật nào cấm việc dẫn-chứng trái ngược với giấy tờ. Như vậy, không có sự cản-trở gì về pháp lý cho sự áp-dụng điều 109 luật Thương-mại. Điều luật này chỉ có tính-cách nói rộng điều 62 Nghị-dịnh ngày 16-3-1910 mà thôi, không mâu-thuẫn với điều đó. Án-lệ các Tòa-án Việt-nam, theo chỗ chúng tôi biết chưa đề-cập đến vấn-đề này bao giờ.

Có một trường-hợp khó khăn là trường-hợp những hành vi hỗn hợp, tức là những hành-vi bán-thương-mại (chỉ có tính-cách thương-mại với một bên đương-sự). Nếu có sự tranh tụng, phải chứng tỏ bằng cách nào? Được tự-do dẫn chứng hay phải có giấy tờ? Về phương diện pháp-lý thuần túy, ta có thể cho rằng nếu người nhà buôn bị kiện, thì đối phương (không phải là nhà buôn) có thể chứng-tỏ bằng mọi phương-pháp vì người này đem một cái hành-vi thương mại ra đối kháng với nhà buôn; nhưng nếu người nhà buôn đứng kiện thì phải theo thể-lệ Dân-luật vì tố-quyền của người này căn-cứ vào một hành-vi không có tính-cách thương mại đối với bên địch. Án-lệ chưa rõ-rệt về điểm này nhưng có khuynh-hướng áp-dụng nguyên-tắc tự-do dẫn-chứng cho cả hai bên đương sự, dầu bên nào đứng nguyên đơn cũng vậy.

2) *Những ngoại-lệ*: trường-hợp phải làm giấy tờ.— Có những việc thương-mại mà luật-pháp bó buộc phải làm giấy tờ như những việc chuyển-chở bằng đường biển hay đường bộ; việc mua bán cầm cố cửa hàng thương-mại.

B) — Điều-lệ về nội-dung. —

1° — Trong một khế-ước dân-sự, những người cùng cam kết làm một nhiệm-vụ chỉ có trách-nhiệm liên-dối nếu đã cam-kết rõ ràng như vậy. Trái lại, trong những khế-ước thương sự những người ấy bị coi là đã nhận trách-nhiệm liên-dối. Muốn tránh sự liên-dối ấy phải nói rõ trong khế-ước,

2.— Trong những việc dân-sự, Tòa không có quyền sửa đổi khế-ước của hai bên : một là bắt thi-hành, hai là bắt hủy-bỏ. Trái lại, trong việc thương-sự, án-lệ cho phép Tòa án sửa đổi lại khế-ước : chẳng hạn bên mua hàng xin tiêu hủy khế-ước vì người bán đã giao hàng xấu. Tòa có thể, không cho tiêu-hủy khế-ước, nhưng tự mình bớt giá tiền đi.

Khế-ước thương-mại nhiều khi có những đặc-tính riêng, mà những khế-ước dân-sự đồng-loại không có, ví dụ như việc đoạn-mại hàng-hải.

Chúng ta sẽ dành riêng một chương để xét về những khế-ước thương-mại.

CHƯƠNG VII

Những khế-ước thương-mại.

Thực ra thì không có những khế-ước thương-mại riêng biệt, chỉ có những khế-ước dân-sự thành ra thương-sự vì do một nhà buôn ký-kết, nhân công việc buôn bán của mình. Trong chương này, chúng tôi sẽ lựa chọn hai thứ khế-ước quan-trọng và thông-dụng nhất để khảo-sát, là khế-ước đoạn mại hàng-hải và khế-ước vận-tải.

TIẾT THỨ NHỨT

Việc đoạn mại hàng hải.

Việc đoạn-mại hàng-hải có hai đặc-tính rất quan-trọng :

1) việc đoạn-mại bao giờ cũng đi đôi với một việc chuyên-chở hàng-hóa bằng đường biển ;

2) Hàng-hóa đưa gởi lên tàu được ghi vào hóa-đơn vận-tải hóa-đơn này có giá-trị một chứng-khoán thay cho hàng-hóa. Hóa-đơn vận-tải, trong luật hàng-hải, có một tên riêng là *connaissance*, và phải giao cho người mua hàng, cùng với hóa-đơn giá hàng và giấy bảo-hiêm.

Việc đoạn-mại hàng-hải có nhiều loại; mỗi loại có một danh-từ, dùng quen đã thành phổ-thông, nhưng nhiều khi không đúng :

— Đoạn-mại khi dỡ hàng (chúng tôi không tìm được cách nào rõ và gọn hơn để dịch chữ : « *ventes au débarquement* » có nghĩa là hàng được bán khi dỡ trên tàu xuống. Loại này cũng có nhiều hạng : đoạn-mại có chỉ-định chiếc tàu chở hàng, và đoạn-mại khi xếp hàng lên tàu; ta nhận thấy rằng danh-từ đã được dùng rất lộn xộn vì việc đoạn-mại khi xếp hàng lên tàu (*vente sur embarquement*) lại được xếp vào loại đoạn-mại khi dỡ hàng trên tàu xuống.

— Thứ nữa đến đoạn-mại CAF hoặc CIF : những danh-từ này có tính cách quốc-tế; CAF là 3 chữ đầu những từ ngữ Pháp : *Coût* (giá tiền) *Assurance* (bảo-hiêm) và *Frêt*

(tiền chuyên chở); CIF là ba chữ đầu những từ-ngữ Anh : Cost, Insurance, Freight cũng nghĩa như trên; trong khế-ước đoạn-mại này, người mua thành sở-hữu-chủ khi hàng-hóa đã được xếp lên tàu để chở đi.

— Còn một thứ đoạn-mại nữa là đoạn-mại FOB, do những chữ *free on board* viết tắt, tiếng Pháp gọi là *franco bord*; trong việc đoạn-mại này, người bán giao hàng ở ngay bến xuất-cảng nhưng không lấy thêm tiền phí-tồn, vì thế có tên là FOB.

A — Đoạn-mại khi dỡ hàng

Trong những việc đoạn-mại này, người mua chỉ thành sở-hữu-chủ khi nào hàng chở đến bến nhập-cảng, cho nên những sự rủi-ro trong khi chuyên-chở về phần người bán phải chịu. Khi người bán xếp hàng lên tàu chở đi thì nhận được một tờ vận-tải hóa-đơn; hóa-đơn ấy phải gửi cho người mua hàng vì người này phải xuất-trình khi lĩnh hàng. Việc đoạn-mại này có hình thức:

1) *Đoạn-mại có chỉ-định tàu chở hàng*.—Trong luật hàng-hải, việc đoạn-mại này có tên riêng là « *Vente par navire désigné* », và là hình-thức cổ nhất của việc đoạn-mại hàng-hải. Người bán hàng, trong giao-kèo, phải nói rõ hàng-hóa sẽ do chiếc tàu nào chở, đã chọn chiếc tàu nào thì nhất-định là chiếc tàu ấy, không thay đổi được nữa. Người bán phải lo liệu việc chuyên-chở tức là phải chịu mọi sự rủi-ro có thể xảy ra trong khi chuyên-chở: người mua chỉ nhận hàng khi tàu đã đến bến.

Cũng có thể người bán không chỉ-định chiếc tàu trong khế-ước đoạn-mại để sau này sẽ chỉ-định; cũng có khi người bán thêm vào khế-ước một khoản định rằng y xếp được lên tàu bao nhiêu hàng thì bán chừng ấy, không cứ là phải đúng số đã ghi trong khế-ước; người bán cũng có thể thỏa-thuận với người mua cho miễn trách nhiệm về sự giao hàng chậm, hoặc vì hàng không được tốt, hoặc về một vài sự hư-hại khi đi đường.

2) *Đoạn-mại khi hàng lên tàu*. Hình-thức đoạn-mại vừa nói trên là hình-thức của thời-kỳ sự thông-thương còn dùng tàu buồm; đến khi có tàu hơi, người ta dùng một hình-thức khác,

người bán không phải « chỉ-dịnh » chiếc tàu chuyên-chở nữa, chỉ phải ghi ngày sẽ xếp hàng lên tàu vào khế-ước; tàu ấy người bán được tùy ý lựa chọn; hình-thức đoạn-mại này được đặt tên là đoạn-mại khi hàng lên tàu; sự thật, danh-từ ấy không đúng; chính ra là một việc đoạn-mại khi dỡ hàng trên tàu xuống vì trong khi đi đường, nếu xảy ra sự rủi-ro gì, người bán vẫn phải chịu, như vậy tức là lúc hàng lên tàu quyền sở-hữu chưa di-chuyển sang người mua hàng-hóa, chưa coi là đã bán cho người ấy.

B. — Đoạn-mại CAF hay CIF.

Trong tục-lệ quốc-lệ, việc đoạn-mại làm dưới hình-thức này chỉ gọi tắt là CAF hay CIF, không cần nói rõ hơn. Đây là một việc đoạn-mại khi hàng lên tàu, người bán nhận việc chuyên-chở và bảo-hiêm hàng-hóa, nghĩa là phải làm thế nào cho hàng-hóa được đưa lên tàu chở đi và được bảo-hiêm, người mua không phải lo đến những việc ấy. Trong giá bán, gồm cả giá hàng-hóa và tiền phí-tồn chuyên-chở, phí-tồn bảo-hiêm. Hình-thức đoạn-mại này phát-sinh từ cuối thế-kỷ 19 và hiện nay thông-dụng khắp các nước trong thế-giới.

1) *Tính-chất khế-ước CAF.* - Trong khế-ước CAF, một đẳng, người bán có nhiệm-vụ phải lo liệu việc chuyên-chở, bảo-hiêm hàng-hóa, một đẳng khác, người mua thành sở-hữu-chủ ngay khi hàng được xếp lên tàu, không cần phải đến lúc giao hàng, do đấy, trong khi đi đường, nếu có sự rủi-ro thì về phần người mua phải chịu.

Nhưng quyền chấp-hữu thì ăn-nhập với vận-tải hóa-đơn: chỉ khi nào người mua đã nhận được hóa-đơn ấy mới coi là có quyền chấp-hữu. Nếu người bán chưa giao vận-tải hóa-đơn thì người ấy được coi như vẫn giữ quyền chấp-hữu.

2) *Nhiệm-vụ của người bán.*

a) Người bán phải đảm-nhiệm việc xếp hàng lên tàu. Phải làm việc ấy trong thời-gian đã định trong khế-ước. Tờ hóa-đơn vận-tải do viên thuyền-trưởng cấp là chứng-cớ việc xếp hàng ấy.

b) Phải đảm-nhiệm việc chuyên-chở hàng-hóa. Thường thường, khế-ước bó buộc hàng-hóa phải chở trên một chiếc

tàu mà lô-trình sẽ đưa đến tận nơi phải giao hàng, để tránh những việc « sang tàu » có thể làm cho hàng-hóa bị hư-hại. —

c) Phải bảo-hiêm riêng biệt số hàng-hóa đã xếp lên tàu. —

3) *Việc trả tiền.* — Như trên đã nói, giá tiền sẽ gồm cả tiền hàng, tiền chuyên-chở và tiền bảo-hiêm. Người bán thường lấy tiền bằng hối-phiếu và hối-phiếu này thường là một hoàn-thư hối-phiếu, nghĩa là người thụ-ích phải giao cho người mua những tài-liệu liên can đến việc mua bán: vận-tải hóa-đơn, giấy bảo-hiêm, hóa-đơn tiền hàng.

4) *Việc lấy hàng.* — Người mua hàng sẽ đưa vận-tải hóa đơn ra để lĩnh hàng về. Về lượng, trong khế-ước đã nói rõ, nếu xê-xích sẽ trừ hoặc tính thêm vào giá bán. Về phẩm, nếu hàng xấu không đúng với khế-ước, trước kia Tòa-án không cho tiêu-hủy khế-ước, chỉ cho người mua được trả bớt tiền, lấy có rằng người mua đã thành số-hữ chủ ngay khi hàng xếp lên tàu; nhưng ngày nay, án-lệ đã trở nên do dự về vấn-đề này.

5) *Những sự rủi-ro trong khi chuyên-chở.* — Người mua phải chịu những sự rủi-ro này vì hàng-hóa đã thuộc quyền sở-hữ của mình ngay sau khi được đem lên tàu, mặc dầu chưa chấp-hữ những hàng-hóa ấy. Nhưng người mua có thể kiện người bảo-hiêm và người chuyên-chở nếu hàng-hóa đã bị hư hại vì lỗi của những người ấy. Trong khế-ước CAF không thể ước-định rằng người bán phải chịu trách-nhiệm về những sự rủi-ro, vì, như thế, trái hẳn với tính-chất của việc đoạn-mại CAF.

C. — Đoạn-mại FOB.

Khế-ước này chính ra không phải là một khế-ước đoạn-mại hàng-hải, vì ở đây người bán không có nhiệm-vụ phát-sinh ở khế-ước phải đảm-nhiệm việc chuyên-chở hàng-hóa. Nếu người bán có nhận làm việc ấy chỉ là do sự ủy-nhiệm của người mua, tức là do một khế-ước khác, biệt-lập với khế-ước đoạn-mại.

Người bán chỉ có nhiệm-vụ phải giao hàng ở cửa bể xuất cảng mà không lấy tiền phí-tồn về việc xếp hàng lên tàu. Nhưng người mua thì coi như nhận hàng từ trước khi ấy và phải chịu mọi sự rủi-ro có thể xảy ra trong việc chuyên-chở.

TIẾT THỨ II

Khế-ước vận-tải

Chúng ta đã biết rằng việc chuyên-chở, vận-tải là một hành-vi thương-mại, khi nào được tiếp diễn luôn luôn trong phạm-vi một xí-nghiệp. Dân-Luật Pháp quy-định khế-ước này từ điều 1782 đến 1786 và luật Thương-Mại Pháp cũng có nói đến từ điều 103 đến điều 108. Dân-Luật Bắc-Phần và Trung-Phần nói kỹ hơn một chút, từ điều 1083 đến 1094, và từ điều 1264 đến điều 1276.

Có nhiều thứ khế-ước vận-tải: trên đường bộ, trên sông ngòi, trên mặt biển, trên không-trung. Việc vận-tải trên mặt biển, là một vấn-đề rất phức-tạp, thuộc về luật hàng-hải, chúng tôi sẽ không nói đến; Chúng tôi cũng không nói đến việc vận-tải bằng máy bay, vì khế-ước này thuộc luật hàng-không. Những văn-kiện chính yếu về việc vận-tải do đường biển và đường hàng-không là những đạo luật ngày 31-5-1924 ban-hành ngày 3-12-1938, và đạo luật ngày 2-4-1936 ban-hành ngày 18-5-1936. Ở đây chúng tôi sẽ chỉ trình bày những điều đại-thể chung cho khế-ước vận-tải trên đường bộ và trên sông ngòi, nhưng không khảo-cứu riêng-biệt mỗi khế-ước ấy.

§ 1— Tính - chất khế - ước vận - tải.

Khế-ước vận-tải là một khế-ước có trả tiền và có mục-đích chở một người hay một đồ vật, từ một nơi này đến một nơi khác.

Đôi khi, việc chuyên-chở chỉ phụ-thuộc vào một khế-ước khác, như việc bán hàng mà người bán nhận giao hàng đến nhà người mua; việc chuyên-chở ấy không có tính-cách một khế-ước vận-tải.

Trái lại, có những việc không phải là việc chuyên-chở mà lại ăn-nhập vào khế-ước vận-tải. Ví-dụ, hàng-hóa được gửi người chủ-tải để chuyên-chở đi, hoặc khi hàng-hóa đã chở đến nơi rồi mà người chủ-lãnh chưa lấy đi, người chủ-tải phải giữ ở kho: trong hai trường-hợp trên này, những việc ký-thác và ký-tồn đều ăn-nhập với khế-ước vận-tải không phân tách ra được.

Cũng vậy, việc xếp hàng, dỡ hàng đều là những việc phụ-thuộc vào khế-ước vận-tải, và đều do người chuyên-chở thực-hành trừ phi có giao-ước rằng người gửi hàng hay người nhận hàng sẽ làm lấy.

Khế-ước « dọn nhà », ngoài việc vận-tải đồ-dạc, còn gồm cả việc gói ghém, tháo ra, lắp vào : học-thuyết không coi khế-ước này là một khế-ước vận-tải và ở đây, án-lệ cũng không áp-dụng hoàn toàn những điều luật về khế-ước vận tải, chẳng hạn không cho người thầu « dọn nhà » được quyền lưu giữ đồ đạc lại để đợi khách-hàng trả tiền.

§ 2 — Sự thành-lập khế-ước.

Một phần học-thuyết cho rằng khế-ước vận-tải, chỉ thành lập khi nào người gửi hàng đã giao đồ chờ người chuyên chở. Sự thực, khi hai bên đã thoả-thuận về những điều-kiện việc vận-tải thì khế-ước đã thành-lập, việc giao đồ chỉ là việc đầu tiên của sự thi-hành khế-ước. Một mặt khác, việc chở hàng-hóa hay chở hành-khách cùng một tính-cách, không có gì khác nhau ; việc chở hành-khách là một khế-ước phát-sinh ở sự thoả-thuận của hai bên, thì việc chở hàng cũng vậy.

§ 3 — Bằng-chứng khế-ước.

Theo luật tố-tụng Việt-nam, không có sự phân-biệt giữa những việc dân-sự và thương-sự mọi việc đều được tự-do dẫn chứng, không cứ số tiền là bao nhiêu. Chúng ta biết rằng nguyên-tắc ấy cũng được chấp-nhận trong luật Thương-Mại Pháp, điều 109.

Trong thực-tế, những việc vận-tải đều có làm giấy-tờ. Giấy-tờ ấy, trong luật Thương-Mại Pháp gọi là xa-chỉ. Điều 102 Thương-Luật Pháp có kể những chi-tiết phải ghi vào xa-chỉ. Dân-Luật Bắc-Phần và Dân-Luật Trung-Phần đều có nói đến xa-chỉ trong điều 1086 và 1268, nhưng chỉ là để quyết-định rằng mọi điều-khoản miễn trách-nhiệm cho người chuyên-chở ghi ở xa-chỉ đều vô-hiệu. Trong thực-tế, người ta không làm xa-chỉ mà làm vé và biên-lai đưa cho khách-hàng.

§ 4 — Sự thi-hành khế-ước.

A) Trước hết, người gửi hàng giao hàng cho người chuyên-chở và người này phải nhận, làm biên-lai cho người gửi. Người gửi ký vào biên-lai, và biên-lai sẽ là chứng-cớ cho cả hai bên: người chuyên-chở không chối được là chưa nhận hàng, người gửi không đòi được quá số hàng đã ghi trong biên-lai. Người chủ-tải có nhiệm-vụ trông nom săn sóc hàng-hóa đã nhận cho khỏi hư-hại; ngoài ra nếu hàng-hóa đồ vật ấy gây thiệt-hại cho người đệ-tam thì phải chịu-trách-nhiệm với tư-cách là người canh-tủ.

Khi chở hàng hóa đi, người chủ-tải phải theo lộ-trình đã ấn-định; nếu hai bên không ấn-định lộ-trình thì theo đường thường vẫn đi. Phải làm xong việc trong thời-gian đã định, nếu trễ quá hạn sẽ phải chịu trách-nhiệm.

Khi hàng đến nơi, phải giao cho người chủ-lĩnh nếu khế-ước định rằng người chủ-lĩnh phải đến nhận hàng, thì người chủ-tải phải báo cho biết là hàng đã đến nhưng người chủ-tải có quyền giữ hàng lại, không giao, nếu chưa được trả tiền: đó là quyền lưu-trí; lại bó-buộc phải giữ hàng lại, nếu đã nhận được tổng-đặt của người đệ-tam sai-áp chế-chỉ những hàng ấy.

B) Về phần người chủ-lĩnh, người này có quyền xin Tòa cử giám-định để xem xét tình-trạng hàng-hóa, nếu có sự hư-hại đã xảy ra, người chủ-tải cũng có quyền ấy (điều 1089, 1090 Dân-Luật-Bắc-Phần và 1271, 1272 Dân-Luật-Trung-Phần). —

— Theo điều 106 Thương-Luật Pháp thì bất cứ sự tranh-chấp gì trong việc vận-tải (chứ không riêng về gì sự hư-hại), chủ-tải và chủ-lĩnh cũng có thể xin Tòa cử giám-định xem xét.

Nếu tiền vận-tải chưa trả ngay khi gửi hàng thì người chủ-lĩnh phải trả, và nếu không được trả tiền, người chủ-tải có quyền lưu-trí, nghĩa là giữ các đồ-đạc lại (Dân-Luật-Trung-Phần, điều 1274, Dân-Luật-Bắc-Phần, điều 1092), như đã nói ở trên.

Trong trường-hợp hàng-hóa bị sai-áp chế chỉ trong khi đi đường, người chủ-lĩnh cũng không lĩnh được hàng. Sự sai-áp có thể xảy ra trong ba trường-hợp:

a) Chủ nợ của người gửi hàng sai áp: sự sai áp sẽ được coi là hữu hiệu, nếu người gửi hàng còn quyền xử-dụng những hàng-hóa; lát nữa, chúng ta sẽ xét về quyền xử-dụng này;

b) Chủ nợ của người chủ-lĩnh sai-áp: người chủ-tải không được giao hàng cho chủ-lĩnh mặc dầu có lệnh của người gửi.

c) Nếu chính người gửi hàng sai-áp người chủ-lĩnh, thì chủ-tải cũng không được giao hàng.

C) Về phần người gửi hàng: Người gửi hàng tuy có xa-chỉ hoặc biên-lai, nhưng không có quyền chấp-hữu, vì những giấy tờ ấy không có giá-trị một chứng-khoản, tiêu-biểu cho hàng-hóa, như một vận-tải hóa-đơn. Người gửi hàng chỉ có quyền xử-dụng. Xử-dụng ở đây, là quyền chuyển hướng lộ-trình của hàng-hóa: dời về, hoặc đem gửi đi nơi khác. Quyền ấy chấm dứt khi người gửi hàng đã giao xa-chỉ cho người chủ-lĩnh người này sẽ thành ra có quyền xử-dụng.

§ 5 — Trách-nhiệm của người chủ-tải.

A. — Trách-nhiệm trong việc chở hàng. —

1') Nguyên tắc. — Khế-ước vận-tải buộc người chủ-tải vào trách-nhiệm phải bồi-thường sự thất-lạc, hư-hại đồ-vật đã nhận chuyên-chở (điều 103 luật thương mại Pháp, 1784 Dân-Luật Pháp; 1083 Dân-Luật Bắc-Phần và 1265 Dân-Luật Trung-Phần).

Trách-nhiệm ấy phát-sinh ở khế-ước, cho nên khế-ước phải hợp-lệ. Nếu bất-hợp-lệ, tất vô-hiệu-quả và không có hiệu-lực dể buộc người chủ-tải. Nhưng người chủ-tải không phải chịu trách-nhiệm ngay từ khi khế-ước thành-lập. Trách-nhiệm ấy chỉ khởi đầu từ khi nhận hàng-hóa để chuyên-chở (điều 1084 Dân-Luật Bắc-Phần, 1266 Dân-Luật Trung-Phần và 1783 Dân-Luật-Pháp).

Vì trách-nhiệm ấy phát-sinh ở khế-ước, nên người gửi hàng hay người chủ-nhận không cần phải chứng tỏ điều lỗi gì của người chủ-tải để đòi bồi-thường; chỉ cần chứng-tỏ sự giao hàng và sự thiệt-hại đã xảy ra là đủ.

Người chủ-tải được miễn trách, không phải bồi-thường nếu sự hư-hại đã vì lỗi của người gửi gây ra, chẳng hạn không gói bọc kỹ-càng, hoặc vì hàng-hóa có cái bản-chất không chịu đựng nổi việc vận-tải (dễ vỡ, dễ cháy, dễ thiu). Những trường-hợp ngẫu-nhiên và bất-khả-kháng cũng làm cho người chủ-tải khỏi trách-nhiệm: án-lệ đồng-hóa trường-hợp ngẫu-nhiên với trường-hợp bất-khả-kháng và bỏ buộc phải có hai điều-kiện: không thể biết trước được và không thể chống lại được, có thể mới là trường-hợp bất-khả-kháng và người chủ-tải mới được miễn trách; ví dụ như bão lụt, thời-tiết nóng-bức quá độ. Những hành-động của công-

quyền ngăn-cản sự thi-hành khế-uớc cũng coi như trường-hợp bất-khả-kháng : ví dụ xe cộ của chủ-tải bị trung dụng, đường đi bị cấm v.v

2-) Những điều khoản giải-trừ trách-nhiệm.— Điều 103 luật Thương-mại Pháp xác-định trách-nhiệm người chủ-tải như đã nói ở đầu § 5 này. Đạo luật ngày 17-3-1905, sửa đổi điều luật ấy, thêm vào một câu rằng: «tất cả những điều khoản trái lại ghi trong xa-chỉ, trong giá-ngạch, hay trong giấy-tờ gì đều vô-hiệu». Như vậy có nghĩa là hai bên không được thỏa-thuận để miễn trách-nhiệm cho người chủ-tải.

Có hai điều cần thiết ta phải nhận xét về điều này. Việc chở hành-khách, cũng như việc trung-gian vận-tải, không thuộc lĩnh-vực chi-phối của điều 103, và điều này cũng không áp-dụng cho việc vận-tải hàng-không hay việc vận-tải bằng đường sắt quốc-tế. Sau nữa, tuy điều 103 cấm những điều-khoản miễn-trách, nhưng chỉ nhằm việc chuyển-chở chính-yếu thôi; còn về những việc phụ, như xếp hàng và dỡ hàng, hai bên có thể thỏa-thuận để những sự rủi-ro về phần người gửi; một mặt khác, tuy điều-khoản miễn-trách bị cấm, song hai bên có thể định trước số tiền bồi - thường về sự giao hàng chậm cũng như về sự hư hại hàng-hóa : đó là điều khoản trừng-phạt. Nhưng nếu số tiền nhỏ quá, thì điều-khoản trừng phạt cũng vô-hiệu, vì như thế cũng là miễn-trách cho người chủ-tải. Điều khoản trừng-phạt ấy cũng không được áp-dụng, nếu người chủ-tải đã phạm lỗi nặng hoặc đã có hành-động lừa-lọc man-trá đối với người gửi hàng.

Dân-luật Bắc-Phần và Dân-luật Trung-Phần đều có nói đến điều-khoản giải-trừ trách-nhiệm cho người chủ-tải trong những điều 1086 và 1268. Cả hai điều này cùng xác-định sự vô-hiệu của điều-khoản ấy, nhưng có nói rõ rằng dù là việc chở hàng hay chở khách, điều-khoản miễn-trách đều vô-hiệu tức là những điều-luật ấy áp-dụng cho cả việc chở khách.

Ngoài điều ấy ra, sự dẫn-giải ở trên về điều 103 Thương Luật Pháp đều có giá-trị đối với những điều 1086 Dân-Luật Bắc Phần và 1268 Dân Luật Trung Phần.

3.) Tổ-quyền đòi bồi-thường.— Người nào có quyền sử-dụng hàng-hóa thì có quyền sử-dụng tổ-quyền đòi bồi-thường. Người gửi hàng có quyền đòi bồi-thường và người chủ-lĩnh cũng có quyền ấy khi đã tiếp-nhận được quyền sử-dụng.

Khi đã được hãng bảo-hiêm bồi-thường rồi thì những người ấy có quyền kiện người chủ-tải nữa không? Án-lệ vẫn cho phép, nhưng giải-pháp này hơi khó hiểu vì không thích-hợp với đạo luật bảo-hiêm ngày 13-7-1930: theo đạo luật này, người bảo-hiêm đương-nhiên được hưởng-tổ-quyền của người bị thiệt-hại.

Theo luật Thương-Mại Pháp, tổ-quyền ấy có thể vấp phải một lý-do bất-thâm, nghĩa là một duyên-cớ làm cho đơn kiện không được xét về nội-dung mà phải bác-bỏ. Lý-do ấy ở điều 105 Thương-Luật Pháp sửa đổi do đạo luật ngày 11-4-1888. Điều 105 định rằng nguyên-đơn phải đã phản-kháng trong hạn ba ngày kể từ ngày nhận hàng hay ngày trả tiền chuyên-chở, nếu không thì không kiện được người chủ-tải nữa. Nguyên-đơn đây có thể là người gửi hàng hoặc người nhận hàng; không phản-kháng có nghĩa là đã nhận được hàng, đủ số và không hư-hại. Có thể phản-kháng ngay khi nhận hàng bằng cách ghi vào giấy biên-nhận rằng « sẽ hậu xét ». Thời-hạn ba ngày không kể những ngày lễ và không lưu-thông (nghĩa là sẽ ngưng lại) nếu gặp trường-hợp bất khả-kháng. Phản-kháng bằng tổng-đặt của thừa-phát-lại hay thư bảo-đảm cũng được, nhưng phải nói rõ lý-do.

Theo điều 105 trên này, mọi tổ-quyền chống người chủ-tải, muốn được toàn-vẹn đều phải có phản-kháng. Nhưng người chủ-lĩnh chỉ có thể phản-kháng nếu người chủ-tải có giao hàng, vì thế trong trường-hợp hàng-hóa giao chậm hay đã bị thất-lạc mất hết không còn gì mà giao nữa, người chủ-lĩnh không phải phản-kháng; sự phản-kháng chỉ cần thiết nếu người chủ-lĩnh nhận được hàng-hóa bị hư-hại, hay thất-lạc một phần.

Người gửi hàng hay người chủ-lĩnh, nếu vì không phản-kháng, để mất tổ-quyền kiện người chủ-tải, thì sẽ mất luôn cả quyền đòi hãng bảo-hiêm bồi-thường, vì lẽ sự sơ-suất của họ đã làm cho người bảo-hiêm không còn kiện lại được người chủ-tải.

Dân-Luật Trung-Phần và Dân-Luật Bắc-Phần đã đặt ra những điều-lệ khác với điều 105 trên này của Thương-Luật Pháp.

Theo điều 1270 Dân-luật Trung-phần và 1088 Dân-luật Bắc-phần thì khi người chủ-lĩnh đã nhận hàng không phản kháng lẽ gì mà cũng không « dành quyền hậu xét » thì hàng coi là đã giao đủ và tốt lành, trừ phi có bằng-chứng trái lại. Như vậy, tố-quyền của người chủ-lĩnh, ở đây, không bị một lý-do bất-thâm chặn lại; người ấy vẫn có quyền kiện nhưng phải chứng-tỏ rằng hàng-hóa thiếu, hoặc hư-hại. Tuy vậy, người chủ-lĩnh không được viện dẫn bằng-chứng ấy đầu rằng đã phản-kháng, nếu đã mở những gói hàng, thùng hàng ngoài sự có mặt của người chủ-tải hay một người đại diện của người này. Tóm lại, muốn giữ tố-quyền đòi bồi-thường, người chủ-lĩnh không được mở những gói hàng ra, nếu không có chủ-tải dự kiến. Nhưng người chủ-lĩnh không có quyền và không có phương pháp gì bó-buộc được người chủ-tải phải đến dự-kiến, vậy ta phải cho rằng người chủ-lĩnh chỉ cần có giấy triệu người chủ-tải là đủ. Nếu chủ-tải được triệu mà không đến dự-kiến, thì người chủ-lĩnh có quyền mở các gói đồ ra xem, miễn là phải nhờ thừa-phát-lại, hoặc một giám-định-viên nhận xét tình-trạng những đồ vật ấy; như vậy, người chủ-tải sẽ không còn viện-dẫn được điều 1088, hay 1270 nữa, và người chủ-lĩnh sẽ nắm được bằng-cớ chắn.chắn là hàng-hóa bị hư-hại khi mình nhận.

Những điều 1088 và 1270 trên này tuy chỉ nói về trường hợp người chủ-lĩnh, nhưng không có lý-do gì không áp-dụng được cho người gửi hàng nếu người này bị thiệt-hại và đòi bồi-thường.

— Thời-hạn tiêu-diệt tố-quyền. — Điều 108 § I Thương-luật Pháp sửa đổi do sắc luật ngày 30-10-1935, định rằng những tố-quyền có mục-dịch đòi người chủ-tải bồi-thường vì hàng-hóa thất-lạc, hư-hại hay giao chậm bị thời-tiểu sau một năm, không kể trường-hợp người chủ-tải đã gian-lận hay thất-tín. Sự gian-lận hay thất-tín phải hiểu là cái ý-định làm hại khách-hàng, sự thiếu ngay thẳng trong khi thi-hành khê-

ước, sự dấu-diểm những thiệt-hại đã xảy ra (Civ. Sect. Com 2.152. D 52. Somm. 45.)

Cũng điều 108 § 2, sửa đổi do đạo luật ngày 18-11-42 định rằng tất cả những tổ-quyền khác, đề kiện người chủ-tải, người trung-gian hay người gửi hàng và người chủ-linh sẽ thời-tiên sau một năm. Theo sự tra-cứu của chúng tôi, đạo luật này không ban-hành ở Việt nam, vậy ta phải theo § 2 cũ của điều 108, tức là theo biên-chế đạo-luật ngày 11-4-1888 đã sửa đổi khoản 2 ấy. Theo đạo luật này thì những tổ-quyền trên đây bị thời-tiên sau một hạn là 5 năm, Nhưng thời-hạn này bắt đầu từ ngày nào? Phải phân-biệt hai trường-hợp.

Trong trường-hợp hàng-hóa bị hoàn-toàn thất-lạc, thời hạn tiêu-diệt bắt đầu lưu thông kể từ ngày đáng lẽ người chủ-tải phải giao hàng hóa; còn trong những trường-hợp khác, thời-hạn bắt đầu lưu-thông kể từ ngày giao hàng-hóa.

Điều 108 trên đây ấn-định thời-hạn tiêu-diệt cho tổ-quyền của người gửi hàng; người nhận hàng cũng như của người chủ-tải. Trái lại, điều 1093 Dân luật Bắc-phần và 1275 Dân luật Trung-phần chỉ nói đến tổ quyền của người chủ linh thôi: thời-hạn tiêu-diệt tổ-quyền ấy là một năm, và kể từ ngày chủ-linh « được tin hàng-hóa bị thất-lạc hay bị hư-hỏng ». Ta phải hiểu hai chữ « được tin » là « được biết », vì người chủ-tải không có nhiệm vụ báo tin sự thất-lạc hay hư-hỏng cho người chủ-linh; có khi người chủ-tải cũng không biết là hàng-hóa đã bị hư-hại; người chủ-linh « biết » những việc ấy do giấy tờ trao đổi với người chủ-tải khi không thấy người này giao hàng cho mình; hoặc do sự nhận xét của mình sau khi đã nhận hàng hóa.

Còn tổ-quyền của người gửi hàng và người chủ-tải thì sẽ tiêu-diệt bởi thời-hạn nào? Ta có thể cho rằng tổ-quyền của người gửi hàng cũng bị thời tiên sau một năm như của người chủ-linh, vì rằng tổ-quyền ấy cũng bắt-nguồn ở kẻ-ước vận-tải và cũng căn-cứ vào những nguyên-nhân ấy. Còn tổ-quyền của người chủ-tải thì sẽ tiêu-diệt theo thời-hạn phổ thông vì không có điều luật nào ấn-định một thời-hạn khác

(tức là 30 năm theo Dân luật Pháp, điều 2262, 15 năm theo Dân-luật Bắc-phần, điều 863 và 10 năm theo Dân-luật Trung phần điều 936.)

Những thời-hạn tiêu-diệt trên này có thể bị gián-đoạn nếu đã có đơn kiện, hoặc người bị kiện đã có làm giấy nhận nợ. Chúng ta đã biết hậu-quả sự gián-đoạn thời-tiêu như thế nào rồi.

Sau hết thời-hạn tiêu-diệt có thể do hai bên thỏa-thuận rút bớt đi.

— Trường-hợp có nhiều chủ-tải trong một lộ-trình. — Lộ-trình việc vận-tải có khi chia ra nhiều chặng, mỗi chặng do một chủ-tải riêng đảm-nhiệm việc chuyên chở. Trong trường hợp ấy, vấn-đề trách nhiệm của họ phải giải-quyết như thế nào? Thương-luật và Dân-luật đều không nói đến vấn đề này.

Theo án-lệ Pháp :

1. — Người chủ-tải đầu tiên phải chịu trách-nhiệm đối với người gửi, mặc dầu chứng tỏ được rằng đã giao hàng cho một nhà vận-tải khác. Để giải-thích trách-nhiệm ấy, có thuyết cho là người chủ-tải đầu tiên có tư-cách một trung gian vận-tải đã bảo-đảm mặc-nhiên với người gửi rằng hàng hóa sẽ được đưa đến nơi đã định (*commissionnaire du croire de transport*); có thuyết cho rằng người chủ-tải trước đã ủy-nhiệm cho người chủ-tải sau, để tiếp-tục việc chuyên - chở, vì thế nên phải chịu trách-nhiệm. Ta thấy rằng sự bảo-đảm mặc-nhiên và sự ủy-nhiệm đều là những giải-thích hơi gượng gạo gò ép. Trách nhiệm của người chủ-tải đầu tiên có một lý-do giản-dị là người ấy đã nhận việc chuyên-chở cho người gửi hàng đến nơi người này muốn; việc người chủ-tải nhờ đến những đồng-nghiep khác chỉ là những phương tiện để thi-hành khế-ước ấy, và không liên-can đến người gửi.

2. — Những chủ-tải ở chặng giữa chỉ phải chịu trách-nhiệm về những sự hư-hại đã xảy ra trong chặng của mình; trách nhiệm ấy cùng tính-cách với trách-nhiệm của người chủ-tải đầu tiên, nghĩa là không cần phải có điều lời: hễ đã nhận

hàng để chở mà hàng-hóa bị hư hại trong khi mình chuyên chở thì phải chịu trách-nhiệm.

3. — Người chủ-tải cuối cùng chỉ phải đương-nhiên chịu trách nhiệm về những sự hư hại rõ rệt, nghĩa là có thể nhận thấy dễ dàng; về những sự hư hại khác, người nhận hàng phải chứng tỏ rằng người chủ tải cuối cùng đã có lỗi trong việc chuyên chở; chẳng hạn, nếu chứng tỏ được rằng người chủ tải cuối cùng đã được người chủ tải trước giao cho những hàng hóa tốt tức là chứng tỏ rằng sự hư hại đã xảy ra vì lỗi của người chủ tải cuối cùng.

Sau hết, chủ tải nào đã bồi thường đều có quyền kiện lại người đã gây ra sự hư hại.

4.) Sự bồi-thường thiệt-hại — Người nào đòi bồi-thường phải chứng-tỏ sự thiệt-hại. Việc dẫn-chứng dễ dàng nếu hàng-hóa bị thất-lạc; người gửi hàng hay người chủ-lĩnh chỉ việc xuất-trình biên-lai nhận hàng của người chủ-tải, như vậy đủ chứng-tỏ rằng đã giao hàng cho người chủ-tải rồi. Nếu đòi bồi-thường về sự hư-hại thì phải chứng-tỏ sự hư-hại ấy và chứng-tỏ rằng sự hư-hại đã xảy ra sau khi giao hàng cho người chủ-tải hay trước khi người này giao trả.

Thường-thường, sự thiệt-hại được tính ra tiền để trả cho người bị thiệt-hại; nhưng cũng có khi, trong trường-hợp đồ đạc bị thất-lạc, Tòa bắt người chủ-tải mua đồ khác thay vào (vì hàng-hóa tăng giá luôn nên có án-lệ này). Nếu đồ-vật hư-hại quá, mất cả giá-trị thì người chủ-tải có thể phải bồi-thường toàn-thể giá-trị, nhưng được giữ lấy đồ-vật đã bị hư-hại.

Khi đánh giá sự thiệt-hại thì căn-cứ vào giá-trị hàng hóa ở nơi nhận hàng; nhưng hiệp-ước quốc-tế Berne năm 1890 và 1933, quy-nhất việc chuyên-chở quốc-tế bằng đường sắt và đường hàng-không, lại trị-giá hàng-hóa ở nơi gửi.

Sự bồi-thường phải bao gồm cả sự thất-dụng và thất-lợi. Thiệt-hại thất-dụng là sự thiệt-hại vì không được dùng đồ-vật bị mất; thất-lợi là mất một số tiền lợi vì không nhận

được hàng tốt lành, đúng hạn, hay vì hàng-hóa thất-lạc ví - dụ, nếu nhận được hàng người chủ-lĩnh đã bán được có lãi, nay không có hàng bán, bị mất mỗi lời ấy số tiền lãi người chủ-tải cũng phải bồi-thường.

Nhưng trong mọi trường-hợp, người chủ-tải chỉ phải bồi-thường những sự thiệt-hại đã dự-liệu được trước, theo điều 1151 Dân Luật Pháp, trừ khi đã có những hành-động man-trá lừa-lọc. Ví-dụ, người chủ-tải nhận chở một gói kim, không biết trong đựng gì; nếu gói ấy đựng đồ trang-sức quý-giá và bị thất-lạc, người chủ-tải sẽ không phải bồi-thường tất cả giá-tiền những đồ trang-sức ấy, vì không ai đem gửi những đồ quý-giá như thế theo cách-thức ấy, thành ra sự thiệt-hại có tính-cách bất-thường, không thể lường trước được. (Civ. 10-7-1934. Gazette Palais 10/10) — Những hàng-hóa đắt tiền, khi gửi có khai giá, nếu bị thất-lạc, số tiền bồi-thường không quá được giá khai.

Giải-pháp trên này cũng là giải-pháp của điều 1272 § 2 Dân-Luật Trung-Phần và 1000 Dân-Luật Bắc-Phần.

B. — Trách-nhiệm về việc chở khách.

1. — Trong Dân-Luật và Thương-Luật-Pháp. — Dân-Luật và Thương-Luật-Pháp không quy-định việc chuyên-chở hành-khách. Để bắt người chủ-tải phải bồi-thường mỗi khi có tai-nạn xảy ra, án-lệ Pháp đã căn-cứ vào điều 1382 Dân-Luật. Với điều luật này, nạn-nhân phải chứng-tỏ một điều lỗi của người chuyên chở và chứng-tỏ rằng tai-nạn làm cho mình (hay thân-nhân mình) bị thương (hay thiệt-mạng) đã do cái lỗi ấy gây ra. Việc dẫn chứng ấy rất khó-khăn vì người đi xe mấy khi biết rõ được vì duyên-cớ gì đã xảy ra tai-nạn, nhất là khi tai-nạn xảy ra vì một lý-do chuyên-môn cơ-khí.

Vì thế, để cho tình-trạng hành-khách được bảo-dảm hơn đề cho việc đòi bồi-thường không gặp phải sự khó-khăn quá đáng, án-lệ, bắt đầu từ năm 1911 (Civ. 21-11-1911. S 1912. 1.73) đã đặt ra một thuyết khác; theo thuyết mới này thì khế-ước chở khách buộc người chủ-tải vào nhiệm-vụ phải đưa người này « đi đến nơi về đến chốn » một cách an-toàn. Một khi đề xảy ra tai-nạn tức là người chủ-tải đã khiến-khuyết nhiệm-vụ của

minh; hành-khách chỉ việc căn-cứ vào sự khiếm-khuyết ấy mà đòi bồi-thường, không cần phải chứng-tỏ đích-xác một điều lỗi gì của người chủ-tải. Như vậy, hành-khách tránh được cái nhiệm-vụ dẫn-chứng khó-khăn trên kia, và chính người chủ-tải muốn được giải-trừ trách-nhiệm, phải chứng-tỏ rằng tai-nạn đã xảy ra vì một trường-hợp bất-khả-kháng, vì lỗi của một người đệ-tam, hay vì lỗi của nạn-nhân. Nếu lỗi của nạn-nhân không phải là duyên-cớ duy-nhất gây ra tai-nạn, nếu tai-nạn xảy ra chỉ vì lỗi của nạn-nhân có một phần, thì trách-nhiệm của người chủ-tải chỉ giảm bớt đi thôi.

Trách-nhiệm người chủ-tải được coi là phát-sinh ở khế-ước cho nên nếu giữa nạn-nhân và người chủ xe không có khế-ước liên lạc thì người chủ xe không phải trách-nhiệm : đó là trường-hợp người đi xe nhờ hay đi dẫu.

Trách-nhiệm của người chủ-tải khởi đầu từ lúc nào? không bắt đầu từ khi khế-ước thành-lập, mà bắt đầu từ lúc khế-ước được thi-hành. Theo án-lệ Pháp, trong việc chuyên-chở bằng xe lửa, trách-nhiệm ấy khởi đầu từ lúc hành-khách đến ga hay đến xe dành cho các hành khách (Paris 2-3-1950, Jcp 1950. 2 5 470); trong việc chuyên-chở bằng xe hơi, trách-nhiệm ấy khởi đầu từ lúc hành-khách ngồi vào xe hay sắp sửa trèo lên xe Civ. 20-4-1942. Da 1942.147).

Xe tới nơi rồi, trách-nhiệm của người chủ-tải cũng chưa hết, phải đợi đến lúc hành-khách đã xuống xe, hoặc đã đi khỏi sân ga (Lyon 6-6-46-S 1947-2-23; Seine 25-10-49-D 1950. Som-33).

2.)— Trong luật Việt-Nam.-Dân-Luật Bắc-Phần và Dân-Luật Trung Phần đều có quy-định trách-nhiệm của người chủ-tải chở khách và đã theo quan-diểm trên này của án-lệ Pháp. Điều 1085 và 1267 định rằng người chủ-tải phải chịu trách-nhiệm về những tai-nạn xảy đến cho hành-khách, trừ phi tai-nạn xảy ra vì lỗi của nạn-nhân, hay vì một duyên-cớ ngẫu-nhiên, một trường-hợp bất-khả-kháng (Luật không nói đến lỗi của người đệ-tam vì trong luật nghĩa-vụ, lỗi ấy được coi như một trường-hợp bất-khả-kháng). Hai điều luật trên này có nói rõ rằng trách-nhiệm của người chủ-tải khởi đầu từ lúc hành-khách đặt chân lên xe-cộ, thuyền-tàu.

3 — Trường-hợp tai-nạn chết người. — Khi một hành-khách bị chết vì tai-nạn thì thân-quyền có thể kiện đòi bồi-thường nhưng phải chứng-tỏ điều lỗi của người chủ-tải. Có thể đòi bồi-thường cả về sự thiệt-hại vật-chất và sự thiệt-hại tinh-thần, do sự đau thương gây ra, tố-quyền này căn-cứ vào điều 1382 Dân-Luật Pháp đối chiếu với điều 761 Dân-Luật Trung-phần và điều 712 Dân-Luật Bắc-phần. Đó là tố-quyền độc nhất của người nào ăn ở như vợ chồng với nạn-nhân, nhưng không có giá-thứ, và của những thân-quyền không có quyền đòi nạn-nhân cấp-dưỡng trong sinh-thời người này. Còn những thân-quyền có quyền được nạn-nhân cấp-dưỡng khi sinh-thời (Xem Dân Luật Trung-Phần từ điều 773 đến 775; Dân-Luật Bắc-Phần từ điều 719 đến 722; Dân-Luật Pháp từ điều 203 đến 211), thì ngoài tố-quyền trên này, còn có một tố-quyền khác, căn-cứ vào khế-ước. Chúng ta biết là án-lệ đã cho rằng khế-ước vận-tải buộc người chủ-tải phải đưa người khách « đi đến nơi về đến chốn » một cách an-toàn. Ở đây, án-lệ đã đi thêm một bước nữa và cho rằng khi lập ước cho vậy, người hành-khách không những chỉ ước-định cho mình còn ước-định cả cho những thân-quyền gần nhất nữa (điều 1121 Dân-Luật Pháp; 664 Dân-Luật Bắc-Phần và 702 Dân-Luật Trung-Phần). Vì thế mà những thân-quyền này nại được sự khiếm-khuyết nhiệm-vụ của người chủ-tải để đòi bồi-thường, tuy rằng chính ra khế-ước ấy đối với họ là một ngoại-vật (*res inter alios creta*) (Civ. 6. 12. 32. D 1933. 1. 137).

Những tố-quyền này bị tiêu-diệt theo thời-hạn phổ-thông; nhưng khi nào tai-nạn xảy ra là một hình-tội thì tố-quyền cũng tiêu-diệt với sự truy-tố hình-tội ấy (Đây là một khinh-tội, vậy Công-tố-quyền sẽ tiêu-diệt sau 3 năm theo luật Hình-sự-Tố Tụng Pháp áp-dụng ở Nam-Phần; sau 10 năm theo Hình-Luật Bắc-Phần điều 38 và 45 Hình-Luật Trung-Phần.

HẾT QUYỀN NHẤT.

GIẢI-THÍCH NHỮNG CHỮ VIẾT TẮT

- Cass** : Tòa Phá-án (Cour de Cassation)
Civ : Phòng Hộ Tòa Phá-án (Chambre Civile de la Cour de Cassation)
Civ. Sect Com. : Phòng Hộ Tòa Phá-án, Ban Thương-mại (Section Commerciale)
Req : Phòng Đơn-lư Tòa Phá-án (Chambre des Requetes)
TA : Tòa-án

D : Dalloz (*Tập san Dalloz*)
Da : Dalloz analytique (*Dalloz phân - tích tập*) từ 1941 đến 1944
Dc : Dalloz critique (*Dalloz phê bình tập*) 1941 đến 1944
Dh : Dalloz hebdomadaire (*Dalloz tuần san*) Về trước 1941
Dp : Dalloz périodique (*Dalloz định kỳ*) Về trước 1941
Gp : Gazette du Palais (*bán tuần-san Gazette du Palais*)
S. : Sirey (*Tập san Sirey*)
J. C. P. : Juris-classeur périodique (*tạp chí juris-classeur périodique*)
J : Phần án-lệ trong tập-san (*Jurisprudence*)
Som : Sommaires (*phần tóm-lắt án-lệ trong tập-san*)
-

— **Thí dụ** : Civ. 19.11.24 DP 1926.1.138, là : Xem án của Phòng Hộ Tòa Phá - Án ngày 19.11.24 trong Tập-san Dalloz périodique năm 1926, phần I, trang 138.

— Khi nào một tên tỉnh được chỉ-dẫn, tức là bản án của Tòa Thượng-Thẩm tỉnh ấy. **Thí dụ** : Paris 28-4-45 D.45 J.341, là : Xem án Tòa Thượng-Thẩm Paris ngày 28-4-45 trong tập-san Dalloz năm 1945, phần án-lệ, trang 341.

— Paris 25.2.26. GP 1926. 2.26, là : Xem án Tòa Thượng-Thẩm Paris ngày 25.2.26 trong Gazette du Palais, năm 1926 phần 2, trang 26.

— Paris 21 - 2 - 38 GP 10/5, là : Xem án Tòa Thượng-Thẩm Paris ngày 21 . 2 . 38 trong Gazette du Palais ngày 10 tháng 5.

— JCP 1947. 2.3534, là : Xem Jurisclasseur périodique năm 1947, phần 2, số 3534.

Khi nào một tên tỉnh có hai chữ TA đứng trên tức là : bản án của Tòa Sơ-Thẩm tỉnh ấy. **Thí dụ :** TA Bruxelles 21-10-33 S 1934. 4.1, là : Xem án Tòa Sơ-Thẩm Bruxelles ngày 21-10-33, trong tập-san Sirey năm 1934, phần 4, trang 1

TÀI LIỆU THAM KHẢO

J. ESCARBA : — Manuel de Droit Commercial (1948).

PERCEROU et BOUTERON :

— La Nouvelle Législation Française et Internationale sur
la Lettre de Change, le Billeť à Ordre et le Chèque.

G. RIPERT : — Traité Elémentaire de Droit Commercial (1951).

Mục - Lục

	Trang
Lời tựa.	7
CHƯƠNG I	
Định nghĩa danh-từ nhà buôn.	11
Tiết 1— Những nghề tự-do và công-nghệ.	12
A) Những nghề nghiệp tự-do	12
B) Những công-nghệ	13
Tiết 2— Nhà buôn	15
CHƯƠNG II	
Những hành vi thương mại	18
Tiết 1— Phân tách hành vi thương mại	18
§ 1— Việc mua	19
§ 2— Việc bán lại	20
Tiết 2— Những hành-vi thương-mại ở trong luật Thương-mại	21
A) Những xí nghiệp	22
B) Sự khai mỏ	24
C) Ngân hàng, hối đoán, trung gian thương-mại.	24
D) Hối phiếu	25
E) Hành-vi thương-mại trong điều 633 Thương luật Pháp	27
F) Buôn-bán chứng-khoán và bảo-hiêm	27
Tiết 3— Những hành-vi thương-mại phụ-thuộc.	29
§ 1— Giải thích	30
§ 2— Bằng - chứng,	30
§ 3— Áp - dụng	33
CHƯƠNG III	
Những điều-kiện và nhiệm-vụ của nhà buôn.	33
Tiết 1— Những điều-kiện	33
A) Buôn-bán cho mình.	33
B) Vị-thành-niên	33
C) Người đàn-bà có chồng.	35
D) Những người bị cấm quyền và những người diện	36

E) Những người kém-trí và những người hoang phí quá độ	38
Tiết 2— Những nhiệm-vụ nhà buôn	39
§ 1— Sổ - sách.	39
§ 2— Công-bố hôn-trước	44
§ 3— Việc ghi tên vào sổ thương-mại.	47
CHƯƠNG IV	
Cửa hàng thương-mại	51
Tiết 1— Những yếu-tố hữu-hình	51
Tiết 2— Những yếu-tố vô-hình.	52
§ 1— Kê - khai,	52
§ 2— Sự bảo-vệ những yếu-tố vô-hình	56
Tiết 3— Quyền sở-hữu thương-mại	57
§ 1— Người hưởng-thụ	58
§ 2— Điều-kiện	58
§ 3— Quyền-lợi	58
Tiết 4— Tính-chất pháp-lý cửa hàng thương-mại	62
Tiết 5— Việc mua bán cửa hàng thương-mại	63
§ 1— Thẻ-thức.	64
§ 2— Điều-kiện	65
§ 3— Đối-tượng	65
§ 4— Hậu-quả	66
Phụ-tiết 1—	
§ 1— Nhiệm-vụ bảo-đảm của người bán.	66
§ 5— Quyền bảo-đảm của người bán	67
Phụ-tiết 2—	
§ 1— Sự bảo-vệ những chủ nợ của nhà buôn	69
Bố-cáo việc mua bán	69
Đấu-giá thêm 1/6	71
Đem cửa hàng nhập hội	71
Tiết 6— Cầm-cố cửa hàng thương-mại	72
1— Những yếu-tố cầm-cố được	73
2— Thẻ-thức	73
3— Hiệu-quả của sự cầm-cố	73
Tiết 7— Quản-lý cửa hàng thương-mại.	77
A) Quản-lý thù-lao	78
B) Quản-lý tự-do	78
C) Quản-lý đoạn-mại	80

CHƯƠNG V

Những thương-phieu	81
Tiết 1— Hồi-phieu	81
Định-nghĩa	81
§ 1— Những sự tương-quan gây ra hồi-phieu	82
§ 2— Điều-kiện hình-thức	83
§ 3— Những vai chính trong hồi-phieu	87
A) Người chủ-tạo :	87
— Năng-lực	87
— Nguyên-nhân việc làm hồi-phieu	88
B) Người thụ-ích	89
— Nguyên-nhân việc trao hồi-phieu	89
— Hậu-quả việc trao hồi-phieu	89
C) Người thụ-tạo :	90
— Tiền dự-kim	90
— Hồi-phieu trá-tạo	91
§ 4— Sự bảo-lĩnh hồi-phieu	93
A) Hình-thức	93
B) Hậu-quả	94
§ 5— Bối-thự hồi-phieu	94
A) Hình-thức	94
B) Hậu-quả	96
C) Trách-nhiệm liên-đời của những người bối-thự	96
D) Sự bất-đối-kháng những phương-pháp kháng-biện	97
§ 6— Bối-thự bất-chuyển-quyền	99
§ 7— Việc trả tiền hồi-phieu	100
A) Xuất-trình hồi-phieu	100
B) Trả tiền hồi-phieu	100
§ 8— Sự-hành những phương-pháp tổ-tụng	104
A) Sự-hành chống với ai	104
B) Phải phản-kháng trước ; trường-hợp được miễn phản kháng ; trường-hợp mất quyền phản-tố	104
C) Đòi được những tiền gì	105
D) Thời-tiêu những phương-pháp tổ-tụng	
Tiết 2— Lệnh-phieu	107
§ 1— Hình-thức	107

§ 2—	Tính-chất	108
Tiết 3—	Chi-phiếu	109
§ 1—	Thê-lệ về hình-thức	110
A)	Chi-phiếu thường-dùng	110
B)	Chi-phiếu đặc-biệt	112
§ 2—	Phát-hành chi-phiếu	113
A)	Sự liên-lạc giữa chủ-tạo, thụ-tạo và thụ-ích	113
B)	Tiền dự-kim	114
§ 3—	Sự lưu-bành chi-phiếu	115
§ 4—	Trả tiền chi-phiếu	115
a)	Phải trả tiền ngay	116
b)	Trường-hợp không đủ dự kim	116
c)	Phương-pháp tổ-tụng	116

CHƯƠNG VI

Việc xét xử những vụ tranh tụng có tính cách thương-mại.	118
Tiết 1— Những Tòa-án thương-mại	118
Tiết 2— Thủ-tục thương-mại	119
Tiết 3— Những điều-kiện đặc biệt về những việc thương-mại	120
A) Điều-lệ dẫn-chứng	120
B) Điều-lệ về nội-dung	122

CHƯƠNG VII

Những khế-ước thương-mại	124
Tiết I.— Việc đoạn-mại hàng-hải.	124
— A) Đoạn-mại khi dỡ hàng	125
— B) Đoạn-mại CAF hay CIF	126
— C) Đoạn-mại FOB	127
Tiết II.— Khế-ước vận-tải	128
§ 1 — Tính-chất	128
§ 2 — Sự thành-lập khế-ước.	129
§ 3 — Bảng chứng khế-ước	129
§ 4 — Sự thi-hành khế-ước.	130
§ 5 — Trách-nhiệm của người chủ-tải :	131
A) Trong việc chở hàng	131
B) Về việc chở khách	138